

Diễn đàn

Số 163 / 6.2006

ISSN 1164-2378

F O R U M



Erich Rohrauer, *Lotus-Girl / Thiếu nữ và hoa sen*
(Tập ảnh « VN trong con mắt người nước ngoài »
<http://www.fotcommunity.de> / 11. 05 . 2006)

Mục lục

- 1 Diễn Đàn Sang trang
- 2 Sinh hoạt – Điểm sách

Thời sự, những vấn đề

- 4 Tin tức, thời sự
- 9 Ban chấp hành Trung ương ĐCSVN
- 12 Công nghệ hạt nhân và VN Đặng Đình Cung
- 17 Watergate bên bờ sông Seine Nguyễn Quang

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- 19 Sổ tay Châu Hoàn, Đặng Tiến, Phong Quang
- 20 Đọc « Sát thủ kinh tế » Trần Hữu Dũng
- 22 Đường Lâm : làng hay xã ? Nguyễn Tùng
- 24 Bệnh truyền nhiễm... Nguyễn Đức Hiệp
- 26 Xem tranh cổ Trung Quốc Văn Ngọc
- 29 Ngây như phồng (truyện ngắn) Đào Vũ Hoài
- 31 Hai áng văn Nguyễn Ngọc Tư

Cùng bạn đọc

DIỄN ĐÀN SANG TRANG

Bắt đầu từ tháng 9 tới đây, *Diễn Đàn* sẽ chuyển hẳn thành báo mạng. Số báo 164 tới, ra đầu tháng 7, sẽ là số báo in cuối cùng. Như thường lệ, báo nghỉ tháng 8. Bắt đầu từ ngày 15.9.2006, *Diễn Đàn trên mạng* sẽ triển khai với nội dung phong phú và hình thức đổi mới mà chúng tôi sẽ phác hoạ ở dưới đây.

Như vậy là Diễn Đàn sẽ « sang trang », bắt đầu một giai đoạn mới, sau 15 năm tồn tại dưới dạng thức quen thuộc với bạn đọc.

Trước tiên, ban biên tập Diễn Đàn xin trình bày với bạn đọc nguyên uỷ của thay đổi này. Nói ngắn gọn, có hai lí do chính, một tiêu cực, một tích cực.

Trong lí do tiêu cực, có yếu tố tài chính, song không chỉ có tài chính. Năm 1991, bắt đầu cuộc « phiêu lưu » Diễn Đàn, chúng tôi đã ước hẹn với nhau : đây là tờ báo, là một diễn đàn độc lập, không phải là cơ quan của một tổ chức hay đoàn thể chính trị, do đó, về mặt tài chính nó dứt khoát không dựa vào quảng cáo hay sự tài trợ nào khác. Nó sống được hay không về mặt tài chính, là do bạn đọc quyết định. Chúng tôi giao hẹn với nhau : khi nào số bạn đọc mua dài hạn xuống dưới mức 500 người, « cuộc chơi » đương nhiên sẽ chấm dứt. Cũng phải nói thêm : lúc đó, anh chị em chúng tôi chờ đợi tờ báo giới lắm sẽ cầm cự được 5 năm.

15 năm đã trôi qua. Giờ « chân lí » đã điểm : từ một năm nay, số bạn đọc mua báo đã xuống gần 400 người. Thực ra, do sự quản lí « tài tình » của bộ phận tài chính, tờ báo còn có thể « trụ » được thêm một thời gian nữa. Song đó chỉ là vấn đề thời gian, tính bằng số tháng.

Và, như trên đã nói, vấn đề không chỉ đơn thuần là tài chính : trong khi số bạn đọc của tờ báo in tiếp tục giảm xuống, thì số bạn đọc trên mạng internet đã tăng nhanh chóng. Đầu năm 2005, mỗi tháng có khoảng 4 000 độc giả, trong đó có khoảng 1000 ở Việt Nam, 1000 ở Bắc Mỹ, 800 ở Pháp. Tháng 4 năm nay, tổng số bạn đọc mỗi tháng đã lên tới 11 588, riêng ở Việt Nam 7 712 (66,55 %),

(xem tiếp trang 3)

Triển lãm của DAO DROSTE

- triennale der skulpturen, BAD RAGAZ (CH), 20.5.-31.11.
- fest der kleinskulpturen im alten bad pfäfers, BAD RAGAZ (CH), 21.5.- 31.10. 2006
- Schloß Neuenbürg, neue bodeninstallation, 27.8.-8.10
xem chi tiết tại <http://www.daodroste.de>

Chương trình biểu diễn của NGUYỄN LÊ

JUNE : 1 **Lyon** duo Paolo Fresu, 2 > 14 **ELB Italy tour**, 2 **Fasano**, ELB Trio Erskine/Benita, 9 **Bolsano** ELB trio, 10 **fest Liège** Trio Renaud Garcia Fons, Patrice Héral, 14 **Milano** ELB trio, 16 > 18 **Amsterdam** Uri Caine Mozart - Jim Black, Drew Gress, DJ Olive, Ralph Alessi, J. Hammann, B. Whitney, 24 **Torres Vedras**, (Portugal) Hendrix, 25 **Eupen** (B) Hendrix

JULY : 4 **Tours** (F) trio Gary Willis & Stephane Galland, 8 **Riga** (Lettonia) duo Dhafer, 11 **Blois** (F) duo, 15 **Arezzo** (I) Hendrix, 17 > 22 **Salzburg** (A) Workshop, 23 San Sebastian (SP) Uri Caine Mozart, 24, 25 **Sinis** (I) duo Dhafer/Paolo, 26 **Languenau** (CH) Huong Thanh 6tet, 28 **Malmo** (S) duo Dhafer, 30 Camerino (I) Uri Caine Mozart

<http://www.nguyen-le.com/>

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Nhà văn **TRẦN THU'**

đã từ trần ngày ngày 29-4-2006 tại Hà Nội sau một cơn bạo bệnh, thọ 80 tuổi. Lễ tang đã cử hành ngày 3-5.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

Ông **NGUYỄN ĐÌNH NGỌC**

đã từ trần ngày 2-5-2006 tại Hà Nội sau một cơn bạo bệnh, thọ 74 tuổi. Lễ hoá táng đã cử hành ngày 8-5.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng chị Tinh và toàn thể tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lí, kĩ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lệ,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuý, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

sách mới sách mới



Biến chuyển lòng tin ở phương Tây

Nhà xb Thuận Hoá & Cty Phương Nam, 2006, 148 tr., 20 000 Đ.

Cuốn sách này tập hợp 6 bài nói chuyện của tác giả tại Học viện Phật giáo Huế “mở rộng” cho giới trí thức và đại học, tổ chức vào tháng 7.2005 để giới thiệu môn xã hội học tôn giáo. Sự thực, nó “mở rộng” hơn nhiều – hầu như ai muốn cũng đọc được – nhờ cách trình bày của tác giả : giản dị mà không sơ lược, sinh động mà nghiêm túc, dí dỏm mà chính xác. Qua 140 trang khổ nhỏ, người đọc nắm bắt được những nét chính trong mối quan hệ, xung đột giữa tôn giáo (cụ thể là Ki tô giáo) và khoa học ở Âu châu. Sự suy sụp của *định chế tôn giáo* (Nhà thờ) không huỷ diệt tôn giáo mà dẫn tới sự trỗi dậy của *tính tôn giáo* (le religieux). Từ đầu đến cuối, tác giả nhấn mạnh đây là chuyện ở (và của) “phương Tây”. Người đọc không thể đặt ra một câu hỏi và nêu ra một ước mong. Câu hỏi : Những điều ấy, cái nào không đúng, cái nào đúng ở phương Đông ? Ước mong : được đọc tiếp Cao Huy Thuần về quan hệ giữa xã hội và tôn giáo ở phương Đông.

PHAN HUY ĐƯỜNG

Tư duy tự do



Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2006, 292 tr, 50 000 Đ.

Đây là bản tiếng Việt của tác giả cuốn *Penser librement* (nxb. Chronique Sociale, 2000, xem bài giới thiệu của Hàn Thuý, *Diễn Đàn* số 99, tháng 9.2000).

Say mê Marx và Sartre, tác giả muốn mời gọi bạn đọc đi vào triết lí bằng tư duy biện chứng, hiểu theo nghĩa của riêng mình, để “kết-hợp hài hoà kiến-thức khoa-học, phẩm-chất của đời sống và giá-trị tinh-thần của những nền văn-minh trong mọi lĩnh-vực của kiếp người. Để làm vậy, không cần là một chuyên-gia hay một học giả bách khoa, chỉ cần suy-luận một cách tự-nhiên. Suy-luận biện-chứng là cách suy-luận tự-nhiên của con người.”

Để nắm rõ nội dung cuốn sách, độc giả có thể tìm đọc lời tựa của Hoàng Ngọc Hiến (in ở đầu cuốn sách hay đọc trên mạng “Ăn mày văn chương”, địa chỉ: <http://amvc.free.fr/niv1/niv2/TDTD5A-Tua.htm>).

Bạn đọc có thể mua qua trung gian của báo *Diễn Đàn*. Giá sách (*kể cả cước phí bưu điện*) : 12 € (Pháp), 19 € (Liên hiệp Châu Âu & Thụy Sĩ), 23 € (nơi khác). Ngân phiếu đề tên *Diễn Đàn* và gửi về địa chỉ : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 Bourg La Reine (Pháp).

Kiến Văn

DIỄN ĐÀN SANG TRANG

(tiếp theo trang 1)

ở Hoa Kỳ 1406 (12,13 %), ở Pháp 609 (5,26 %), ở Đức 382 (3,30 %). Như vậy là số độc giả trên mạng của Diễn Đàn gấp 30 số độc giả báo in, và đối với 80 % độc giả, trả tiền mua báo (in) là điều không thể (đối với người ở trong nước) hoặc quá đắt (đối với người ở ngoài Tây Âu). Thay đổi lớn trong cục diện độc giả và khó khăn tài chính là lí do « tiêu cực » dẫn tới quyết định của chúng tôi.

Lí do tích cực cũng gắn liền với cục diện độc giả : đó là mối quan hệ giữa báo chí và mạng internet, hay đúng hơn, những khả năng mới mà internet mở ra cho báo chí. Khi Diễn Đàn ra đời, trong ban biên tập chỉ có một hai người sử dụng internet (và sử dụng vì lí do nghề nghiệp ở trường đại học), và đa số còn viết bài bằng bút hay gõ mỗ cò trên máy chữ. 15 năm sau, phần đông bạn đọc ngày ngày truy cập báo chí quốc nội và hải ngoại để theo dõi tình hình Việt Nam. Trong khi những số báo in của Diễn Đàn vẫn thuộc diện « quốc cấm », số người trong nước vượt qua những e ngại ban đầu để truy cập Diễn Đàn và dám hỏi bạn bè cách « vượt tường lửa » ngày càng đông và tăng trưởng nhanh chóng.

Sự thay đổi sâu rộng này đặt ra cho tờ báo những vấn đề mới : không phải chỉ là thay đổi phương thức, thay giấy thật bằng giấy « ảo », mà phải phát huy những đặc tính của mạng internet để sáng tạo ra những hình thức mới cho báo chí. Xin đơn cử một vài thí dụ :

Một khác biệt nổi bật giữa tờ báo 32 trang khổ A4 và tờ báo mạng là một bên « hữu hạn », một bên gần như vô hạn. Từ đó dẫn tới hai hệ quả, thoạt trông trái ngược nhau :

* Từ nay, tờ báo sẽ không bị hạn chế về chiều dài bài vở các loại, có thể đăng toàn văn những tài liệu dài, những bài nghiên cứu đào sâu một vấn đề, những truyện ngắn... dài, truyện vừa, thậm chí truyện dài.

* Song sự « vô hạn » của mạng internet lại đặt độc giả vào một mê hồn trận : làm sao tập hợp được tối đa thông tin, đồng thời chọn lọc những thông tin cần thiết ? Vai trò của tờ báo chính là kết hợp hai yêu cầu ấy : vừa cung cấp cho bạn đọc khả năng đọc mọi thông tin mà không « kiểm duyệt », vừa làm công việc của người « thư kí », chọn lọc những thông tin « cần đọc » – và cố nhiên, tờ báo vẫn phải tiếp tục chức năng của nó là phân tích, bình luận.

Một thuận lợi nổi bật nữa của mạng internet là tính tương tác (*interactivité*). Nó là nơi lí tưởng để thảo luận, tranh luận, cọ sát những ý kiến, quan niệm khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Tuy nhiên, những ai theo dõi các « diễn đàn » trên mạng đều thấy rằng phần đông (nếu không nói là hầu hết) để trở thành « chợ trời », thượng

vàng hạ cám, nói chính xác hơn : cám nhiều hơn vàng, biến thành vũ đài cãi vã của một vài cá nhân cố nói lấy được, còn số đông sẽ thụ động « đếm điểm » và nhanh chóng lánh xa. Diễn Đàn sẽ cố gắng định ra và liên tục cải tiến các « luật chơi » để tạo ra những cuộc thảo luận sinh động, bổ ích.

Sự ưu việt của internet nổi bật trong tính « tức thời » của các thông tin mà nó chuyển tải. Trong khả năng của mình, ban biên tập và các cộng tác viên sẽ cố gắng cập nhật hoá các thông tin (thời sự, sinh hoạt nhiều vẻ, thí dụ như sinh hoạt ẩm thực : chúng tôi nghĩ tới một mục « số địa chỉ » giới thiệu các quán ăn Việt Nam « ngon lành » ở Việt Nam và trên thế giới – tất nhiên, mục này chỉ có thể thực hiện nếu có sự tham gia thường xuyên của đông đảo bạn đọc để giữ tính phong phú của « số địa chỉ » và kịp thời loại bỏ những quán ăn xuống cấp).

Quan trọng không kém là đặc điểm này : internet khác mạng nhện ở chỗ nó không có trung tâm. Vì lí do lịch sử, đa số biên tập viên Diễn Đàn sinh sống ở vùng Paris, song hiện nay đã có biên tập viên ở Thụy Sĩ, Đức, Bắc Mỹ và cộng tác viên ở Việt Nam và một số nước khác. Diễn Đàn sẽ thực sự trở thành báo mạng khi ban biên tập có mặt ở các châu lục khác nhau, làm việc (họp, biên tập, lên khuôn) qua mạng.

Đó không phải chỉ là một mong ước, mà thật sự là một yêu cầu bức thiết. Ở trên, chúng tôi chỉ phác hoạ đôi nét diện mạo của Diễn Đàn bắt đầu từ ngày 15-9-2006, nhưng muốn được thế, ban biên tập và các cộng tác viên sẽ phải cố gắng rất nhiều, và sẽ cần được bạn đọc các nơi góp ý kiến, phê bình, gợi ý.

Vào lúc Diễn Đàn sang trang, chúng tôi đặc biệt nghĩ tới những bạn đọc hiện nay chưa nối vào mạng internet, hay quá quen cầm tờ báo trong tay (dù vẫn vào mạng). Chúng tôi hết sức thông cảm với sự « ngậm ngùi » của các bạn : nếu được chọn giữa màn ảnh và trang giấy, chính chúng tôi cũng chọn trang giấy và mùi mực. Biết làm sao, ngoài ước mong thiết tha, rất thiết tha, là được tất cả bạn đọc cùng « sang trang ». Để hơn bao giờ hết, tờ báo này trung thành với mục tiêu của nó : vì phát triển và dân chủ của đất nước Việt Nam.

Diễn Đàn

HOÀN LẠI TIỀN MUA BÁO Phần đông bạn đọc đặt mua báo theo năm học, báo in ngừng ra sau số 164 cũng trùng hợp với kì hạn của nhiều độc giả. Một khác, qua thăm dò ý kiến, chúng tôi được biết đa số bạn đọc vui lòng cho Diễn Đàn giữ số tiền còn lại để chi tiêu cho báo mạng (miễn phí). Tuy nhiên, bạn đọc nào muốn lấy lại số tiền ứng với những số báo 165 và tiếp theo, xin vui lòng viết thư về toà soạn (Diễn Đàn, BP 50, 92340 Bourg La Reine, France) hay gửi email (diendan@diendan.org), chúng tôi sẽ gửi séc hay ngân phiếu hoàn lại. Xin thành thực cảm ơn tất cả.

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Con bão Chan Chu : một thảm hoạ không chỉ do thiên nhiên

Sau nhiều thông tin thay đổi từng ngày, và sau khi phần lớn các tàu đánh cá sống sót đã trở về đất liền, tin chính thức cuối ngày 27.5 của Ban chỉ đạo phòng, chống bão lụt trung ương cho biết đến thời điểm đó có tất cả 273 ngư dân chết hay mất tích vì con bão số 1 của năm 2006 (tên quốc tế : bão Chan Chu). Trong số này, mới chỉ có 19 nạn nhân được các tàu bạn và các tàu cứu hộ (của VN và Trung Quốc) vớt được thi thể mang về đất liền, trong đó 15 người đã được xác nhận danh tính, còn 4 người do xác bị phân hoá nhiều phải đợi phân tích ADN mới biết ai là ai. 254 nạn nhân khác vẫn được coi là mất tích, tuy hi vọng tìm cứu được họ là vô cùng mong manh sau hơn 10 ngày bị nạn. Nhiều chiếc tàu được xác nhận đã bị bão đánh chìm nhưng chỉ có 29 người trên các tàu đó được cứu sống, còn lại không biết số phận thế nào, đã chết đuối hay trôi giạt nơi đâu. Đa số nạn nhân là những ngư nhân ở các tỉnh Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

Tuy nhiên, vì sao chỉ những chiếc tàu của người VN ở ngoài khơi biển Đông là nạn nhân của bão, trong khi những ngư nhân Trung Quốc, Đài Loan, Phi-li-pin cùng đánh cá trong vùng thì đã tránh kịp, không bị thiệt hại gì ? Câu hỏi nhức nhối đã tạo ra một cuộc tranh cãi lớn trên báo chí trong nước về trách nhiệm của các cơ quan dự báo khí tượng, thuỷ văn Việt Nam.

Hình thành ở Thái Bình Dương từ ngày 8.5.2006, bão Chanchu gần như tiến thẳng về phía tây, băng qua quần đảo Phi-lip-pin rồi vào biển Đông. Cứ như đường đi này thì bão Chanchu phải vào Việt Nam, không thể khác. Thế nhưng ngay từ ngày 12.5, khi tâm bão còn đang ở trên những hòn đảo của Phi-lip-pin thì các trung tâm dự báo khí hậu toàn cầu của hải quân Mỹ, Nhật Bản, Hong Kong, rồi của các mạng Yahoo, CNN, BBC... đều dự báo đường đi của con bão này là sẽ bẻ ngoặt lên hướng bắc để tiến vào Trung Quốc (đó cũng là diễn biến thực tế đã xảy ra, bắt đầu từ sáng ngày 15.5) . Nghe theo những dự báo này, ngư nhân các nước khác đã kịp thời tránh bão. Trong khi đó, ngư nhân VN nghe dự báo của Trung tâm dự báo khí tượng thuỷ văn (TTDB) của VN, yên trí tìm nơi trú ẩn ở những hòn đảo nhỏ phía đông và bắc vùng đánh cá, trúng đường đi thực của bão !

Trả lời báo chí ngày 25.5, cả ông Lê Công Thành, giám đốc Trung tâm dự báo khí tượng thuỷ văn trung ương, và

bà Dương Liên Châu, phó giám đốc, đều thôi thoát trách nhiệm của mình, khẳng định đã « thực hiện đúng quy chế báo bão lũ của thủ tướng » (chỉ dự báo cho 24g tới). Nhưng, như nhà báo Trần Chí Hiến – và nhiều người khác - nhận xét : « *lãnh đạo Chính phủ ra quy chế trên cơ sở dự thảo của cấp ngành chủ quản, có thẩm định của các đơn vị khác. Không ai biết rõ hơn ngành chủ quản quy chế ấy có đủ hay chưa đủ đối với thực tế cuộc sống* ». Và ngay cả đối với dự báo 24g, vẫn có vấn đề tại sao dự báo của Trung tâm khác đến thế những dự báo của các trung tâm dự báo quốc tế ? Thực vậy, chiều ngày 14.5, TTDB mới có bản tin đầu tiên cho biết « *trong 24 giờ tới, bão sẽ di chuyển theo hướng tây, tây bắc* », và bản tin 3h30 sáng ngày 15/5 (tức là vẫn muộn hơn rất nhiều so với các đài khác) của Trung tâm này vẫn đưa ra một 'dự báo' : « *Tâm bão cách bờ biển Quảng Ngãi - Phú Yên 690km về phía đông. Dự báo trong 24 giờ tới, bão sẽ di chuyển theo hướng giữa tây tây bắc và tây bắc* ». Quá trễ vì lúc đó, các tàu VN không còn có thể bỏ nơi tạm trú để chạy bão.



Hình chụp bên đây cho thấy sự khác biệt của các dự báo :

- mũi tên nhỏ là dự báo đường đi của bão Chan Chu do TTDB đưa ra sáng ngày 15.5 ;
- mũi tên lớn là dự báo của đài khí tượng Hồng Kông ngay từ 20g ngày 13.3

Không ngạc nhiên khi có nhà khoa học đã gọi thẳng những biện luận của ông giám đốc TTDB là « *ngụy biện* ».

Trước phản ứng của báo chí và của người dân, ngày 26.5, văn phòng chính phủ đã ký công văn hỏa tốc gửi Bộ Tài nguyên - môi trường (bộ chủ quản của TTDB) để nghị xem xét lại dự báo của con bão số 1 năm 2006 !

(tổng hợp tin các báo *Nhân Dân, Tuổi Trẻ, VNNet, Tiền Phong, Thanh Niên...* từ 12 đến 28.5.2006)

WTO : đạt thoả thuận với Mỹ

Thông tin từ trung tâm báo chí của Hội nghị các quan chức cao cấp lần thứ hai của APEC 2006 (viết tắt : SOM2, xem Diễn Đàn số 160) ngày 28.5 cho biết lễ ký kết thoả thuận Việt Nam – Hoa Kỳ về việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) của VN sẽ diễn ra vào ngày 31.5.2006 tại dinh Thống Nhất, TP.HCM, giữa bộ trưởng Thương mại Việt Nam Trương Đình Tuyển và đại diện Thương mại Hoa Kỳ - đại sứ Susan C. Schwab, với sự chứng kiến của phó thủ tướng Vũ Khoan. Các nhà đàm phán hai bên đã đạt tới thoả thuận trong phiên đàm phán từ ngày 9 đến 14.5 vừa qua tại Hoa Thịnh Đốn. Đây là cuộc đàm phán song phương cuối cùng của VN với 28 đối tác có yêu cầu riêng với việc VN gia nhập WTO. Tiếp tới, VN phải hoàn tất phiên đàm phán đa phương với « Ban công tác » của WTO, dự kiến vào tháng 7 năm nay, nhằm hoàn tất những thủ tục gia nhập của VN vào tổ chức này. Khó khăn hơn vì thời gian rất ngắn (tuy nhiều quan sát viên vẫn tỏ ra lạc quan), VN còn phải vận động để quốc

hội Hoa Kỳ thông qua Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR) cho VN trước mùa hè này – vì sau đó, quốc hội Mỹ sẽ rất bận rộn với việc chuẩn bị cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ cuối năm nay. Cả phía VN và phía chính quyền Mỹ đều tỏ ý mong rằng việc gia nhập này được diễn ra trước cuộc họp thượng đỉnh APEC tháng 11 này tại VN, với sự tham dự của tổng thống Bush. Tuy nhiên, việc bỏ phiếu của quốc hội Mỹ không đơn giản là thuận theo ý muốn của Nhà Trắng ! Mặt khác, nếu PNTR không kịp được thông qua, cũng có khả năng Mỹ « nhắm mắt » để VN vào WTO (có điều khoản cho phép và đã có tiền lệ với một số nước thuộc Liên Xô cũ), song trong trường hợp này quan hệ thương mại giữa hai nước sẽ không tuân theo các quy định chung của WTO, và hàng năm vấn đề PNTR lại phải đưa ra biểu quyết cho tới khi được thông qua.

Doanh nghiệp Việt Nam chuẩn bị gì cho WTO ?

Nên

1. Chuyên nghiệp hóa cơ cấu tổ chức và hoạt động kinh doanh bằng cách thuê tư vấn hoặc tuyển dụng các nhân viên có kinh nghiệm làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế.
2. Thường xuyên huấn luyện nhân viên để cập nhật hóa kiến thức và kỹ năng chuyên môn.
3. Minh bạch hóa các nguồn vốn và tài chính, hiện đại hóa hệ thống kế toán và lưu trữ hồ sơ.
4. Tập trung nguồn lực quảng bá và nâng tầm thương hiệu.
5. Tham gia thường xuyên các hoạt động giao lưu và trao đổi thông tin với cộng đồng kinh doanh quốc tế tại Việt Nam và nước ngoài.
6. Tìm hiểu nội dung và đánh giá tác động của các hiệp định WTO đối với ngành kinh doanh của mình.
7. Sử dụng các dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp về pháp lý, tài chính, thương hiệu và thương mại, đặc biệt là tư vấn pháp lý.

Không nên

1. Tiếp tục lè lỏi và nệp sinh hoạt theo kiểu hành chính - nhà nước.
2. Thuê tư vấn hoặc tuyển dụng các nhân viên có kinh nghiệm làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế, nhưng lại không lắng nghe ý kiến tư vấn chuyên nghiệp hoặc ý kiến đóng góp của họ.
3. Không minh bạch trong hoạt động ghi nhận và lưu trữ sổ sách kế toán và hồ sơ.
4. Không tranh thủ cơ hội hoặc sợ tốn kém trong quảng bá và nâng tầm thương hiệu.
5. Áp đặt hoặc sử dụng cách hiểu trong nước để giải quyết những vấn đề quốc tế có liên quan.
6. Không tôn trọng cam kết và luật pháp, tiếp tục thói quen “chạy chọt” hoặc chi tiền cho các quan chức để giải quyết trở ngại và tranh chấp, thậm chí áp dụng cả thói quen này trong các giao dịch quốc tế và tại lãnh thổ nước ngoài.

LS Lê Công Định (Tuổi Trẻ 21.5.2006)

Trong cuộc họp báo ngày 22.5, bộ trưởng Trương Đình Tuyển, người dẫn đầu đoàn đàm phán VN, cho biết toàn bộ nội dung thoả thuận giữa Hoa Kỳ và VN sẽ được công bố trong thời gian « sớm nhất có thể » sau lễ ký kết chính thức. Tuy nhiên, theo một thành viên đoàn đàm phán VN, người ta được biết :

« Một trong những vấn đề gây vướng mắc nhất và khiến đàm phán kéo dài hơn dự kiến là quyết định 55 về huy động 4 tỉ USD để tăng tốc ngành dệt may VN đã được hai bên thống nhất như sau : VN sẽ hủy bỏ quyết định này ngay khi chính thức trở thành thành viên WTO và sẽ ngừng áp dụng các điều khoản trong quyết định về trợ cấp cho doanh nghiệp dệt may kể từ khi hai bên chính thức ký kết thoả thuận đàm phán.

Trong một vấn đề khác gây nhiều tranh cãi, phía Mỹ đồng ý sẽ đối xử với VN như một nước có nền kinh tế thị trường sau 12 năm kể từ khi VN chính thức gia nhập WTO. Đây là một nhân nhượng đáng kể từ phía Mỹ trong khi với Trung Quốc, Mỹ yêu cầu thời hạn này là 15 năm. » (Tuổi Trẻ 15.5.2006)

Dẫu sao, như nhận định ngắn của ông Trần Du Lịch, viện trưởng Viện Kinh tế TP.HCM, khi gia nhập WTO, « cơ hội mở ra cho Việt Nam rất lớn, nhưng cơ hội chỉ là tiềm năng, mà thách thức đang là hiện thực », và « giai đoạn “hậu WTO” mới là thời kỳ khó khăn hơn nhiều đối với cả Nhà nước lẫn doanh nghiệp ».

(tổng hợp tin báo chí trong nước từ 14 đến 28.5.2006)

Tổng thư ký Liên hiệp quốc thăm Việt Nam

Sau hai lần bị trì hoãn, tổng thư ký LHQ Kofi Annan mới có chuyến thăm chính thức Việt Nam ba ngày, kể từ chiều 23.3.2006. Đây là lần đầu tiên ông Annan tới thăm VN, 13 năm sau chuyến thăm chính thức nước ta của người tiền nhiệm Boutros-Boutros Ghali năm 1993.

Phát biểu trước báo giới chiều 24/5, tổng thư ký LHQ Kofi Annan ca ngợi những tiến bộ của Việt Nam trong việc thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ và giảm nghèo.

Đây cũng là những nội dung mà ông Annan đề cập trong các cuộc gặp với chủ tịch nước Trần Đức Lương, tổng bí thư Nông Đức Mạnh và thủ tướng Phan Văn Khải. Tại cuộc gặp với chủ tịch nước Trần Đức Lương, ông Kofi Annan đã bày tỏ lời chia buồn tới chính phủ và nhân dân Việt Nam về những thiệt hại do cơn bão số 1 gây ra. Ông khẳng định sẽ chỉ thị Điều phối viên Liên hiệp quốc tại Việt Nam phối hợp chặt chẽ với chính phủ Việt Nam trong việc chia sẻ thông tin và công nghệ giúp tăng cường khả năng dự báo sớm.

Tổng thư ký LHQ nói ông đánh giá cao mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam và Liên hiệp quốc được xây dựng trong 30 năm vừa qua. Người đứng đầu LHQ cũng bày tỏ cam kết LHQ sẽ sát cánh với Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong các nỗ lực hiện thực hoá các mục tiêu thiên niên kỷ.

Trả lời câu hỏi về cơ hội trúng cử thành viên không thường trực HĐBA LHQ khoá 2008 - 2009, ông Kofi Annan cho rằng cơ hội là có thể vì « hiện nay Việt Nam là

ứng cử viên duy nhất của khu vực châu Á. Để thành công, VN cần có sự ủng hộ của toàn bộ khu vực này. Nếu có được sự ủng hộ đó thì gần như chắc chắn VN sẽ trở thành thành viên không thường trực của HĐBA».

Tuy nhiên, người đứng đầu LHQ cũng nói thêm « khi đó VN sẽ có trách nhiệm lớn lao cùng với 14 thành viên khác đảm bảo hoà bình, an ninh quốc tế và thúc đẩy phát triển chung ».

Ngày 25.5, ông Annan và phu nhân đã có một ngày thư giãn với cuộc du ngoạn phố cổ, Văn Miếu và thăm Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam trước khi lên máy bay đi Bangkok vào buổi tối.

(theo VNNet 23-25.5.2006)

Hội nhập quốc tế : nhân lực như... “lá mùa thu” !

Chỉ tính riêng địa bàn TPHCM mỗi tháng có trên 1.000 DN ra đời cần rao tuyển hàng trăm vị trí quản trị cao cấp, trung cấp lẫn lao động kỹ thuật, chuyên môn cao. Đó là chưa kể sự “trỗi dậy” của các DN cũ ở trong nước, sự đổ bộ của các DN có vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cũng tạo ra “con sốt” thu hút số lượng lớn lao động vào làm việc.

Cuộc khảo sát ở 2.700 DN mới đây của báo Doanh nhân Sài Gòn cho thấy bức xúc lớn nhất của các DN là tuyển không được nguồn nhân lực cao cấp.

Theo bộ LĐ-TBXH, hiện nay, cả nước mới có gần 25 % lao động qua đào tạo, trong đó lao động qua đào tạo có tay nghề kỹ thuật chiếm 15 % - quá thấp so với các nước công nghiệp mới có tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 60 %-70 %. Theo đánh giá của Tổ chức Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), năm 2005 chất lượng lao động của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm trên thang 10 điểm, trong khi đó ở Trung Quốc là 5,73, Malaysia: 5,59.

(theo SGGP 22/05/2006)

Xã hội : 5 nữ sinh tự tử tập thể

12g ngày 26-5-2006, công an huyện Thanh Hà và công an tỉnh Hải Dương đã vớt được xác năm nữ sinh lớp 7B Trường THCS Phượng Hoàng - đều sinh năm 1993, cùng ở thôn Ngoại Đàm, xã Phượng Hoàng, huyện Thanh Hà - chết đuối cuối buổi chiều 24-5.

Đó là các em Nguyễn Thị H.H. ; Phạm Thị H ; Bùi Thị N., Bùi Thị T. (chị em sinh đôi) và Vũ Thị T., sau khi tan học đã rủ nhau ra bờ sông Thái Bình và bị chết đuối.

Cơ quan pháp y tỉnh Hải Dương đã xác định các em chết do ngạt nước.

Báo chí trong nước những ngày sau cho biết phát hiện thi thể của cả 5 em nổi trên mặt sông Thái Bình, đoạn chảy qua bến dò Sĩ (thuộc xã Phượng Hoàng). Cả 5 em đều buộc chặt tay vào nhau bằng khăn quàng đỏ. Dựa vào các dấu hiệu ở hiện trường, cơ quan CA ban đầu xác định nguyên nhân là do các em tự tử tập thể. Trong cặp sách của các em cũng đều có để lại những lá thư tuyệt mệnh nêu rõ lý do tự tử vì là con gái nên bị cha mẹ mắng nhiếc nhục nhĩ.

Quản lý vốn ODA : không ai chịu trách nhiệm...

Vụ việc PMU 18 (Ban quản lý các dự án 18) ở bộ giao thông - vận tải không còn là vụ án tham ô, cờ bạc, mại dâm của một số lãnh đạo thoái hoá, vô đạo đức (xem *Diễn Đàn* số 160). Nó đã vượt qua ranh giới của một bộ, một ngành và phát lộ những yếu kém, hư hỏng mang tính hệ thống của cơ chế quản lý vốn ODA (Official Development Assistance - chủ yếu là vốn đầu tư phát triển do nước ngoài cho vay dài hạn với điều kiện ưu đãi). Nó không chỉ tước mất của cải hiện nay của người dân mà còn làm tổn thương đến các thế hệ tương lai sẽ phải gánh trả món nợ. Nó huỷ hoại không những niềm tin của người dân trong nước mà cả uy tín, thể diện của nhà nước Việt Nam trên thương trường quốc tế.

Hiện Việt Nam nhận được ODA từ 30 chính phủ và 10 tổ chức quốc tế, tổng số vốn cam kết cho đến cuối năm 2005 khoảng 33,5 tỷ USD, trong đó riêng chính phủ Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới (WB) và Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) cung cấp 80 % (PMU 18 được giao 20 dự án với tổng số vốn gần 2,1 tỷ USD). Bắt đầu từ năm 2006 cho đến 2010, số nợ ODA (vốn và lãi) mà Việt Nam phải trả từ 2 tỷ USD/năm sẽ tăng dần đến 3 tỷ USD. Cùng thời kỳ năm năm này, nhà nước Việt Nam dự kiến vay 17 tỷ USD ODA, tức mỗi năm mượn thêm 3,4 tỷ. Điều này có nghĩa là sau năm năm đó, số nợ ODA mà người dân phải trả bằng thuế cho ngân sách nhà nước sẽ lên đến hơn 6 tỷ USD mỗi năm.

Cho đến hội nghị cuối năm 2005, cộng đồng các nhà tài trợ vẫn luôn đánh giá Việt Nam là một nước sử dụng ODA có hiệu quả so với những nước đang phát triển khác. Vụ PMU 18 vỡ lở đặt họ vào thế hoàn toàn lúng túng, buộc họ phải tuyên bố rằng, nếu quả PMU 18 sử dụng ODA sai mục đích, thì họ sẽ yêu cầu chính phủ Việt Nam truy hoàn tiền vay, thậm chí có thể đơn phương huỷ các dự án. Trong khi chính phủ Nhật cho biết đợi chờ kết quả điều tra của Việt Nam để kết luận, Ngân hàng thế giới quyết định gửi đoàn thanh tra vào đầu tháng 6 đến Việt Nam để điều tra trực tiếp trong thời gian hai, ba tuần. Tất cả đều khẳng định sẽ đặt chủ đề chống tham nhũng trong chương trình nghị sự của hội nghị các nhà tài trợ sẽ họp các ngày 9-10 tháng 6 tại Nha Trang.

ODA = của chùa

Ở Hà Nội, kỳ họp quốc hội tháng 5 đã chứng kiến nhiều đại biểu chất vấn tới tập bộ trưởng tài chính Nguyễn Sinh Hùng và bộ trưởng kế hoạch - đầu tư Võ Hồng Phúc là những người đứng đầu hai bộ có trách nhiệm quản lý vốn ODA nhưng lại đổ trách nhiệm qua lại. Đại biểu An Giang, ông Nguyễn Ngọc Trân (phó chủ nhiệm uỷ ban đối ngoại), phát biểu « ý kiến của cử tri » đòi ông Nguyễn Sinh Hùng nói rõ trách nhiệm của bộ tài chính và cá nhân bộ trưởng về tình hình quản lý ODA : « *Cử tri yêu cầu tôi, trước diễn đàn quốc hội, đề nghị bộ trưởng tài chính giải trình rõ các vấn đề trên trước khi đồng chí rời bộ tài chính đi vào một cương vị khác ; cử tri cũng yêu cầu tôi kiến*

nghị sự phân công công tác cho đồng chí bộ trưởng tùy thuộc vào sự giải trình và tinh thần thật sự cầu thị của bộ trưởng ». Phát biểu về ông Nguyễn Hồng Phúc, ông Trần cho rằng bộ trưởng kế hoạch - đầu tư đã « rắc rối hoá » một vấn đề rất đơn giản : « Báo cáo của bộ trưởng trước quốc hội giống như 'một đám rừng' các qui định, để rồi không biết ai chịu trách nhiệm và nói đó là trách nhiệm tập thể của chính phủ » (Tuổi Trẻ 18.5.06). Đại biểu Nguyễn Mạnh Đức cho rằng « nhiều bộ, ngành sai phạm đã rõ ràng, nhưng bộ trưởng vẫn ủng hộ dung ngôi đó, không bị xử lý. Không thể để mãi tồn tại cơ chế nếu có thành tích thì thủ trưởng nhận hết, nhưng khi xảy ra sai phạm thì đẩy cho tập thể » (Vnexpress 17.5.06)

Theo đại biểu Hà Tây, ông Tào Hữu Phùng (phó chủ nhiệm uỷ ban kinh tế và ngân sách), điều đầu xót nhất hiện nay « là người ta xem vốn vay ODA như 'của chùa', trong khi đây là vốn vay ưu đãi, trong 10-15 năm nữa thì con cháu chúng ta sẽ phải ề lưng trả nợ ». Ông Phùng cho rằng, trong vụ PMU 18, ngoài các bộ, « cả chính phủ, quốc hội đều buông lỏng quản lý, xem ODA là vốn ngoài ngân sách nên không quan tâm, quốc hội cũng không thông qua như duyệt vốn ngân sách. Cần phải xem xét trách nhiệm của cả quốc hội và chính phủ » (Tuổi Trẻ 10.4.06). Đại biểu Nguyễn Minh Thuyết (Lạng Sơn) đề nghị « chính phủ và thủ tướng nên xin lỗi toàn dân » (Tuổi Trẻ 18.5.06). Tuy nhiên, một cử tri, ông Võ Quang Bình, nhận xét : « Trước diễn đàn quốc hội mà bộ trưởng Võ Hồng Phúc vẫn thấy đó là trách nhiệm... tập thể, thì lời xin lỗi cũng là... lời của gió mà thổi » (Lao Động 22.5.2006). Bởi vì nói tập thể chịu trách nhiệm quản lý vốn ODA có nghĩa rằng không ai chịu trách nhiệm gì hết : phải nói thẳng ra, đó là sự vô trách nhiệm trước đồng tiền mà người dân đã giao cho nhà nước quản lý.

Chính phủ thông báo với quốc hội quyết định thành lập ba đoàn thanh tra chính phủ để tiến hành thanh tra một số công trình sử dụng vốn ODA ở ba địa chỉ : bộ giao thông - vận tải, bộ nông nghiệp - phát triển nông thôn và Thành phố Hồ Chí Minh. Theo phó tổng thanh tra chính phủ Mai Quốc Bình, từ trước đến nay, Thanh tra chính phủ đứng ngoài cuộc đối với các dự án ODA, « nhưng lần này, chính phủ đã cho phép làm một cuộc thanh tra chuyên về ODA ». Ông còn nói rõ « các công trình được chọn để thanh tra do các bộ và địa phương tự đề xuất », và trong ba tháng những kết luận sẽ được trình cho thủ tướng. (Tuổi Trẻ 17.5.06)

PMU = khép kín

Cơ chế quản lý ODA có đặc điểm là giai đoạn chọn lựa dự án (bộ kế hoạch - đầu tư) và cấp phát vốn (bộ tài chính) vô cùng phức tạp, nặng nề, gồm nhiều cấp, nhiều thủ tục, nhiều thẩm định..., trong khi giai đoạn sử dụng vốn bị thả lỏng, giao trắng cho cơ quan chủ đầu tư (bộ, ngành hay tỉnh, thành) toàn quyền định đoạt, không có cơ quan bên ngoài nào giám sát cả. Với cơ chế mang tính « tự giám sát » đó, cơ quan chủ đầu tư cho thành lập những ban quản lý đề án (PMU), một cơ cấu không có căn cứ pháp lý - không phải đơn vị hành chính cũng không phải doanh nghiệp - nhưng được trao nhiều quyền hạn và chỉ báo cáo ngang cấp thủ trưởng (ở một số PMU, thủ trưởng kiêm luôn chức giám đốc). Các PMU này thực hiện một qui trình khép kín : đầu thầu, quy hoạch, kế hoạch, thiết kế, thi công, giám định, nghiệm thu... tất cả đều do những doanh nghiệp của cơ quan chủ đầu tư thực hiện. Không có gì phải ngạc nhiên

nếu ở đây hoạt động đầu thầu thật ra chỉ là thông thầu, đầu thầu hình thức. Cũng như dễ hiểu vì sao các báo cáo giám định và nghiệm thu không bao giờ phát hiện ra vốn bị thất thoát hay công trình không đạt chất lượng.

Phải đợi vụ PMU 18 đổ bể thì một số doanh nghiệp thi công mới tố cáo ban quản lý dự án đã ăn chặn từ 15 đến 20 % giá trị công trình : trên tổng số vốn ODA hơn 2 tỷ USD, có thể ước lượng số tiền biến thủ dưới dạng này hay dạng khác vào khoảng 300 đến 400 triệu USD. Không chỉ thế, điều đó còn dẫn đến hậu quả là các doanh nghiệp thi công đã bớt xén vật tư, thay đổi kết cấu... của công trình xây dựng. Nếu ông Bùi Tiến Dũng không tình cờ bị phát hiện cá độ thì không biết tình trạng này còn kéo dài tới bao giờ.

Điều vô cùng khó hiểu là bộ kế hoạch - đầu tư thú nhận không biết có bao nhiêu ban quản lý dự án loại PMU ở Việt Nam hiện nay : theo các tài liệu, con số này dao động từ 400 đến 1000. Vụ trưởng vụ kinh tế đối ngoại, bộ kế hoạch - đầu tư, ông Hồ Quang Minh, còn giải thích rằng các cơ quan chủ đầu tư, tức các bộ, ngành và tỉnh thành, tất nhiên, « có thể đếm được số ban quản lý, nhưng chúng ta chưa có lần nào bảo họ ngồi đếm ; họ có mấy trăm ban quản lý, chúng ta chỉ ánh chừng thôi » (Vietnamnet 22.5.06).

Điều càng khó hiểu hơn nữa là các nhà tài trợ quốc tế đã đồng ý cho chính phủ Việt Nam duy trì các PMU cho đến năm 2010. Thật ra, như chuyên viên Liên hiệp quốc Vũ Quang Việt nhấn mạnh, « sẽ lắm to » nếu nghĩ rằng các nhà tài trợ quốc tế có khả năng theo dõi sát các dự án sử dụng vốn ODA : « Nếu một cơ quan viện trợ nào đó muốn kiểm tra tới mức chi li thì lập tức họ khó tránh khỏi việc tạo ra vấn đề chính trị liên quan đến 'chủ quyền' của nước sở tại ». Vì thế mà, theo ông Việt, « vấn đề kiểm tra, đánh giá công trình phải dựa vào cơ chế tổ chức trong sạch và có năng lực của nước sở tại » (Thời báo Kinh tế Sài Gòn 13.4.06).

Lời giải = dọa báo chí ?

Chủ trương bài trừ tham nhũng của Đảng cộng sản Việt Nam vấp phải một mâu thuẫn cơ bản đã được một số chuyên gia nước ngoài về Việt Nam, như Yoshiharu Tsuboi (BBC 17.4.06) và Carlyle Thayer (Wall Street Journal 27.4.06), phân tích. Mặc dù nạn tham nhũng có thể đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của chính quyền, nhưng chống tham nhũng đến nói đến chốn có thể tạo mối đe dọa lớn hơn cho độc quyền lãnh đạo chính trị của đảng cầm quyền : bởi vì nếu toàn bộ các vụ tham nhũng đều bị lật tẩy thì hệ thống chính trị sẽ ngừng hoạt động, cho nên chính quyền buộc phải làm ngo ở mức độ nhất định đối với những hành vi biến thủ công quỹ của cán bộ, miễn là chúng không bị phát hiện hay gây công phẫn lớn trong dân chúng và các nhà tài trợ nước ngoài, như vụ PMU 18.

Phải chăng đó là lý do của quyết định cuối cùng mà thủ tướng Phan Văn Khải đã đặt bút ký trước khi nghỉ hưu ? Nhận định rằng, trong vụ PMU 18, « nhiều báo vẫn vi phạm luật pháp khi đăng những thông tin sai sự thật hoặc xâm phạm đời tư của công dân », ông Khải yêu cầu bộ văn hóa - thông tin có biện pháp đối với các cơ quan báo chí và cá nhân các nhà báo, « không chỉ yêu cầu đình chính hoặc xử lý hành chính » mà cần « khởi tố ra tòa » (An ninh Thủ đô và BBC 11.5.06).

Hải Vân (tổng hợp và bình luận)

Câu hỏi đặt cho Thủ tướng

Trước khi được cất nhắc lên chức, ông Đào Đình Bình, ông Nguyễn Việt Tiến và kể cả ông Bùi Tiến Dũng đều bị tố cáo có nhiều hành vi sai trái trong quản lý kinh tế, tham ô tham nhũng, hối lộ chạy chức, hành xử theo kiểu xã hội đen... nhưng không hiểu sao đều được cho qua và họ đường hoàng thăng tiến như là những cán bộ, đảng viên gương mẫu, trong sạch, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm năm trước, nhiều vụ bê bối ở PMU18 đã bị phát hiện nhưng không hiểu sao vụ việc lại rơi vào im lặng.

Ba năm trước, ông Nguyễn Văn Lâm, phó chủ nhiệm Văn phòng chính phủ, sau một chuyến công tác miền Trung trở về Hà Nội đã bỏ quên một vali VIP có 10.300USD và hơn 21 triệu đồng đựng trong các phong bì để tên của một số UBND tỉnh, Ban quản lý dự án và nhiều doanh nghiệp... trên máy bay. Báo chí lúc đó có đưa tin về vụ này, dư luận có ồn ào đôi chút, vài người đoán già, đoán non xem Chính phủ sẽ xử lý việc này ra sao. Nhưng rồi cũng như nhiều vụ tai tiếng khác, vụ này cũng rơi vào im lặng.

Vì sao những cán bộ đây tai tiếng và có nhiều biểu hiện bất minh như vậy vẫn liên tục được cất nhắc, đề bạt lên chức cao hơn trong bộ máy Nhà nước, giữ những vị trí ngày càng quan trọng hơn trong tổ chức Đảng, nhiều năm liền được đánh giá là những cán bộ, công chức xuất sắc, những đảng viên gương mẫu, trong sạch ?

Cũng từ lâu, dư luận đã râm ran về chuyện “chạy chức”. Cụ thể hơn, báo chí mới đây đã thẳng thắn đặt ra với ông Đỗ Quang Trung, bộ trưởng Bộ nội vụ, rằng có dư luận chạy chức bộ trưởng giá 15 tỷ đồng và ông Trung cũng thừa nhận đã nghe dư luận này từ lâu. Ông Trung cũng nói thêm rằng, muốn tránh tình trạng chạy chức cần phải đảm bảo quy trình tổ chức cán bộ không được giao cho một cá nhân quyết định mà phải đảm bảo tính tập thể.

Ông Mai Thúc Lâm, nguyên phó chủ tịch Quốc hội cho biết, ông đã nhiều lần nghe nói đến chuyện bỏ ra 1 triệu USD để vào Trung ương và bán tín bán nghi. Giờ đây, sau vụ Nguyễn Việt Tiến ông biết rằng việc vung ra hàng triệu USD để “chạy chức” là có thể tin được.

Một khi “cơ chế” cho phép người ta chạy chức bằng tiền như một sự đầu cơ thương mại thì có nghĩa là người ta có thể lợi dụng chính cơ chế đó để gạt hái siêu lợi nhuận cho cá nhân. Vì vậy, tất yếu sẽ xuất hiện nhiều “vùng tối” trong hệ thống quản lý vốn ODA cũng như nhiều nguồn vốn khác kể cả vốn ngân sách do người dân đóng thuế trong những năm vừa qua ở nước ta. Thật không thể tưởng tượng khi chứng kiến cảnh các bộ phải chịu trách nhiệm “đá quả bóng” kiểm soát vốn ODA cho nhau.

Trả lời báo chí, thứ trưởng Bộ tài chính cho rằng việc quản lý vốn ODA hiện nay đang xảy ra tình trạng cắt khúc. Nghĩa là mỗi bộ quản lý một công đoạn, do đó mỗi khi xảy ra chuyện thì không biết trách nhiệm thuộc bên nào. Mỗi “công đoạn” ở đây có thể hiểu là “vùng tối” của

từng bộ mà những người ngoài bộ “ không phận sự xin miễn vào ” ?

Còn nhớ, bộ trưởng thương mại Trương Đình Tuyển, dẫn đầu đoàn đàm phán WTO của Việt Nam từng than thở : « Mỗi bộ ngành tham gia đoàn đàm phán đều mang theo những vấn đề của riêng mình và trường đoàn hầu như không biết gì hết ! » Như vậy, lợi ích cục bộ mới là lợi ích của các bộ hay sao ?

Bộ kế hoạch - đầu tư thì “đá quả bóng” cho bộ tài chính và cho rằng bộ tài chính có nhiệm vụ theo dõi kiểm tra công tác quản lý tài chính trong sử dụng vốn ODA. Bộ kế hoạch - đầu tư cũng đồng thời cho rằng vụ việc ở PMU18 có nguyên nhân cơ bản và trực tiếp nhất là bố trí và sử dụng con người, trong đó trách nhiệm trực tiếp là bộ giao thông - vận tải.

Nói cách khác, Bộ kế hoạch - đầu tư hiện chỉ mới tập trung sức vận động sao cho có nhiều vốn ODA nhất, còn sau đó bộ chưa quan tâm đúng mức (chưa có trách nhiệm hoặc không đủ sức) đến khâu theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện dự án.

Tuy nhiên, Bộ tài chính chắc hẳn không thể phủ nhận được trách nhiệm quản lý nhà nước về nguồn ODA, đặc biệt là Cục quản lý công sản là cơ quan trực tiếp quản lý tài sản nhà nước đã không hay biết gì việc hàng trăm chiếc xe đất tiền của PMU18 được cho, mượn, biếu không vô tội vạ. Thế nhưng cũng chính Bộ tài chính lại than thở rằng “ *khi xảy ra chuyện thì không biết trách nhiệm thuộc bên nào ?* ”.

Không chỉ có một PMU18 mà đang có hàng ngàn PMU trên cả nước. Không chỉ ngành giao thông vận tải mà hàng loạt các ngành khác đang sử dụng vốn ODA như nông nghiệp và phát triển nông thôn, giáo dục và đào tạo, y tế và phòng dịch... hiện cũng đang có nhiều “vùng tối”.

Trong khi các bộ được giao trách nhiệm quản lý vốn ODA và kể cả các nguồn vốn khác của ngân sách thì lại đang “cắt khúc” và “giao bóng” cho nhau một cách thần nhiên. Vậy ai phải chịu trách nhiệm cao nhất một khi nguồn vốn quốc gia đã và đang bị xâm hại nghiêm trọng ? Một khi chính các bộ chuyên ngành được phân công trách nhiệm đã phải đùn đẩy cho nhau khi xảy ra chuyện thì ai sẽ là người phải đứng ra chịu trách nhiệm trước toàn dân?

Vốn ODA hay bất cứ nguồn vốn nào khác cũng đều là tiền của dân, là ngân sách quốc gia dành cho những việc ích nước lợi dân. Bất cứ người dân nào có trách nhiệm với vận mệnh của đất nước cũng không thể chấp nhận thái độ và cách quản lý thiếu trách nhiệm như việc các bộ, ngành của Chính phủ đang quản lý vốn theo kiểu PMU18.

Đề nghị thủ tướng Chính phủ xem xét trách nhiệm các bộ trưởng và các quan chức có liên quan được giao trách nhiệm về quản lý sử dụng vốn ODA để trước hết báo cáo với Quốc hội và sau đó là công bố cho toàn dân được biết. Bởi vì chính thủ tướng cũng là người phải chịu trách nhiệm cao nhất trong Chính phủ về vấn đề này.

Hữu Nguyên, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vietnamnet 18.5.2006)

Ban Chấp hành Trung ương khoá X

(Xếp theo thứ tự ABC)

A. Ủy viên chính thức

1. **Hoàng Tuấn Anh** * ⁽¹⁾

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch

2. **Lê Hồng Anh** ⁽²⁾

Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Công an

3. **Lê Thị Thu Ba** *

Thứ trưởng Bộ Tư pháp

4. **Lê Thị Bán** **

Bí thư tỉnh uỷ (BTTU) Tây Ninh

5. **Huỳnh Thị Be** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Bến Tre

6. **Trịnh Long Biên** **

BTTU Điện Biên

7. **Nguyễn Thái Bình** **

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Trà Vinh

8. **Trương Hoà Bình** *

Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

9. **Võ Thanh Bình** *

BTTU, Chủ tịch tỉnh Cà Mau

10. **Đào Xuân Cẩn** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Giang

11. **Nguyễn Văn Chi** ⁽²⁾ ⁽³⁾

Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra TƯ

12. **Nguyễn Văn Chiên** **

Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước

13. **Võ Minh Chiến** *

Phó Bí thư thường trực tỉnh uỷ Sóc Trăng

14. **Vũ Tiến Chiến** **

Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc

15. **Phạm Thị Hải Chuyền** *

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra TƯ

16. **Trần Thị Kim Cúc** *

BTTU Tiền Giang

17. **Nguyễn Thành Cung** *

Thiếu tướng, Chính uỷ Quân khu 7

18. **Hoàng Xuân Cừ** **

Trưởng ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia

19. **Đinh Văn Cương** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Nam

20. **Hà Hùng Cường** *

BTTU Quảng Bình

21. **Nguyễn Quốc Cường** **

Trưởng Ban Tài chính - Quản trị TƯ

22. **Nguyễn Thị Doan**

Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban Kiểm tra TƯ

23. **Ngô Văn Dụ** **

Chánh văn phòng Trung ương Đảng

24. **Đào Ngọc Dung** *

Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn

TNCS Hồ Chí Minh

25. **Bùi Tiến Dũng** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Bình

26. **Hồ Nghĩa Dũng**

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ngãi

27. **Lê Văn Dũng** ⁽³⁾

Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

28. **Nguyễn Tấn Dũng** ⁽²⁾

Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ

29. **Trịnh Đình Dũng** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Vĩnh Phúc

30. **Mai Thế Dương** **

BTTU Bắc Cạn

31. **Huỳnh Đảm** **

Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban TƯ MTTQ VN

32. **Trần Đình Đản** *

BTTU Hà Tĩnh

33. **Chu Văn Đạt** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Nam Định

34. **Phan Tấn Đạt** **

BTTU Bạc Liêu

35. **Nguyễn Văn Đăng**

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng

36. **Huỳnh Minh Đoàn** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Tháp

37. **Nguyễn Văn Được**

Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ QP

38. **Nguyễn Văn Giàu** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh Thuận

39. **Vũ Hoàng Hà** *

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định

40. **Hoàng Trung Hải** **

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

41. **Lê Thanh Hải** ** ⁽²⁾

Chủ tịch UBND TP HCM

42. **Trần Lưu Hải** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Hoà Bình

43. **Nguyễn Đức Hạt** **

Phó trưởng Ban Đối ngoại TƯ

44. **Trần Văn Hằng** *

Phó trưởng Ban Đối ngoại TƯ, Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước

45. **Hà Văn Hiền** **

BTTU Hà Tây

46. **Vũ Văn Hiền** **

Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói VN

47. **Nguyễn Văn Hiến** *

Phó Đô đốc, Tư lệnh Quân chủng Hải quân

48. **Vũ Văn Hiến** **

Tổng Giám đốc Đài truyền hình VN

49. **Phùng Quốc Hiến** *

BTTU Yên Bái

50. **Nguyễn Văn Hiện** **

Chánh án Toà án nhân dân tối cao

51. **Đặng Văn Hiếu** *

Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

52. **Nguyễn Huy Huệ**

Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ QP

53. **Nguyễn Thị Thanh Hoà** *

Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ VN

54. **Phương Minh Hoà** *

Thiếu tướng, Chính uỷ Quân chủng Phòng không-Không quân

55. **Vũ Ngọc Hoàng** *

BTTU Quảng Nam

56. **Vũ Huy Hoàng** *

BTTU Lạng Sơn

57. **Lê Doãn Hợp** **

Phó Trưởng ban TT-VH TW

58. **Bùi Văn Huấn**

Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

59. **Vương Đình Huệ** *

Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước

60. **Đinh Văn Hùng** *

BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh Bình

61. **Nguyễn Sinh Hùng** ⁽²⁾

Bộ trưởng Bộ Tài chính

62. **Phạm Xuân Hùng** *

Trung tướng, Phó Giám đốc thường trực Học viện Quốc phòng

63. **Võ Đức Huy**

Phó trưởng ban thường trực Ban Kinh tế TƯ, BTDU khối cơ quan Kinh tế TƯ

64. **Đinh Thế Huynh** **

Tổng Biên tập báo Nhân dân

65. **Nguyễn Tấn Hưng** *

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước

66. **Nguyễn Văn Hưởng**

Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an

67. **Nguyễn Tuấn Khanh** **
Phó trưởng Ban Nội chính TƯ
68. **Trương Quang Khánh** *
Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật
69. **Phạm Gia Khiêm** ⁽²⁾
Phó Thủ tướng Chính phủ
70. **Hà Thị Khiết**
Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ VN
71. **Nguyễn Đức Kiên** **
Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội
72. **Phan Trung Kiên** **
Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ QP
73. **Vũ Trọng Kim**
Phó Trưởng ban thường trực Ban Dân vận TƯ
74. **Ngô Xuân Lịch** *
Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 3
75. **Đào Tấn Lộc** *
BTTU Phú Yên
76. **Nguyễn Văn Lợi** *
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá
77. **Uông Chu Lưu** **
Bộ trưởng Bộ Tư pháp
78. **Trương Thị Mai** *
Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hoá, giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng của Quốc hội
79. **Hồ Xuân Mãn** **
BTTU Thừa Thiên-Huế
80. **Vi Văn Mạn** *
Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 1
81. **Nông Đức Mạnh** ⁽²⁾ ⁽³⁾
Tổng Bí thư Ban Chấp hành TƯ khoá IX
82. **Đặng Vũ Minh**
Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ VN
83. **Nguyễn Tuấn Minh** **
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
84. **Đỗ Hoài Nam**
Chủ tịch Viện Khoa học xã hội VN
85. **Mai Văn Năm**
Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên
86. **Nguyễn Thị Kim Ngân** **
Thứ trưởng Bộ Thương mại
87. **Phạm Quang Nghị** ⁽²⁾ ⁽³⁾
Bộ trưởng Bộ Văn hoá Thông tin
88. **Lê Hữu Nghĩa** **
Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản
89. **Nguyễn Khắc Nghiễn** **
Trung tướng, Phó Tổng tham mưu Trưởng QĐNN VN
90. **Phạm Khôi Nguyên** *
Thứ trưởng Bộ Tài nguyên Môi trường
91. **Huỳnh Thị Nhân** *
Thứ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
92. **Nguyễn Thiện Nhân** *
TVTU, Phó Chủ tịch thường trực UBND Thành phố Hồ Chí Minh
93. **Hoàng Minh Nhất** *
Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
94. **Hà Sơn Nhìn** *
Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai
95. **Vũ Văn Ninh** *
Thứ trưởng Bộ Tài chính
96. **Nguyễn Thị Nuong** *
Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng
97. **Nguyễn Đình Phách** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Hưng Yên
98. **Caó Đức Phát** *
Bộ trưởng Bộ NN&PTNT
99. **Mai Quang Phấn** *
Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 4
100. **Hoàng Văn Phong** **
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
101. **Tòng Thị Phóng** ⁽³⁾
Trưởng ban Dân vận Trung ương
102. **Phùng Hữu Phú** **
PBT thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố Hà Nội
103. **Lê Hữu Phúc** *
Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị
104. **Nguyễn Xuân Phúc** *
Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
105. **Võ Hồng Phúc**
Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
106. **Giàng Seo Phứ** *
Phó trưởng ban Tổ chức TW
107. **Ksor Phước**
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
108. **Nguyễn Minh Quang** *
Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu
109. **Nguyễn Phong Quang** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Hậu Giang
110. **Trần Đại Quang** *
Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
111. **Hoàng Bình Quân** **
Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang
112. **Lê Hoàng Quân** **
Phó Bí thư thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh
113. **Nguyễn Việt Quân** *
Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 9
114. **Nguyễn Hồng Quân** **
Bộ trưởng Bộ Xây dựng
115. **Nguyễn Tấn Quyền** **
Bí thư Thành ủy Thành phố Cần Thơ
116. **Bùi Thanh Quyến** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Hải Dương
117. **Nguyễn Văn Quynh** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ninh
118. **Tô Huy Rúa** ⁽³⁾
Giám đốc HVCTQG Hồ Chí Minh
119. **Trương Tấn Sang** ⁽²⁾ ⁽³⁾
Trưởng ban Kinh tế Trung ương
120. **Trương Văn Sáu** *
Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long
121. **Nguyễn Bắc Sơn** *
Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên
122. **Nguyễn Văn Sơn**
Trưởng ban Đối ngoại TW
123. **Huỳnh Ngọc Sơn** *
Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5
124. **Sơn Song Sơn** **
Phó Chủ nhiệm TT Ủy ban Dân tộc
125. **Thào Xuân Sùng** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Sơn La
126. **Tạ Ngọc Tấn** *
Giám đốc Học viện BC&TT thuộc Học viện Chính trị Quốc gia HCM
127. **Nguyễn Bá Thanh** *
BTTU, Chủ tịch HĐND Tp Đà Nẵng
128. **Phùng Quang Thanh** ⁽²⁾
Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ QP, Tổng tham mưu trưởng QĐND VN
129. **Trần Đình Thành** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Nai
130. **Nguyễn Thế Thảo** **
BTTU, Chủ tịch HĐND Tỉnh Bắc Ninh
131. **Đinh La Thăng** *
Chủ tịch HĐQT TCTy Dầu khí VN
132. **Đào Trọng Thi**
Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội
133. **Phạm Văn Thọ**
Trưởng ban Bảo vệ Chính trị nội bộ TW
134. **Nguyễn Văn Thuận** *
BTTU, Chủ tịch HĐND Tp Hải Phòng
135. **Niê Thuột** **
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Đăk Lăk
136. **Lê Đức Thúc** **
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước VN
137. **Lê Thế Tiệm**
Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
138. **Trương Văn Tiếp** *
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Long An
139. **Nguyễn Khánh Toàn**
Thượng tướng, Thứ trưởng thường trực Bộ CA

140. **Huỳnh Phong Tranh ***
Phó trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
141. **Nguyễn Minh Triết ⁽²⁾**
BTTU Thành phố Hồ Chí Minh
142. **Nguyễn Quốc Triệu ***
Phó BTTU, Chủ tịch UBND Tp Hà Nội
143. **Nguyễn Phú Trọng ⁽²⁾**
BTTU Thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận TW
144. **Trương Vĩnh Trọng ^{(2) (3)}**
Trưởng ban Nội chính TW
145. **Mai Thế Trung ****
BTTU tỉnh Bình Dương
146. **Nguyễn Thế Trung ***
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Nghệ An
147. **Trần Văn Truyền ****
Phó Chủ nhiệm UBKTTW
148. **Trần Văn Tuấn**
Phó trưởng ban Tổ chức TW
149. **Trương Quốc Tuấn ***
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang
150. **Đặng Ngọc Tùng ***
Phó Chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động VN
151. **Phạm Minh Tuyên ****
Phó Trưởng ban thường trực Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ TW
152. **Nguyễn Văn Tự ****
BTTU Khánh Hoà
153. **Huỳnh Văn Tý ***
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Bình Thuận
154. **Đỗ Bá Ty ***
Thiếu tướng Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Quân khu 2.
155. **Y Viêng**
BTTU Kon Tum
156. **Hồ Đức Việt ⁽²⁾**
Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học – Công nghệ và môi trường của Quốc hội
157. **Nguyễn Hoàng Việt ***
Bí thư Tỉnh ủy An Giang
158. **Bùi Quang Vinh ***
Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai
159. **Ngô Đức Vượng ***
BTTU, Chủ tịch HĐND tỉnh Phú Thọ
160. **Trần Quốc Vượng ***
Phó Chánh Văn phòng thường trực Văn phòng TƯ Đảng

B. Ủy Viên dự khuyết

1. Phan Thanh Bình
Thành ủy viên (TUV), Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Tp HCM
2. **Đỗ Văn Chiến**

- Thường vụ tỉnh ủy (TVTU), Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang
3. **Mai Văn Chính**
Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Thủ Thừa, tỉnh Long An
4. **Phạm Biên Cương**
Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy Tịnh Biên tỉnh An Giang
5. **Phan Xuân Dũng**
Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ
6. **Võ Văn Dũng**
TVTU, Bí thư thị ủy Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
7. **Vũ Đức Đam**
Thú trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông
8. **Bùi Thị Minh Hoài**
TVTU, Trưởng ban Dân vận tỉnh ủy Hà Nam
9. **Điểu Kré**
TVTU, Trưởng đoàn đại biểu QH tỉnh Đắk Nông
10. **Hầu A Lênh**
Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Sa Pa tỉnh Lào Cai
11. **Nguyễn Hồng Lĩnh**
TUV, Bí thư huyện ủy Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
12. **Trần Thanh Mẫn**
TVTU, Bí thư quận ủy Bình Thủy, Tp Cần Thơ
13. **Phạm Bình Minh**
Vụ trưởng Vụ các tổ chức quốc tế Bộ Ngoại giao
14. **Võ Văn Phương**
TVTU, Bí thư thị ủy Thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
15. **Nguyễn Xuân Quang**
TVTU, Bí thư thành ủy Tp Đông Hới, tỉnh Quảng Bình
16. **Nguyễn Thanh Sơn**
TVTU, Bí thư huyện ủy Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
17. **Đặng Thị Ngọc Thịnh**
Phó Chủ nhiệm UBDSGD&TE
18. **Võ Văn Thường**
TUV, Bí thư quận ủy Quận 12 Tp HCM
19. **Nguyễn Thị Kim Tiến**
Viện trưởng Viện Pasteur Tp HCM
20. **Trần Cẩm Tú**
TUV, Bí thư huyện ủy Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
21. **Triệu Tài Vinh**
Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang

Chú thích :

(1) Những nhân vật có dấu hoa thị (*) kèm theo tên là những người mới vào Trung ương lần đầu. Tổng cộng có 80 người cộng với toàn bộ 21 ủy viên dự khuyết là 101 người. Trung ương khoá IX có 150 ủy viên, không có dự khuyết, trong đó có 60 người được bầu vào lần thứ nhất. Trong 60 người này, 43 người được bầu trở lại (có dấu **).

Khoá IX có một số ủy viên đã bị cách chức vì dính líu tới những vụ tiêu cực như các ông Bùi Đức Huy, Trần Mai Hạnh trong vụ Năm Can. Một số ủy viên là bộ trưởng « có vấn đề » nên không được bầu lại. Nổi nhất là ông Đào Đình Bình trong các vụ tiêu cực ở bộ giao thông vận tải, nhưng cũng phải kể tới ông Nguyễn Minh Hiền, bộ giáo dục và đào tạo, không bị tai tiếng cá nhân gì ngoài việc bộ này đã luôn luôn là một « điểm nóng » với nhiều vấn nạn mà ông hoàn toàn bất lực, không giải quyết gì được. Người có thể thay ông, theo một nguồn tin của Diễn Đàn, là ông Nguyễn Thiện Nhân, hiện là phó chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân thành phố HCM.

(2) Ủy viên bộ chính trị.

(3) Ủy viên ban bí thư.

Như ĐĐ số trước đã đưa tin, ông Nông Đức Mạnh tái cử tổng bí thư. Ngoài ra, ông Trương Tấn Sang thôi giữ chức Trưởng ban Kinh tế trung ương để làm Thường trực ban bí thư, ông Tô Huy Rúa làm Trưởng ban Tư tưởng – văn hoá (thay ông Nguyễn Khoa Điềm, không ra ứng cử trung ương). Ông Hồ Đức Việt làm Trưởng ban Tổ chức v.v.

Sự phân công trong các chức vụ chủ chốt của Nhà nước dự trù sẽ được quyết định trong kỳ họp Quốc hội tháng 5-6 này. Vai Thủ tướng hầu như chắc chắn sẽ về tay ông Nguyễn Tấn Dũng, còn Chủ tịch nhà nước và chủ tịch quốc hội chưa ngã ngũ, tuy các ông Nguyễn Minh Triết, Nguyễn Phú Trọng được coi là ứng viên có nhiều triển vọng hơn cả. Người thay các ông ở vị trí chủ chốt hai thành phố HCM và Hà Nội có thể là các ông Lê Thanh Hải và Phạm Quang Nghị.

Chức vụ bộ trưởng ngoại giao, theo tin hành lang, sẽ do phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm kiêm nhiệm, với sự phụ tá của ông Phạm Bình Minh, con trai cố ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch, nhân vật duy nhất của bộ này được bầu vào trung ương (dự khuyết).

Công nghệ hạt nhân và Việt Nam

ĐẶNG Đình Cung
Kỹ sư tư vấn

Đầu năm 2006 thủ tướng chính phủ ban hành "*Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình tới năm 2020*" (mà trong bài này chúng tôi sẽ gọi tắt là *Chiến lược nguyên tử*) [i]. Có ý kiến Việt Nam phải gấp rút xây một hai nhà máy điện hạt nhân để cung cấp điện đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế và để làm đòn bẩy cho sự phát triển công nghệ. Nhưng cũng có ý kiến không nên đi vào con đường năng lượng hạt nhân vì những rủi ro của dạng năng lượng này.

Chiến lược nguyên tử nói về ứng dụng năng lượng nguyên tử trong lĩnh vực điện hạt nhân và những lĩnh vực khác sử dụng những nguồn phóng xạ [ii]. Trong bài này, chúng tôi chỉ phân tích tính khả thi kinh tế và kỹ thuật của *chiến lược nguyên tử* liên quan đến điện hạt nhân. Sau đó chúng tôi sẽ đề nghị thời điểm thuận lợi và một số việc nên làm để Việt Nam đi vào kỷ nguyên hạt nhân mà vẫn bảo toàn được độc lập công nghệ [iii].

Năng lượng hạt nhân an toàn và tôn trọng môi trường thiên nhiên

Người ta so sánh độ rủi ro của một dạng năng lượng bằng tỷ số thương vong và tử vong gây nên do việc sản xuất một đơn vị năng lượng. Trên cơ sở tỷ số đó, nếu tính cả những nạn nhân tiềm tàng của thảm họa Tchernobyl và những con số bị quan nhất của các tai nạn hạt nhân khác đã bị chính quyền Liên Xô cũ giấu đi, thì năng lượng hạt nhân vẫn là dạng năng lượng an toàn nhất.

Cả nước Pháp mỗi năm có *một tỷ mét khối* phế liệu kỹ nghệ, trong đó có *20 triệu mét khối* là phế liệu độc hại. Trong khối lượng ấy có *80.000 mét khối* phế liệu phóng xạ, nhưng chỉ *150 mét khối* phế liệu phóng xạ có hoạt tính cao đặt vấn đề tàng trữ. Một nhà máy điện than công suất 1.000 MWe (Mega-watt-électrique, tức chỉ tính đến dòng điện được sản xuất) mỗi năm thải ra *7 triệu tấn đi-ôxít-cácbon*, một khí gây hiệu ứng nhà kính, *200.000 tấn đi-ôxít-sulfur*, một khí gây ra mưa acid, và *200.000 tấn tro*. Một nhà máy điện hạt nhân Pháp cùng công suất mỗi năm tiêu thụ 27.000 kg (27 tấn) nhiên liệu uranium được làm giàu và sinh ra 26.860 kg *nhiên liệu đã chịu phóng xạ*. Gọi như thế vì đó không phải hoàn toàn là phế liệu.

Trong số nhiên liệu đã chịu phóng xạ đó, 25.920 kg là gồm những đồng vị uranium U-238, uranium U-235 và plutonium Pu-239; chúng được gọi là *nhiên liệu đã qua sử dụng*. Những thí nghiệm và lý thuyết vật lý cho biết rằng những đồng vị đó có thể được dùng để làm nhiên liệu cho những lò phản ứng hạt nhân khác; tuy hiện nay người ta

chỉ khai thác được một phần rất nhỏ của khả năng đó. Trong khi chờ đợi khoa học cho phép tận dụng những nhiên liệu đã qua sử dụng vào việc sản xuất năng lượng thì người ta lưu trữ chúng trong những bể chứa nước. Rút cục một nhà máy điện hạt nhân công suất 1.000 MWe mỗi năm sinh ra 918 kg sản phẩm phân hạch và 22 kg actinid có thể coi là phế liệu. Chỉ có 22 kg *actinid* là đặt vấn đề vì có hoạt tính cao và trong thời gian lâu. Hiện đang có chương trình nghiên cứu liên quốc gia để biến những sản phẩm đó thành những đồng vị không còn nguy hại về phóng xạ.

Người ta tính độ hiểm nguy cho sức khỏe do một nguồn phóng xạ bằng đơn vị Sivert, ký hiệu là Sv. Hiểm nguy đó tùy ở liều phóng xạ một người đã hấp thụ trong một thời gian. Nếu hấp thụ dưới 100 mSv (0,1 Sv) trong một thời gian ngắn thì không sao nhưng nếu hấp thụ 5 Sv trong một thời gian ngắn thì chắc chắn sẽ chết. Mỗi lần đi chiếu X quang chúng ta hấp thụ một phần triệu Sv. Từ trước khi nhân loại biết sản xuất những nguồn phóng xạ nhân tạo, một người hấp thụ từ 2 đến 20 mSv mỗi năm tùy địa phương. Hiện nay một người ở Pháp hấp thụ trung bình 2,5 mSv mỗi năm, kể cả phóng xạ thiên nhiên lẫn phóng xạ hấp thụ do dịch vụ y tế; còn những phóng xạ từ những nguồn khác thì không đáng kể: kỹ nghệ (2,4%), hậu quả những vụ thử vũ khí hạt nhân (0,5%), hậu quả tai nạn Tchernobyl (0,1%), ảnh hưởng của những nhà máy điện hạt nhân (0,06%) ...

Với những số liệu như vậy thì không thể nói được rằng năng lượng hạt nhân là một đe dọa cho sức khỏe hay môi trường tự nhiên (*).

Tuy nhiên, nhiều người tiếp tục nghĩ rằng năng lượng hạt nhân nguy hiểm và đe dọa môi trường. Điều này dễ hiểu khi nghĩ tới tai nạn Tchernobyl và những vùng bị nhiễm xạ ở Bạch Hải, phía bắc nước Nga. Nhưng khi nghiên cứu kỹ thì thấy rằng những thí dụ đó chỉ là hậu quả của sự vô trách nhiệm của chính quyền Liên Xô cũ. Thảm họa Tchernobyl xảy ra do sự tích lũy của một số sai lầm từ cấp lãnh đạo Nhà Nước đến cấp thừa hành, từ khâu thiết kế đến khâu vận hành và cấp cứu. Chỉ cần thiếu một trong số những sai lầm đó là tai nạn sẽ không xảy ra và nếu có xảy ra thì sẽ không biến thành thảm họa. Ở một nước dân chủ, mọi việc thông thoáng nên nhà nước không dám lấy những quyết định phiêu lưu và nếu muốn thì dân chúng cũng không để cho họ đưa vào thực hiện.

Nhiều người lo ngại về tính an toàn của một nhà máy điện hạt nhân vì thấy giới cầm quyền Việt Nam thiếu đạo đức và có lẽ lỗi làm việc không dân chủ. Quả thật, quy trình quyết định những dự án lớn như là Dung Quất hay Sơn La không phải là kiểu mẫu dân chủ. Những cơ quan có trách nhiệm đầu tư vào các công trình hạ tầng đã gây ra nhiều chuyện tai tiếng. Tất cả những hiện tượng tiêu cực đó không làm cho người dân tin tưởng vào tính an toàn của các công trình trọng đại đã, đang và sắp xây. Nhưng chúng ta phải hy vọng trình trạng này chỉ là tạm thời vì đạo lý dân tộc Việt Nam không dung thứ tham nhũng. Theo *chiến lược nguyên tử*, nhà máy điện hạt nhân đầu tiên sẽ khởi công xây cất sớm nhất vào năm 2015. Khi

ấy nếu tình trạng hiện nay không được thanh lọc thì đáng chính trị hiện đang cầm quyền sẽ không thể còn tồn tại để thực hiện *chiến lược nguyên tử* (**).

Năng lượng hạt nhân là nguồn năng lượng bền vững

Điện lực là một dạng năng lượng sạch, tiện lợi và có nhiều giá trị kinh tế. Nhưng một khi đã điện hóa một nước hay một địa phương thì phải bảo đảm cung cấp điện với điện áp, chu kỳ và công suất đúng lúc có nhu cầu. Một khi có nguồn điện thì sinh ra những sinh hoạt sản xuất và gia dụng tiêu thụ điện cho tới hết công suất thiết kế. Nếu không bảo đảm được việc cung cấp điện liên tục với công suất thiết kế thì những thiết bị chạy bằng điện sẽ phải ngưng vận hành hay ít ra cũng sẽ chạy theo một tình huống không tối ưu. Tình trạng này gây ra lãng phí.

Điện lực cũng là một dạng năng lượng không thể tích trữ nhiều được. Những bình ắc quy chỉ chứa được vài ampe giờ nên không đáp ứng được nhu cầu của kỹ nghệ và dân chúng. Những hồ tích năng thì tốn kém và có ít địa điểm thuận tiện. Trong số những năng lượng hoàn nguyên (còn gọi là năng lượng tái tạo) chỉ có địa nhiệt là có thể bảo đảm được việc cung cấp điện liên tục với công suất thiết kế. Nhưng trên thế giới có rất ít địa điểm thuận lợi để sản xuất điện từ địa nhiệt. Thủy năng là nguồn năng lượng hoàn nguyên có thể cung cấp điện dồi dào trên quy mô lớn. Nhưng những hồ chứa nước vĩ đại nhất cũng không bảo đảm được việc cung cấp điện liên tục và với công suất thiết kế vào những năm hạn hán. Những dạng năng lượng hoàn nguyên khác thì không thể trông cậy được.

Chỉ có nhiệt điện sản xuất từ những nguồn năng lượng hóa thạch và hạt nhân là tạm thời có thể bảo đảm được việc cung cấp điện liên tục và với công suất thiết kế. Chúng tôi dùng cụm từ "tạm thời" vì những dạng năng lượng đó không hoàn nguyên nên một ngày nào đó sẽ cạn hết. Theo những chuyên gia về chiến lược năng lượng, với nhịp độ tiêu thụ năng lượng hiện nay, than đá có thể đáp ứng được nhu cầu trong hai trăm năm và các nguồn hydro cacbua trong vài chục năm. Với công nghệ hiện nay thì nguồn uranium cũng chỉ còn có vài chục năm nữa là hết. Trước tình trạng những nguồn năng lượng giảm dần như hiện nay, giá thị trường của năng lượng lên xuống bất thường, với xu hướng gia tăng không cưỡng được.

Trình bày như vậy thì tương lai của năng lượng hạt nhân cũng không sáng sủa gì hơn những dạng năng lượng hóa thạch. Nhưng than đá, dầu mỏ và khí thiên nhiên còn được dùng làm nguyên liệu cho ngành kỹ nghệ hóa học còn hạt nhân thì chỉ dùng được trong việc sản xuất năng lượng thôi. Vậy nếu trữ lượng những nguồn năng lượng hóa thạch có giới hạn thì lý tưởng sẽ là để dành chúng cho kỹ nghệ hóa học và đáp ứng tất cả các nhu cầu năng lượng bằng năng lượng hạt nhân và các dạng năng lượng hoàn nguyên. Áp dụng chiến lược này, ngành điện lực Pháp, Thụy Điển hay Thụy Sĩ chủ yếu chỉ có thủy điện và điện hạt nhân, ngành điện lực ba nước vùng Baltic sẽ chỉ vón vẹn có một nhà máy hạt nhân đang xây,...

Một nhà máy thủy điện chỉ có thể xây được ở nơi có nước. Vì trọng lượng tiêu thụ than cao nên cũng phải xây một nhà máy điện than ở ngay mỏ than hay ở những hải cảng nước sâu có thể tiếp những tàu chở than lớn. Một nhà máy chạy bằng dầu phải có ống dẫn dầu từ nhà máy lọc dầu đến nhà máy điện hay phải xây nhà máy điện bên cạnh nhà máy lọc dầu. Một nhà máy chạy bằng khí thiên nhiên cũng phải có một ống dẫn khí đến nhà máy điện hay xây nhà máy ở đầu ống dẫn khí. Định vị một nhà máy điện là cả một bài toán tối ưu chi phí chuyên chở nhiên liệu đến nhà máy điện và chi phí tải điện từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ. Trung bình tải điện có thể làm mất 15 đến 20 phần trăm điện vì hiệu ứng Ohm trên dây tải điện và các trạm biến thế. Đó là chưa kể đến khả năng mưa bão làm đứt đường dây.

Như đã nói ở trên, một nhà máy công suất 1.000 MWe chỉ cần đến 27 tấn uranium mỗi năm. Trọng lượng nhiên liệu nhỏ như thế cho phép xây một nhà máy điện hạt nhân ở gần nơi tiêu thụ điện và không cần phải tải điện đi xa. Ngoài ra một nhà máy điện hạt nhân chiếm một diện tích nhỏ hơn một nhà máy điện chạy bằng một dạng năng lượng khác. Đây là một ưu điểm cho những nước dân đông đất hẹp như Việt Nam.

Vì những lý do đó mà nhiều người nghĩ rằng điện hạt nhân rẻ hơn điện từ những nguồn năng lượng khác. Thực ra một đơn vị công suất điện hạt nhân rất đắt về đầu tư. Nếu tính cả khấu hao của nhà máy, chi phí để tháo dỡ nhà máy và xếp dọn địa hình sau khi nhà máy đã qua sử dụng thì giá thành điện hạt nhân cũng xấp xỉ như giá thành điện từ những nguồn khác.

Nhiều người cũng tưởng rằng giá thành và việc sản xuất điện hạt nhân sẽ ổn định hơn vì những mỏ uranium tập trung ở những nước yên ổn hơn là những nước có mỏ hydro cacbua. Điều đó vừa đúng vừa sai. Bốn nước chiếm hai phần ba trữ lượng uranium của thế giới là Australia, Kazakhstan, Canada và Nam Phi. Ngoại trừ Kazakhstan ba nước kia đều là những nước dân chủ và thân Tây phương. Chưa chắc gì những nước này sẽ tiếp tục cung cấp uranium với giá phải chăng khi nguồn hydro cacbua sẽ cạn. Nhưng điều này không nguy hiểm lắm trong một thời gian ngắn, vì một nước có thể cầm cự được một con số uranium kéo dài trong một hai năm với vài trăm tấn uranium dự trữ, đủ thời gian để có thể tìm giải pháp.

Việt Nam còn nhiều việc cấp bách hơn trước khi xây nhà máy điện hạt nhân

Vì điện hạt nhân là một năng lượng an toàn, tôn trọng môi trường thiên nhiên và có nguồn cung cấp nhiên liệu ổn định, Việt Nam phải dự bị đi vào kỷ nguyên hạt nhân. Vấn đề là thời điểm xây nhà máy điện hạt nhân đầu tiên.

Nhật Bản và Hàn Quốc đã quyết định xây nhà máy điện hạt nhân khi các nước đó có tổng sản lượng quốc nội tương đương với tổng sản lượng quốc nội hiện nay của Việt Nam. Hai nước này phải quyết định như vậy vì thiếu năng lượng một cách trầm trọng. Nhưng điện hạt nhân sản xuất trong cả hai nước này cũng chưa đủ đáp ứng được một phần năm nhu cầu về năng lượng của họ. Ấn

Độ và Trung Quốc cũng đã có nhà máy điện hạt nhân mặc dù tổng sản lượng quốc nội hãy còn thấp. Nhưng hai nước này đã phải khai triển vũ khí hạt nhân và nhân đó khai triển thêm những áp dụng dân sự.

Tình trạng năng lượng của Việt Nam ngược lại rất là khả quan :

1. Việt Nam sản xuất 125 % nhu cầu năng lượng của mình, với khả năng lên đến 145 % nhờ một số nhà máy thủy điện và giếng hydrô cacbua đi vào hoạt động vào những năm 2005 và 2006. Tỷ số này là một ước lượng khiêm tốn vì không tính đến năng lượng từ củi gỗ không được coi là sản phẩm thương mại.

2. Theo những dự báo quốc tế, trữ lượng hydrô cacbua còn lại để khai thác bắt đầu giảm vào năm 2010/2015 và vào những năm 2030 nhân loại mới bắt đầu thiếu. Với tăng trưởng kinh tế 7 - 8 phần trăm mỗi năm, vào năm 2030, Việt Nam mới cần phải xây hết những nhà máy thủy điện để khai thác toàn bộ tiềm năng thủy lực và vẫn còn đủ trữ lượng năng lượng hóa thạch để đáp ứng đủ tất cả nhu cầu của các sinh hoạt kinh tế và dân dụng nội địa.

3. Tính trung bình, với năng lượng của *một tấn tương đương dầu*, các nước ASEAN sản xuất được một giá trị là 1.900 USD, Hàn Quốc 2.900 USD, Nhật Bản 9.200 USD và Hoa Kỳ, quốc gia nổi tiếng phung phí tài nguyên thiên nhiên nhất, 5.100 USD. Việt Nam thì chỉ sản xuất được hơn 1.000 USD một chút.

Theo những số liệu trên thì Việt Nam có tiềm năng tiết kiệm năng lượng rất lớn, và ít nhất cho tới 2030 Việt Nam vẫn chưa cần đến một nhà máy điện hạt nhân để cung ứng năng lượng. Cho tới thời điểm đó, vấn đề chính vẫn là phải chuyển những nhà máy đang vận hành sang những công nghệ sử dụng năng lượng hóa thạch hữu hiệu nhất và tôn trọng môi trường thiên nhiên nhất. Việc Việt Nam đang phải nhập khẩu mười phần trăm nhu cầu điện là một tình trạng tạm thời gây nên bởi trong quá khứ đã thiếu sót đầu tư.

Khi Nhật và Hàn Quốc khởi công nhà máy điện hạt nhân đầu tiên, trình độ phát triển kỹ nghệ và dân trí của hai nước đó cao hơn Việt Nam ngày nay. Ấn Độ và Trung Quốc bây giờ vẫn còn là những nước lạc hậu. Nhưng hai nước này đông dân nên có khả năng triệu tập đủ nhân lực để khai triển ngành hạt nhân. Những nước chậm tiến khác như là Triều Tiên (Bắc Hàn), Iran, Pakistan,... đang trả một giá rất đắt vì muốn đi tắt đón đầu. Nhà cầm quyền những nước đó than phiền bị quốc tế tẩy chay nên dân khổ. Đó chỉ là cái cớ để che dấu sự bất tài và hiểu chiến của họ.

Nếu phải có điện hạt nhân vào năm 2030 thì Việt Nam phải khởi công xây nhà máy vào năm 2025. Như thế sẽ có thêm mười năm nữa để sửa soạn so với năm 2015 như *chiến lược nguyên tử* đã dự định. Thông thường phải cần một thế hệ thì mới đưa được một dân tộc từ một nền văn minh kỹ thuật thô sơ sang nền văn minh công nghệ cao. Một thế hệ là ít nhất 25 năm. Từ nay đến năm 2025 là non 20 năm. Mặc dù thời hạn gấp rút, nếu cương quyết và khôn khéo để không lãng phí tài nguyên và thì giờ thì sẽ

thành công. Nhưng chắc chắn Việt Nam sẽ thất bại nếu đặt mốc vào năm 2015.

Nói như thế không có nghĩa là phải dầm chân chờ cho tới 2025 mới vào cuộc. Ngược lại nếu dự bị càng sớm thì khả năng thành công càng cao.

Chiến lược nguyên tử nêu những áp dụng của các nguồn phóng xạ. Điện hạt nhân có "vé vào cửa" tối thiểu hai tỷ đô la, giá mua một lò phản ứng và tất cả những hệ thống phụ cận. Ngược lại, những áp dụng của những nguồn phóng xạ có "vé vào cửa" thấp hơn. Có vài áp dụng trong y khoa và kỹ nghệ chỉ đòi hỏi có vài nghìn đô la. Những tay nghề cần thiết cho những áp dụng đó cũng cần thiết cho ngành điện hạt nhân : tìm hiểu những hiệu ứng của phóng xạ, sản xuất và sử dụng đồng vị phóng xạ, đo lường phóng xạ, xử lý những phế liệu có chứa những chất phóng xạ... Khai triển ngay những áp dụng đó tạo thêm cơ hội đào tạo nhân lực cho ngành điện hạt nhân tương lai.

Một nhà máy điện hạt nhân chỉ là một nhà máy nhiệt điện có lò hơi được thay thế bằng một lò phản ứng hạt nhân và một bộ chuyển nhiệt. Ngoài việc kế cận với những chất phóng xạ, thiết kế, xây dựng và điều khiển những thành phần đó cũng chỉ tương tự như thiết kế, xây dựng và điều khiển những thiết bị kỹ nghệ khác. Những ngành kỹ nghệ nặng như là sản xuất và tiêu thụ năng lượng, hóa học, hay sinh học cũng có nguy cơ xảy ra tai nạn trầm trọng như ngành điện hạt nhân. Những tay nghề để đề phòng tai nạn, di tản dân chúng và cấp cứu cần thiết cho những ngành đó cũng có thể áp dụng được cho ngành điện hạt nhân. Nắm được công nghệ năng lượng cổ điển và công nghệ của các ngành kỹ nghệ nặng khác thì sẽ có nhân lực và tài nguyên kỹ nghệ để trong tương lai thiết kế, xây dựng và điều khiển một nhà máy điện hạt nhân. Vậy khai triển những ngành công nghệ đó để đáp ứng những nhu cầu cấp bách của dân chúng và của kinh tế ngày nay cũng là một lối để sửa soạn quy củ ngày khởi công xây nhà máy điện hạt nhân đầu tiên.

Để bảo đảm nguồn năng lượng sẽ được cung cấp ổn định thì phải nắm khâu làm giàu uranium

Khi một hạt nhân bị phân hạch, nghĩa là bị một neutron đập vỡ, thì sinh ra năng lượng và một số hạt neutron. Một neutron mới sinh ra từ một phản ứng phân hạch có tốc độ 20.000 km/giây và được gọi là neutron nhanh. Ở tốc độ đó neutron có thể kết hợp với một hạt nhân để sinh ra hạt nhân đồng vị khả phân. Nếu sau khi va chạm với những hạt nhân khác trong lò phản ứng mà không bị hấp thụ thì tốc độ của neutron giảm xuống. Khi tốc độ giảm tới chừng 2.000 m/giây thì neutron đó, được gọi là neutron chậm, có thể đập vỡ một hạt nhân khác, sinh ra những neutron mới có thể tham gia vào những phản ứng hạt nhân tiếp và, như thế, duy trì dây chuyền phản ứng hạt nhân.

Ở ngoài thiên nhiên 0,7 % hạt nhân uranium là đồng vị U-235 khả phân, nghĩa là một hạt neutron chậm có thể đập vỡ hạt nhân đó để sinh ra năng lượng. Phần còn lại, 99,3 % là hạt nhân U-238 bất khả phân nhưng có thể hấp thụ một neutron nhanh để trở thành hạt nhân plutonium

Pu-239. Trong phản ứng hấp thụ đó neutron sẽ không tham gia vào dây chuyền phản ứng hạt nhân nữa. Để duy trì dây chuyền phản ứng thì phải duy trì số neutron nguyên thủy bằng cách giảm mau tốc độ của neutron để tránh cho chúng bị những hạt U-238 hấp thụ hay là gia tăng hàm lượng những hạt nhân U-235 để gia tăng số phản ứng phân hạch và bội sinh số neutron bị hấp thụ.

Những lò phản ứng CANDU của Canada dùng nước nặng để giảm tốc độ của neutron. Những lò RBMK của Liên Xô cũ dùng than chì. Nhưng hai loại lò này không còn phổ biến. Lí do chính thức là những loại lò này cho phép lén lút trích plutonium từ nhiên liệu đã qua sử dụng để chế tạo vũ khí hạt nhân. Ngoài ra những lò kiểu RBMK không an toàn (lò bị tai nạn ở Tchernobyl thuộc loại này). Lí do thực là xây những lò kiểu này thì tốn kém. Những nhà máy điện phải chạy từ bảy đến mười năm để đền bù năng lượng đã dùng cho sản xuất vật liệu xây cất nhà máy. Những lò kiểu CANDU lại còn phải đền bù thêm năng lượng đã dùng cho sản xuất nước nặng. Hiện nay những nhà máy điện hạt nhân thông dụng dùng những lò phản ứng chạy bằng nước nhẹ và uranium có hàm lượng U-235 đã được gia tăng, gọi là uranium được làm giàu.

Công suất những cơ sở làm giàu uranium hiện nay vừa đủ để cung cấp cho những nhà máy hiện đang chạy. Với những nhà máy điện hạt nhân hiện đang xây hoặc dự tính xây, chủ yếu ở châu Á, nhân loại có thể đi vào một thời kỳ khan hiếm uranium được làm giàu. Thời kỳ đó có thể kéo dài vì các cường quốc có công nghệ hạt nhân không muốn chuyển giao công nghệ để các nước khác xây thêm những nhà máy làm giàu uranium. Lý do chính thức là để chống phổ biến vũ khí hạt nhân. Lý do thực là những cường quốc hạt nhân muốn giữ độc quyền công nghệ hạt nhân để giữ những nước khác dưới sự lệ thuộc của họ về năng lượng. Tình trạng đó làm cho giá thị trường của uranium được làm giàu sẽ lên xuống bất chợt làm bất ổn giá thành của điện hạt nhân mặc dù giá thị trường của uranium thiên nhiên có thể được ổn định.

Nếu có nhà máy điện hạt nhân mà phải mua nhiên liệu hạt nhân hay phải mua uranium được làm giàu để tự chế tạo nhiên liệu như *chiến lược nguyên tử* dự định thì sẽ mất an toàn năng lượng và mất luôn cả độc lập.

Trên pháp lý thì việc làm giàu uranium đặt vấn đề phổ biến vũ khí hạt nhân. Hiệp ước TNP (Treaty on the Non Proliferation of Nuclear Weapons, Hiệp ước chống phổ biến vũ khí hạt nhân)[iv] quy định những nước đã ký Hiệp ước mà chưa có vũ khí hạt nhân không được khai triển loại vũ khí này. Để đền bù, những nước đó sẽ được các nước khác bảo vệ khi bị tấn công bằng vũ khí hạt nhân. Ngoài ra Liên hiệp quốc thành lập tổ chức IAEA (International Atomic Energy Agency, Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế) để giúp đỡ những nước đã ký Hiệp ước khai triển mọi sử dụng năng lượng hạt nhân với mục đích hòa bình.

Uranium được làm giàu tới mức cao hơn 90 % hàm lượng uranium U-235 có thể dùng để chế tạo bom nguyên tử. Vì thế IAEA cấm một nước không có vũ khí

hạt nhân không được phép làm giàu uranium tới hàm lượng uranium U-235 cao hơn 20 %. Một lò phản ứng hạt nhân dùng để sản xuất điện chỉ cần đến uranium được làm giàu tới hàm lượng uranium U-235 dưới 5 %, thông thường là 3,5 %. Vậy trên nguyên tắc một nước không có vũ khí hạt nhân nhưng đã ký Hiệp ước hoàn toàn có quyền làm giàu uranium để sản xuất nhiên liệu cho những nhà máy điện hạt nhân.

Để bảo đảm nguồn nhiên liệu cho những nhà máy điện hạt nhân của mình, những nước ASEAN cần phải có một nguồn uranium được làm giàu an toàn. Với dự kiến hai lò phản ứng tổng cộng 2.000 MWe điện hạt nhân, nhu cầu về uranium được làm giàu của Việt Nam không đủ lớn để vận hành một nhà máy làm giàu uranium. Nếu cộng thêm những dự án hạt nhân của Thái Lan, Indonesia và Phi Luật Tân, tổng cộng khoảng 4.000 - 6.000 MWe, thì vẫn chưa đủ để một nhà máy sinh lợi. Trong tương lai các nước ASEAN, Ấn Độ và Trung Quốc sẽ phải nhập khẩu uranium được làm giàu vì có nhiều dự án điện hạt nhân nhưng không có dự án xây nhà máy làm giàu uranium. Tại sao những nước ASEAN không đầu tư chung vào một nhà máy? Tại sao Việt Nam không chủ động đóng vai trò chủ chốt khởi xướng một nhà máy trong nước mình?

Việc nhà máy này là sở hữu chung của nhiều quốc gia và do một đội ngũ đa quốc gia vận hành đủ để trấn an IAEA rằng nhà máy sẽ chỉ làm giàu uranium cho mục đích hòa bình. Điều có thể trấn an thêm là những nước ASEAN đã ký chung Hiệp ước Bangkok (Southeast Asia Nuclear Weapon Free Zone Treaty, Hiệp ước Vùng Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân)[v]. Việt Nam đã ký tất cả các hiệp ước liên quan đến áp dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình và đã được quốc tế tín nhiệm là một quốc gia muốn làm bạn với mọi quốc gia khác. Lý do đặt nhà máy làm giàu uranium ở Việt Nam là Việt Nam có trữ lượng uranium cao hơn các nước ASEAN khác[vi]. Sự có mặt của chuyên gia ngoại quốc về hạt nhân trên lãnh thổ Việt Nam sẽ giúp những chuyên gia Việt Nam hấp thụ công nghệ hạt nhân mau hơn.

Để củng cố độc lập công nghệ thì phải tham gia vào những dự án khai triển điện hạt nhân thế hệ IV

Như viết ở trên, uranium thiên nhiên gồm bởi 99,3 % đồng vị U-238 và 0,7 % đồng vị U-235. Theo công nghệ hiện đại với những lò phản ứng chạy bằng nước nhẹ và uranium được làm giàu thì chỉ có đồng vị U-235 là có thể sinh ra năng lượng. Với công nghệ này thì trữ lượng uranium đã được chứng minh chỉ đủ để cung cấp năng lượng cho tối đa 40 năm nữa theo nhịp độ tiêu thụ uranium hiện nay. Để tận dụng uranium thì có thể dùng những lò phản ứng hạt nhân nhanh. Trong những lò phản ứng loại này những hạt nhân U-238 được neutron nhanh biến hóa thành hạt nhân plutonium Pu-239 và, sau đó, hạt nhân plutonium Pu-239 được đập vỡ để sinh ra năng lượng. Nguyên tắc lò phản ứng neutron nhanh này cũng có thể được áp dụng để biến hạt nhân thorium Th-232 thành hạt nhân uranium U-233 rồi đập vỡ hạt nhân uranium U-233 để sinh ra năng lượng.

Trữ lượng lý thuyết của uranium trên địa cầu đủ cho nhân loại sản xuất năng lượng 4000 năm nữa với nhịp độ hiện nay. Trữ lượng lý thuyết của thorium trên địa cầu là ba tới bốn lần trữ lượng uranium. Nếu tính cả hai nguyên tử này thì trên lý thuyết chúng ta sẽ có có năng lượng trong 12.000 năm với nhịp độ tiêu thụ hiện nay. Nếu chỉ có thể khai thác được một phần mười tiềm năng lý thuyết này thì nhân loại vẫn không sợ thiếu năng lượng trước 1.200 năm nữa. Khoảng cách thời gian này tương đương với khoảng cách giữa thời nay và thời Phùng Hưng khởi nghĩa !

Trước triển vọng đó mười quốc gia đã chung sức để triển khai sáu kiểu mẫu nhà máy điện hạt nhân gọi là những nhà máy điện thế hệ IV, đó là Anh, Argentina, Brazil, Canada, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Nam Phi, Nhật Bản, Pháp và Thụy Sĩ. Liên hiệp châu Âu cũng tham gia vào kế hoạch này. Mục đích của kế hoạch là đạt tới một số kiểu nhà máy điện hạt nhân bền vững và được thường dân chấp nhận. Hồ sơ công nghệ đòi hỏi những nhà máy phải tiết kiệm nhiên liệu, an toàn tối đa, sinh ra tối thiểu phế liệu và không cho phép ăn cắp những sản phẩm khả phân. Tập đoàn đó đặt thời hạn hoàn thành kế hoạch nghiên cứu để bắt đầu xây hàng loạt những nhà máy vào năm 2025.

Nếu Việt Nam bắt đầu xây nhà máy vào năm 2015 như *chiến lược nguyên tử* đã dự định thì nhà máy đó sẽ thuộc loại thế hệ III và có thể 15 năm sau là lạc hậu. Nếu bắt đầu xây vào năm 2025 như chúng tôi đề nghị thì sẽ có hai khả năng : nếu kế hoạch thế hệ IV kết thúc khả quan và đúng kỳ hẹn thì Việt Nam có thể chọn xây một nguyên mẫu nhà máy thế hệ IV, nếu không thì xây nhà máy thế hệ III đã hoàn chỉnh. Khả năng chọn lựa là một khía cạnh của tự do. Điểm lợi thứ hai là khi xây một nguyên mẫu thì tất cả những thành viên của kế hoạch thế hệ IV sẽ hiệp lực để tận tâm giúp Việt Nam thành công.

Dù sao, Việt Nam cũng nên tranh đấu để có chân vào kế hoạch thế hệ IV ngay từ bây giờ. Đóng góp ban đầu có thể rất khiêm tốn. Mục đích là được chia trách nhiệm một khâu của kế hoạch để sau này có "lá bài" thương lượng trong việc chuyển giao công nghệ. Đó cũng là dịp để những nhà khoa học Việt Nam quen hợp tác với các đồng nghiệp quốc tế trong lãnh vực khoa học kỹ thuật. Chỉ với điều kiện đó thì Việt Nam mới giữ được độc lập về công nghệ.

Kết luận

Năng lượng hạt nhân sẽ chiếm ưu thế không phải vì giá uranium rẻ cũng như việc cung cấp uranium ổn định, mà vì đó là dạng năng lượng an toàn nhất, tôn trọng môi trường nhất và có tiềm năng cung cấp bền vững nhất. Việc các nước khác đã có nhà máy điện hạt nhân không có nghĩa là bắt buộc ta phải khẩn cấp xây một nhà máy. Việt Nam phải sửa soạn kỹ để đi vào kỷ nguyên hạt nhân vào thời điểm thuận lợi cho mình và khi hội đủ điều kiện để bảo toàn độc lập công nghiệp của mình. Những điều kiện đó không chỉ vồn vẹn là bỏ tiền đi mua những nhà máy theo dạng "chìa khóa trao tay" và đào tạo nhân lực để vận hành những nhà máy đó mà bao hàm sự đóng góp

tích cực vào tiến bộ khoa học kỹ thuật của nhân loại.

Chiến lược về công nghệ hạt nhân cũng như mọi công nghệ nào khác phải theo nguyên tắc của J.A. Schumpeter : "*think big, start small*". Ở về "*think big*" Việt Nam nên bạo dạn để xướng một nhà máy làm giàu uranium trên lãnh thổ mình và đòi quyền tham gia vào kế hoạch khai triển những nhà máy điện hạt nhân thế hệ IV. Ở về "*start small*" Việt Nam nên hoãn xây nhà máy điện hạt nhân đầu tiên lại mười năm để có khả năng bắt đầu bằng những công nghệ có "vé vào cửa" thấp nhưng giải quyết những nhu cầu cấp bách của người dân rồi tuần tự đi lên những công nghệ có "vé vào cửa" cao.

Đặng Đình Cung

[i] Xem "*Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình tới năm 2020*" ban hành theo quyết định số 01/2006/QĐ-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2006 của thủ tướng chính phủ.

[ii] Trong chiến lược gọi là "*năng lượng bức xạ*".

[iii] Những số liệu về khoa học kỹ thuật dùng trong bài này trích từ những sách giáo khoa về năng lượng hạt nhân và những trạm Internet của World Nuclear Association (www.worldnuclear.org) và Institut National de Physique Nucléaire et de Physique des Particules (www.laradioactivite.com). Những số liệu về kinh tế trích từ những trạm Internet của International Energy Agency (www.iea.org) và World Energy Council (www.worldenergy.org).

[iv] Bạn đọc có thể đọc nguyên văn hiệp ước này ở địa chỉ <http://www.iaea.org/Publications/Documents/Infcircs/Others/infcirc140.pdf>.

[v] Bạn đọc có thể đọc nguyên văn hiệp ước này ở địa chỉ <http://www.iaea.org/Publications/Documents/Infcircs/1998/infcirc548.pdf>

[vi] Theo World Energy Council thì với giá 130 USD mỗi kilô triển vọng trữ lượng uranium trên thế giới là 13.971.500 tấn với 3.281.500 tấn đã được chứng minh. Triển vọng trữ lượng uranium ở Việt Nam là 237.300 tấn với 1.300 tấn đã được chứng minh ở tỉnh Quảng-Nam. Ngoài Việt nam ra chỉ có Indonesia là nước ASEAN duy nhất có uranium với triển vọng trữ lượng uranium là 8.900 tấn với 6.300 tấn đã được chứng minh.

Lời bàn của thầy cò :

Bài này quả rất đầy đủ và trung dung, lại cung cấp nhiều thông tin và hiểu biết chính xác. Thầy cò hoàn toàn chia sẻ. Tuy nhiên xin góp hai ý nhỏ như sau :

() Khi tai nạn xảy ra thì do mức tập trung cao của phóng xạ trong thời gian và không gian, số người chết và bị thương có thể rất cao so với các tai nạn khác. Do vậy không thể dùng một con số trung bình với các nạn nhân của Tchenobyl. Nhưng, không kể thiên tai, công nghệ nào cũng có rủi ro, đập thủy điện cũng có thể vỡ và gây thiệt hại khủng khiếp. Và lạc hậu về kinh tế cũng giết người một cách vô hình, ai tính được số nạn nhân của chính sách kinh tế thời bao cấp ở Việt Nam ?*

*(**) Điều này không có nghĩa một đảng cầm quyền mới sẽ khác hơn.*

WATERGATE

bên bờ sông Seine

NGUYỄN QUANG

2005-2006 quả là « năm kinh khủng » (*) đối với chính quyền Pháp, nhà nước Pháp, và nói rộng ra, đối với hình ảnh và vị trí của nước Pháp trên thế giới. Hết vụ bê bối « chống » châu Âu, cuộc bạo loạn ở các khu ngoại ô, cuộc khủng hoảng CPE, không kể cuộc hành trình bi hài của hàng không mẫu hạm Clémenceau, bây giờ lại nổ ra vụ xì-căng-đan quốc gia : *Clearstream*. Trái ngược với cái tên thơ mộng (*Dòng suối trong*), đó là dòng nước đục ngầu, mỗi ngày phình to, chảy xiết, có nguy cơ cuốn phăng đi những ngày tháng cuối cùng của nhiệm kỳ tổng thống Chirac. Nhìn từ bên ngoài, « Clearstream » chắc cũng tương tự những vụ bê bối nửa chính trị nửa công an điếm xuyết lịch sử nền đệ ngũ cộng hoà Pháp : vụ bắt cóc và thủ tiêu Ben Barka (thời De Gaulle), vụ Markovic (thời Pompidou), vụ hai người Ireland ở thị xã Vincennes, vụ cái hộ chiếu « giả mà thật », vụ Elf, vụ chiến hạm bán cho Đài Loan (thời Mitterrand)... Độc giả có thể nghĩ rằng đọc lại cuốn *Mặt mã Da Vinci* vẫn còn thú vị hơn, nhưng có lẽ cũng không thừa nếu ta ngược dòng « Suối trong », phác hoạ sơ đồ những khúc ngoặt chính, vì qua những vụ tiết lộ, rò rỉ, tuyên bố và lời thú, ngay từ bây giờ ta có thể có một cái nhìn tổng quát, chưa chính xác nhưng khá hiện thực.

Một cuốn tiểu thuyết « vụ án trinh thám » dở tệ

Khởi thủy, đây là một vụ ân oán giang hồ giữa thủ lĩnh của hai phe nhóm buôn vũ khí đứng đầu công ti EADS, là công ti hàng đầu ở châu Âu về công nghệ hàng không và quốc phòng, cụ thể là giữa nhóm Matra (đứng đầu là cặp bài trùng Camus & Gergorin) và nhóm Thomson (đứng đầu là cặp Forgeard & Delmas). Cuộc huynh đệ tương tàn càng khốc liệt hơn nữa khi Camus và Forgeard tranh nhau nắm công ti Airbus (chi nhánh số 1 của EADS). Một trong những nhân vật then chốt trong cuộc giao tranh đây trò ma giáo này là Jean-Louis Gergorin (JLG), nhân vật số 2 của EADS, cựu học sinh Bách khoa và Quốc gia Hành chính (kiếm tốt nghiệp Harvard). Não trạng khá « parano », JLG tự mình tổ chức một cuộc điều tra và gián điệp, rồi tưởng rằng đã khám phá ra đằng sau công ti Clearstream ở Luxembourg là một guồng máy rửa tiền và tham nhũng quy mô quốc tế. Cuộc chiến tranh giữa những tay buôn súng đã chuyển sang lãnh vực chính trị khi JLG huy động những mối quan hệ cá nhân ở Bộ ngoại giao Pháp để có được « những phương tiện kỹ thuật quan trọng hơn » (lời của JPG). Lịch trình vụ việc bây giờ khá rõ :

– đầu tháng 1.2004, ngoại trưởng Dominique de

Villepin (DDV, nay là thủ tướng), ra lệnh cho tướng Rondot (JLG đã liên lạc với tướng này từ năm 2003) điều tra về danh sách những tài khoản ở Clearstream, danh sách do JLG cung cấp, trong đó có tên họ một số chính khách. Hiện nay không rõ (các nguồn tin mâu thuẫn nhau trên điểm này) Nicolas đã nằm trong danh sách đầu tiên này chưa.

– cuối tháng 3.2004, DDV được bổ nhiệm làm bộ trưởng nội vụ, và ra lệnh cho Rondot tiếp tục điều tra mặc dầu tướng này tỏ ý nghi ngờ tính chân thực của bản danh sách.

– cuối tháng 4.2004, JLG bí mật gặp thẩm phán Renaud Van Ruymbeke (RVR) là người có nhiệm vụ điều tra về những số tiền « lai quả » trong vụ bán tàu hộ tống cho Đài Loan, với mục đích dẫn dụ RVR theo dõi Clearstream. Thẩm phán RVR mắc mưu, thoả thuận với JLG để tay này gửi thư nặc danh tố cáo, nhờ đó, ông tung trát điều tra quốc tế (cuộc điều tra này không mang lại kết quả nào). Những lá thư nặc danh tiếp theo (hiện nay chưa rõ xuất xứ) nêu đích danh nhiều chính khách (Nicolas Sarkozy, một số lãnh đạo đảng xã hội, nhưng lạ một điều là không có người nào thuộc phe Chirac).

– cuối tháng 1.2006, khi hai cuộc điều tra (của tướng Rondot và của thẩm phán RVR) đều kết luận vụ danh sách này là nguy tạo, những tin tức rò rỉ bắt đầu làm nổ ra vụ xì-căng-đan, Nicolas Sarkozy và những chính khách khác đầu đơn kiện « tố điều ».

– cuối tháng 4.2006, những « bản ghi chép » của tướng Rondot do thẩm phán điều tra tịch thu đã bị tiết lộ trên báo chí, vụ xì-căng-đan trở thành « quốc sự ».

Chiracgate

Có thể đọc vụ bê bối & đại sự quốc gia này ở nhiều cấp độ :

– ở cấp độ doanh nhân vũ khí, thì chẳng có gì đáng nói : đó là « chuyện thường ngày ở huyện », dư luận đã quá quen thuộc với những trò ma giáo của giới này, mặc dầu vô đạo đức, vẫn được dung thứ vì những « quyền lợi cao cả » (quốc phòng, công ăn việc làm, kim ngạch xuất khẩu...). Có chăng là dư luận (tái) khám phá ra mối liên hệ chặt chẽ giữa giới doanh nghiệp và giới chính trị, nhất là ở Pháp là nước mà hệ thống các « trường lớn » cung cấp hầu hết những « cán bộ cấp cao » (JLG là một điển hình rất tiêu biểu) chạy đi chạy lại giữa bộ máy nhà nước và các đại công ti tư doanh, tạo ra một mối quan hệ có thể gọi là « loạn luân ».

– bê bối bắt đầu khi mà cuộc ẩu đả giữa bọn buôn súng bị lợi dụng, biến thành trò ma giáo chính trị. Không gọi là ma giáo sao được khi mà đương kim thủ tướng, lúc đó làm bộ trưởng ngoại giao, rồi sau làm bộ trưởng nội vụ, mở ra hai cuộc điều tra bí mật về danh sách Clearstream, cả hai cuộc điều tra đều đi tới kết luận là Nicolas Sarkozy hoàn toàn vô can, mà không hề thông báo cho đương sự, không những thế còn tung tin là Sarkozy có tên trong danh sách ? Bản thân Sarkozy cũng chơi trò ma giáo, làm bộ làm tịch nạn nhân « không biết gì cả », trong khi ngay từ tháng 9.2004 ông ta đã được thông báo về những trò ma nớp này : việc ông ta giữ im lặng trong 18 tháng trời rõ ràng là một mưu chước ma quái. Ma giáo rõ ràng khi ba

nhân vật đứng đầu chính phủ (DDV, Sarkozy, và cả MAM – Michèle Alliot-Marie, bộ trưởng quốc phòng, cấp trên trực tiếp của tướng Rondot) cố tình để cho thẩm phán RVR rơi vào bẫy của JLG, khác nào cả ba đều muốn « làm thịt » ông thẩm phán này, và nói chung, toàn bộ các thẩm phán điều tra. Bằng chứng là sau giây phút bàng hoàng ban đầu, phản ứng đầu tiên của chính quyền là đánh vào giới thẩm phán – và giới báo chí.

– cung cách hành xử này biểu lộ thực trạng thảm hại của nền dân chủ Pháp. Ở cấp độ nhân sự chính trị, nó tố giác cái mà nhà chính trị học Alain Duhamel gọi là « chế độ quyền quý » (patriciat du pouvoir), tức là lộ trình hầu như bắt buộc của giới « thượng lưu cộng hoà » : Trường Bách khoa, Trường Quốc gia Hành chính, viên chức cao cấp, văn phòng bộ trưởng, ghế bộ trưởng... Sự tuyển chọn theo tài năng đã nhường bước cho con đường hoạn lộ khi sự tuyển chọn cho ra lò cùng một khuôn mẫu kỹ phiệt ngạo mạn hoàn toàn xa cách thực tại xã hội. Đương kim thủ tướng Dominique de Villepin là điển hình hầu như biếm họa của mẫu người đó : một lần thi đỗ, mười lần thăng quan tiến chức, cả đời chưa bao giờ trải qua một cuộc tranh cử để biết thế nào là luật chơi chính trị và xã hội. Thử hỏi một « tay mơ » như vậy (chỉ nhìn qua cung cách DDV xử lý vụ CPE vừa qua cũng đủ thấy) làm thế nào đã, vèo một cái, trở thành thủ tướng ? Câu trả lời rất đơn giản : vì tổng thống Chirac đã muốn vậy. Cả vấn đề nằm ở trong câu trả lời đó. Vụ Clearstream đã làm lộ rõ tính chất « tổng tài »⁽¹⁾ của nền đệ ngũ cộng hoà Pháp : sau 50 năm tồn tại, sự mất quân bình trong phân quyền (quá nhiều quyền bính nằm ở hành pháp) đã quá rõ ràng. Một khi có đa số ở quốc hội, tổng thống (vốn đã vô trách nhiệm về mặt hình sự và chính trị) có trong tay quá nhiều quyền bính, tới mức mâu thuẫn với nguyên tắc dân chủ. Vụ Clearstream và nhiều vụ việc khác cho thấy hành pháp (cụ thể là một nhóm nhỏ, thậm chí một « nội các đen ») đã coi thường các định chế dân chủ (Quốc hội, Tư pháp) và dư luận tới mức nào. Ưu quyền của tổng thống (vừa là trọng tài thời còi tối cao vừa đá bóng ở vị trí trung tâm) trong chừng mực nào đó có thể được biện minh vì ông có được sự chính đáng thông qua phổ thông đầu phiếu. Nhưng tính chính đáng không còn nữa khi tổng thống thua phiếu trong một cuộc trưng cầu dân ý (năm 1969, tướng De Gaulle đã từ chức là vì vậy) hay sau một cuộc bầu cử quốc hội (từ năm 1988 đến nay, đã có mấy phen tổng thống (tà hay hữu) và chính phủ (hữu hay tà) phải ở chung với nhau. Về mặt này, người ta chưa thấy hết tầm quan trọng của cuộc « động đất » tháng 4.2002, khi cuộc bầu cử bất thường này không mang lại tính chính đáng cho người trúng cử tổng thống. Ấy vậy mà vì những lí do thuần túy ý thức hệ, Chirac đã rắp tâm chọn con đường tự sát chính trị là cầm quyền cho 20 % cử tri đã bỏ phiếu cho ông ở vòng đầu, bất cần 82 % cử tri đã bác bỏ Le Pen (cực hữu) ở vòng nhì. Kết quả nhãn tiền (mà các cuộc khủng hoảng liên tiếp xảy ra trong thời gian 2005-2006 đã cho thấy) là đã đưa các giai cấp trung lưu tới chỗ, cũng như các giai cấp bình dân, tẩy chay giới chính trị và cầm quyền. Tới giờ

(1) chế độ *consul* (chức vụ của Napoléon Bonaparte trước khi xưng đế/*empereur*), không có sự kiểm soát hay quyền lực đối trọng.

tính số tổng kết, thành tích của hai nhiệm kỳ của tổng thống Chirac là một sự trống rỗng vĩ đại : bên trong thì xã hội rạn nứt toang toác, bên ngoài thì tiếng nói của nước Pháp trở thành lạc lõng... 40 năm hoạt động chính trị của Jacques Chirac dường như chỉ nhắm tới một mục đích duy nhất là lên nắm quyền, song nắm quyền mà không biết làm gì, tuyệt nhiên không có dự phóng. Người lạc quan có thể phản bác rằng sức mạnh của chế độ dân chủ sẽ thể hiện trong những cuộc khủng hoảng. Cho là thế đi. Để hi vọng rằng năm 2007 sẽ không tái diễn tình huống 2002.

Nguyễn Quang

(*) « *Annus horribilis* » là lời của nữ hoàng Anh nói về một năm « kinh hoàng » đối với hoàng gia.

NGUYỄN ĐÌNH NGỌC

(1932-2006)

Thế là bệnh ung thư đã thắng buồng gan của anh. Hè năm ngoái, tôi nghe bệnh tình anh đã sang giai đoạn chót. Tôi cũng muốn lại thăm anh, nhưng lại do dự, không biết anh có ưng không. Sự thực, tôi chỉ được gặp anh mấy lần ở viện toán Henri Poincaré (Paris) : lúc đó, anh đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ về tôpô-học đại số với ông Ehresman, chuẩn bị đi dạy ở Poitiers và Brest trước khi về Sài Gòn (năm 1966). Tôi nhớ mãi hai điều anh nói với tôi. Điều thứ nhất là ước vọng làm theo « cha đẻ » của nền toán học Nhật Bản hiện đại, chọn làm « thể hệ hi sinh », học « ngang » thật nhiều, để đào tạo cho thế hệ sau. Điều thứ hai : buổi trưa hôm ấy, tôi đang ngồi quán cà phê góc đường Gay Lussac và St-Jacques đọc bài báo « Học Tập » (tiên thân của « Cộng Sản ») về vụ cải cách ruộng đất, thì có người ngồi xuống trước mặt. Hoá ra anh Ngọc. Anh « giảng » cho tôi một mạch, rằng CCRD « cơ bản là thắng lợi », « sai lầm, tiêu cực là thứ yếu ». Anh nói như « trả bài », không hiểu anh có nghĩ như thế không. (Nếu có thì về sau, chắc anh cũng không còn nghĩ như vậy). Tôi hỏi anh em trong « phong trào » xem « anh Ngọc là người như thế nào ? » thì được khuyên là nên « thận trọng », anh ta rất « khả nghi », có thể dính tới cả việc chỉ điểm cho « toà đại sứ » Sài Gòn.

Sau 1975, được biết anh là điệp viên từ năm 1955, (khi sang Pháp), và từ 1966 đến 1975, hoạt động « đơn tuyến », đã cung cấp cho phía cách mạng nhiều tin tức tình báo quan trọng. Nghe đồn anh đã nghiên cứu từ vi và lều lá cả mấy ông thầy từ vi của ông Thiệu. Tôi chỉ biết là sau đó, anh lấy từ vi cho nhiều người. Ngoài « hoạt động » này, anh tiếp tục công tác công an (năm 94, được phong hàm thiếu tướng) và nghiên cứu khoa học.

Anh không bao giờ liên lạc trực tiếp với tôi nữa tuy có đôi lần nhắn hỏi thăm, nhất là trong những năm tôi bị « khó khăn » với chính quyền. Không biết nhiều về anh, tôi chắc anh cũng nhiều tâm sự. Phần tôi, vẫn giữ mãi một niềm cảm phục.

Phong Quang

Sổ tay

✓ Nghe tin **Bà Tùng Long** mất, không hiểu sao tôi giật mình cảm thấy áy náy trong lòng như có việc gì đó lâu nay muốn làm mà bây giờ thì đã lỡ dịp rồi...

Bà Tùng Long lớn hơn mẹ tôi (1) chừng năm tuổi, thế mà mẹ tôi mất sớm hơn bà đã mấy năm rồi. Hai bà cùng là con gái đất Quảng Nam, viết văn và có quen biết nhau.

Tôi sinh ra đời ngay sau thế chiến thứ hai và thuộc vào thế hệ, nếu không lấy chồng bên này thì cũng lấy chồng bên kia, nếu không thăm nuôi chồng tù Côn đảo thì cũng thăm nuôi chồng đi học tập.

Thuở chưa biết yêu, tôi đã nghe mẹ tôi kể về bà Tùng Long : Bà đẹp người, cao ráo, tóc búi gọn ra sau, để một bầy con, có ông chồng làm báo nghiện hút. Đó là mấy lời ngắn gọn mà mẹ tôi thường nói về bà. Và tôi vẫn giữ trong đầu hình ảnh đó và có cảm tưởng như chính mình đã thấy bà thật một lần lúc nhỏ.

Thuở tôi bắt đầu biết yêu thì tiểu thuyết của bà Tùng Long đã được bày bán khắp nơi, trong tiệm sách, ngoài quầy báo và cả trên vỉa hè. Trên các bìa sách của bà, tôi còn nhớ, thường có hình vẽ thiếu nữ đẹp, tân thời có, quê mùa có, có bộ ngực to và có eo. Cũng có lần tôi mon men mở đọc một cuốn, vài dòng và nhớ man máng là có nhân vật tên Thu Hương nhưng rồi vội vàng trả sách lại chỗ cũ, xấu hổ vì mình vừa làm một việc không nên : đọc tiểu thuyết của bà Tùng Long.

Tôi không hề nhớ người lớn trong nhà cấm tôi đọc tiểu thuyết của bà nhưng không hiểu sao, các sách của bà bày bán khắp nơi mà chúng vẫn nằm ngoài tầm tay của tôi.

Tuy không được đọc nhưng theo lời người lớn bàn tán với nhau, tôi vẫn yên trí đây là loại tiểu thuyết về tình yêu trai gái éo le, trắc trở, hoặc là chuyện lộn xộn vợ chồng, ghen tuông hay chuyện xung đột gia đình, giữa mẹ chồng nàng dâu vv. Nói chung là các loại chuyện tình, không nên để con gái mới lớn đọc. Tôi còn nghe người lớn nói là bà viết dựa theo loại tiểu thuyết *Nous deux* của Pháp mà tôi thì lúc ấy không hiểu *Nous deux* có nghĩa là gì.

Mẹ tôi thường bênh vực bà Tùng Long khi có người nói mé về sức viết của bà : viết để nuôi chồng, nuôi con mà.

Riêng mẹ tôi, không hề cấm mà cũng không khuyến khích. Thật vậy, trong nhà không có quyển tiểu thuyết nào của bà.

Không biết trong số bạn bè của tôi có đứa nào lên đọc không nhưng chẳng thấy đứa nào khai. Mà tình cảm của con gái ở tuổi dậy thì, lại toàn học trường dành cho nữ thì vô cùng sôi nổi, đầy tò mò, thắc mắc, nhiều như lục bình trôi trên sông. Ấy vậy mà đến mục gỡ mối tơ lòng cũng không được đọc. Có lẽ nhờ vậy mà tôi và các bạn đồng lứa ngây thơ đi lấy chồng, không hề biết chút gì chờ đợi mình ở phía trước.

(1) Bà Hợp Phố, nhà văn (*chủ thích của toà soạn*)

Thế thì độc giả của bà là ai ?

Sao trong giới học sinh trung học thời tôi không thấy chuyền tay nhau các sách của bà trong khi lại chuyền tay nhau đọc Chu Tử ? Trong nhà, các anh chị lớn hơn tôi ba tuổi có, tám tuổi có, mười tuổi có và cả các em tôi cũng không thấy đọc tiểu thuyết của bà Tùng Long.

Càng nhớ lại chuyện xưa, tôi lại càng thấy có cái gì không ổn trong lòng. Tôi liền gọi một chị bạn, học trước tôi nhiều năm, hỏi chị thì chị bảo có đọc vài cuốn do một chị họ buôn bán ngoài chợ cho mượn. Chưa vừa lòng, tôi gọi thêm một con bạn đồng lứa, lớn lên ở Huế, nó bảo cũng chưa bao giờ đọc song có nhớ là mấy bà đi bà cô trong nhà hay lén lút đọc. Tôi hỏi cả một anh ngày xưa học Pétrus Ký, học trên tôi ba lớp, anh bảo thế hệ anh cũng có người đọc nhưng người đọc là phụ nữ, tức là không có anh trong đó.

Trong nhà, mẹ tôi mua đều đặn tờ *Nhân Loại* và sau này tờ *Văn hóa Ngày Nay* và mỗi lần có số mới, chúng tôi tranh nhau đọc, đủ chứng tỏ nhu cầu đọc sách là rất lớn. Chúng tôi là học sinh thì đọc sách đã đành, thế còn người không biết đọc, người ít học thì đọc gì ? Như Bà Nội tôi, không biết đọc biết viết, chỉ viết được tên mình để ký giấy tờ thì con cháu đọc cho bà nghe : đọc truyện Tàu. Muốn sách, mỗi tối con

Bà Tùng Long

Tin bà Tùng Long qua đời tại Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 26-04-2006, thọ 93 tuổi, đã nhắc lại với báo chí Việt Nam vai trò văn học của bà, mà giới phê bình nghiên cứu không mấy quan tâm.

Bà tên Lê Thị Bạch Vân, sinh năm 1915 tại Đà Nẵng, vợ nhà báo Hồng Tiều Nguyễn Đức Huy. Bà nổi tiếng tại miền Nam một thời, nhờ truyện dài đăng báo và mục « gỡ rối tơ lòng » trên báo *Sài Gòn Mới*, từ 1953.

Độc giả của bà chủ yếu là phụ nữ trung lưu các thành phố, giới tiểu công chức, tiểu thương, nội trợ, những người có khả năng tài chánh, và thì giờ, mua báo hằng ngày để đọc tiểu thuyết.

Thời đó tiểu thuyết in thành sách không nhiều, bán không chạy. Các nhật báo, và nhà văn, sống nhờ vào feuilleton ; năm 1957, mỗi ngày, Bình Nguyên Lộc viết 11 truyện.

Mỗi tờ báo có độc giả của mình : giới hâm mộ thể thao thì đọc *Tiếng Dội*, thích cái lương thì đọc *Tiếng Chuông*, và đọc những truyện từng ngày theo sở thích. Điều này khoanh vùng độc giả bà Tùng Long vào một lớp nữ lưu đọc *Sài Gòn Mới*, *Phụ Nữ Diễn Đàn*, *Phụ Nữ Ngày Mai*...

Bà Tùng Long để lại khoảng 100 tên sách, gồm có khoảng 60 tiểu thuyết, 40 tập truyện, như : *Bóng Người Xưa*, *Người Xưa đã về*, *Giang sơn nhà chồng*, *Vợ lớn vợ bé*, *Mẹ chồng nàng dâu*, *Duyên tình lạc bến*... Những tên sách cũng nói lên được phần nào đề tài và bút pháp. Những tình tiết từng đoạn, từng đoạn éo le, nhưng kết cuộc tốt đẹp. Tác giả đề cao tình yêu nam nữ, trên nền tảng đạo đức, như vậy, thời ấy, đã là một, nét tiên bộ. Dù sao bà cũng mang lại món ăn tinh thần lành mạnh cho một khối độc giả bị lãng quên – và bà phải trả giá : chính bà cũng bị lãng quên.

Ngày nay, các nhà văn Nguyễn Đức Lập, Trạch Gầm Nguyễn Đức Trạch ở Mỹ và Nguyễn Đông Thức ở Việt Nam là con bà Tùng Long.

Đặng Tiển
Orléans, 16-5-2006

cháu quây quần đọc cho bà Nội nghe, đọc chuyện Tàu thôi chứ không đọc tiểu thuyết.

Thời tôi có một tiệm cho mượn sách ở Tân Định, đủ các loại sách, nhưng tôi chỉ để mắt vào chuyện Tàu. Sau này tôi có mượn đọc một số sách dịch từ các tiểu thuyết nổi tiếng phương Tây nhưng vẫn không hề bèn mảng đến kệ sách tiểu thuyết của bà Tùng Long.

Sao ngày xưa mình lại có thể ngoạn đến như thế nhỉ !

Trong những ngày sắp tới tôi sẽ đi tìm đọc một số tác phẩm của bà nhưng trước khi làm việc đó, tôi muốn ghi lại chút cảm tưởng của mình, tuy rời rạc, chấp vả nhưng xuất phát tự trong lòng.

Châu-Hoàn

Trong Sổ Tay số trước, giới thiệu cuốn sách của nhà báo J.-C. Pomonti về nhà tình báo chiến lược **Phạm Xuân Ẩn**, tôi có nói đến đại tá **Edward Lansdale**, « cha đẻ của chế độ Việt Nam cộng hoà ». Một bạn đọc ở L. trách tôi viết như thế một mặt gây « sốc » (không cần thiết) với một số bạn đọc, mặt khác, quan trọng hơn, không đúng sự thật. Một cá nhân, dù cho là người vẫn được coi là đã « đỡ đê » chế độ Magsaysay ở Phi Luật Tân, có thể làm « cha đẻ » cho chế độ VNCH ?

Phải nói thực, tôi cũng chẳng muốn « gây sự » với ai, càng không muốn « gây sốc ». Khi viết như vậy, tôi chỉ nghĩ đến vai trò của Lansdale và êkíp của ông ta (trong đó có « Lou » Conein) trong thời kì 1954-56. Không những L. đã « đỡ đê » cho chính quyền Ngô Đình Diệm, mà còn cứu sống nó trong cơn thập tử nhất sinh năm 1955. Hồ sơ lưu trữ của Nhà trắng và Bộ ngoại giao Mỹ cho thấy trong cuộc xung đột giữa chính quyền của ông Diệm và các lực lượng thân Pháp, các giáo phái và quân đội Bình Xuyên, ngay cả đại sứ Mỹ cũng đã muốn bỏ rơi gia đình họ Ngô. Chính L. đã cứu sống chính quyền này và làm giẫy khai sinh cho « nền đệ nhất cộng hoà ».

Tất nhiên, chế độ miền Nam ra đời và tồn tại không do một cá nhân, mà là kết quả của một loạt yếu tố quốc tế và quốc gia. Về mặt quốc tế, bối cảnh chiến tranh lạnh và cuộc hoà hoãn giữa Liên Xô – Trung Quốc với Mỹ đã tạo chỗ đứng ở miền Nam cho một chế độ không có một chút mây may « chính đáng » (*légitimité*) nào cả, đầu tiên là cho phép nó từ chối cuộc tổng tuyển cử mà Hiệp định Genève đã quy định. Về mặt quốc nội, phải nói huych toẹt rằng chính chủ nghĩa Mao, cuộc chinh phong chinh huấn, cuộc cải cách ruộng đất theo kiểu Mao, và cuộc đàn áp Nhân văn Giai phẩm, đã đẩy các thành phần phú nông, trung nông, tư sản, tiểu tư sản, trí thức sang « phía bên kia », tạo cho chính quyền ông Diệm một tiềm thế cơ sở chính trị – xã hội mà nó chưa bao giờ có thể mơ ước đến thế. « May sao » là chính quyền ông Diệm lại mắc sai lầm nghiêm trọng hơn cả ĐCSVN, nó tự cô lập với hậu thuẫn tiềm thế đó. Năm 1963, Lansdale trở lại, vô vọng. Còn « Lou » Conein là người trực tiếp chỉ đạo cuộc « cách mạng » lật đổ chính quyền họ Ngô.

Phong Quang

Khoảng hai năm nay, cuốn sách này (*Confessions of an Economic Hit Man*, nxb Penguin, New York) của John Perkins đã trở nên một “hiện tượng” ở Mỹ (và đang lan ra nhiều nước khác). Dù tác giả là một người trước đây hầu như không tên tuổi, và cuốn sách không được một tờ báo lớn nào nói đến (mãi đến gần đây), nó đã leo lên hàng thứ sáu (vào đầu tháng 3/2006) trong danh sách các quyển bán chạy nhất, theo báo New York Times. Cuốn sách cũng đang được nhiều đại học khuyến khích sinh viên đọc, và nghe đâu Hollywood cũng sẽ quay thành phim với tài tử Harrison Ford thủ vai chính.

Tóm tắt, đây là “hồi kí” của một nhân vật tên John Perkins, tự xưng đã từng làm “sát thủ kinh tế”. “Sát thủ kinh tế”, theo lời Perkins, là người được giới đại doanh thương Mỹ gởi sang các quốc gia đang phát triển để thực hiện những mưu đồ kinh tế cực kì hắc ám nhằm phục vụ quyền lợi của giới này, và gián tiếp là của nước Mỹ. Cuốn sách là “tự thú” của Perkins về những “tội phạm” mà ông ta khai là đã làm trong thập niên 1970.

Tác giả kể : sau khi tốt nghiệp đại học, ông ta được một công ti tư vấn ở Boston (Mỹ) tuyển mộ làm chuyên viên kinh tế với hai nhiệm vụ. Đầu tiên, ông sẽ được gởi sang một quốc gia đang phát triển để biện minh (thường là dối trá) những dự án cơ sở hạ tầng (như xa lộ, đê đập, mạng điện, vv) cách nào để các quốc gia này vay được tiền của các tổ chức và ngân hàng quốc tế và, cùng lúc, giúp các đại công ti Mỹ (như Bechtel, Haliburton) “trúng thầu”. Sau đó, “sát thủ kinh tế” Perkins phải làm thế nào để các quốc gia ấy... phá sản, không trả được nợ. Khi đã sa vào hoàn cảnh ấy, các nước này phải nghe lời chủ nợ, trở thành một “đàn em” dễ bảo của Mỹ, cho Mỹ khai thác dầu mỏ và các tài nguyên thiên nhiên khác, lập căn cứ quân sự, hoặc ít nhất thì cũng bỏ phiếu theo Mỹ ở Liên Hợp Quốc.

Sự nghiệp của Perkins bắt đầu ở Indonesia năm 1971 với nhiệm vụ lập một dự án mạng điện cho đảo Java. Ông ta nhận lệnh đưa ra những dự báo kinh tế cực kì lạc quan về USAID (cơ quan viện trợ kinh tế của Mỹ) và các ngân hàng quốc tế có thể cho chính phủ Indonesia vay tiền. Tất nhiên, dự án ấy sẽ thất bại (hoặc không nhiều lợi ích như dự báo), Indonesia không thể trả nợ, và sa vào cái “còng” của Mỹ.

Chu toàn tốt đẹp sứ mạng ở Indonesia, năm 1972 Perkins được gởi sang Panama. Làm “cố vấn” cho “kế hoạch phát triển toàn bộ” của nước này, Perkins được sắp ra lệnh đề nghị một loạt dự án không thực tế, nguy tạo các con số, tưởng tượng một tương lai sáng ngời cho Panama để Ngân Hàng Thế Giới đầu tư hàng tỉ đô la vào cơ sở hạ tầng ở nước này. Perkins cũng không quên gài vào những hợp đồng cho vay một số điều kiện mà chỉ các công ti Mỹ mới thoả mãn được. Thâm độc hơn, vì chính phủ Panama lúc ấy có thái độ “kính” Mỹ, cụ thể là muốn Mỹ trả lại kênh Panama, Perkins được chỉ thị phải làm sao để các nhà lãnh đạo nước này “nhu mì” hơn đối với Mỹ.

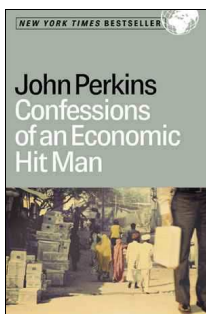
Song có lẽ “thành tích” rục rở nhất của Perkins là ở A-rập Xê-út, nơi Perkins “hạ cánh” năm 1974. Như mấy lần trước, ở đây Perkins cũng được lệnh thổi phồng dự báo tăng

Trần Hữu Dũng

đọc

Thú tội của một sát thủ kinh tế

của John Perkins



trường để biện minh cho các món vay và các kế ước với các công ti Mỹ. Quan trọng hơn, Perkins khai rằng, để tránh tái diễn cuộc khủng hoảng dầu hoả như vào những năm 1970, ông ta được lệnh thuyết phục chính phủ Xê-út (1) không để dầu hoả chảy vào Mỹ bị gián đoạn, ở một giá “phải chăng”, (2) dùng tiền bán dầu hoả để mua ngân khố phiếu của Mỹ, (3) rồi lại dùng tiền lãi để thuê các tập đoàn kinh doanh của Mỹ “hiện đại hoá” A-rập Xê-út theo kiểu tây phương. Perkins khoe rằng ông đã biến A-rập Xê-út thành “con bò sữa có thể vắt đến ngày về hưu” cho ông và các sếp của ông, và tự đắc là “Bộ Ngân Khố Mỹ thuê chúng tôi, trả lương chúng tôi với tiền của A-rập Xê-út, để xây dựng cơ sở hạ tầng ở đó, thậm chí nhiều thành phố của họ là hoàn toàn do chúng tôi xây dựng”.

Sau vài chuyến công tác nữa ở Iran và Colombia, Perkins giải nghệ “sát thủ” năm 1980. Bị “lương tâm cắn rứt” từ đó đến nay, ông ta viết cuốn này (dù bị cản trở nhiều lần, ông ta nói).



Phải nhìn nhận rằng *Thú tội của một sát thủ kinh tế* quá hấp dẫn như truyện gián điệp : những cái chết bí ẩn, những buổi trưa làm tình vùng trộm, những thành phố nhiệt đới có vẻ kì bí đối với người phương tây, những cuộc trốn thoát trong đường tơ kẽ tóc. Tuy nhiên, đọc kĩ, có nhiều điều không ổn về tác phẩm lẫn tác giả này.

Trước hết, ai biết chút ít về thời cuộc, về chính trị thế giới, và không quá ngây thơ, hẳn sẽ không lấy làm lạ về những xì-căng-đan mà Perkins thêu thào kể lại. Có ai lạ gì chuyện các nhà lãnh đạo những nước nhỏ, đang phát triển (và đôi khi của vài quốc gia đã phát triển) bị nước ngoài mua chuộc (bằng tiền hoặc bằng sex), bắt chẹt, hăm dọa, v.v.

Thậm chí, áp lực này khai diễn một cách chánh thức, công khai, ngay trong những cuộc gặp giữa các nhà lãnh đạo, bị báo chí phanh phui hà rằm, lắm khi còn để lại dấu vết trong các hiệp ước thương mại. Đó là những chuyện “thường ngày ở huyện”. Có đại diện (thương mại, ngoại giao, quân sự...) nào của Mỹ (và hầu hết mọi nước khác) từ thấp đến cao, lại không sử dụng mọi thủ đoạn để đem lại lợi ích cho mình? Nói khác đi, hầu hết đại diện tư bản Mỹ đều là “sát thủ kinh tế”, cần chi đến những người “chuyên nghiệp” như Perkins mô tả trong cuốn này?

Đàng khác, chả lẽ lãnh tụ các nước chậm tiến không bao giờ phạm lỗi lầm, đưa quyết định sai về dự án này, kế hoạch nọ? Không tự họ tham ô? Cần gì những người như Perkins chỉ bảo, thúc giục? Quà vậy, Perkins ngậm tự hào là những người như ông bay sang các quốc gia đang phát triển để lừa bịp, gạt gẫm, song có thể chẳng chính những “sát thủ kinh tế” này lại bị các lãnh tụ tham ô lợi dụng để vay tiền nước ngoài rồi bỏ túi riêng? Đúng là các tư vấn ngoại quốc hay thổi phồng triển vọng các dự án, song chắc gì chỉ các công ti ngoại quốc là thủ lợi?

Cái mới lạ ở cuốn này là Perkins kể những thủ đoạn của các nhà ngoại giao, nhà kinh tế (thường là nghiêm trang đạo mạo) dưới dạng hồi kí hấp dẫn như một truyện gián điệp đầy tình tiết li kì (có “sát thủ”, có rượu, có đàn bà, có án mạng, có hẹn hò giữa đêm khuya ở nhà ga, quán xá...), úp mở nghi vấn (nhưng không bằng cớ, thậm chí không đưa tên nhân chứng) về những “bí ẩn” trong cái chết của tổng thống Kennedy, tướng Torrijos của Panama, ngay cả của mục sư Martin Luther King... Có thể Perkins nói thật, có thể ông nói phét. Làm sao biết được?

Hơn nữa, những chi tiết ông đưa ra lại làm cho người đọc thắc mắc thêm : có gì mà một công ti tư vấn to lớn, có uy tín lâu đời ở Boston lại chọn Perkins (lúc đó chưa đến 30 tuổi, mới xong cử nhân kinh doanh) để giao những sứ mạng quan trọng như vậy? Vài phân tích kinh tế của Perkins càng làm người đọc hoài nghi kiến thức của ông ta. Chẳng hạn, không ai hiểu biết về kinh tế lại so sánh doanh thu của xí nghiệp và GDP của quốc gia (hai phạm trù hoàn toàn khác nhau), để kết luận rằng công ti này “mạnh” hơn quốc gia nọ. Nhiều chi tiết trong sách là hoàn toàn sai. Chẳng hạn Perkins bảo rằng Mỹ mất mát (?) “Hà Nội” năm 1968 (chắc ông ta lan man nhớ chiến thắng Tết Mậu Thân), hoặc bảo rằng National Security Agency (cơ quan tuy rất lớn, song chỉ chuyên về mật mã) là một cơ quan kinh tế của chính phủ Mỹ, v.v. Cũng nên để ý là hầu hết kinh nghiệm của Perkins là khoảng 30 năm về trước.

Tóm lại, *Thú tội của một sát thủ kinh tế* là một cuốn sách hấp dẫn, “mua vui cũng được một vài trống canh” và nếu người đọc chưa bao giờ nghe về những thủ đoạn lươn lẹo, dối trá, quỷ quyệt, hắc ám, của các đại công ti Mỹ (và chính sách Mỹ nói chung) ở các quốc gia chậm tiến, thì cũng nên đọc để biết vài nét chính. Song, đối với những chi tiết về hành tung của tác giả, cũng như những gì mà ông không đưa bằng chứng, thì xin được phép... tồn nghi.

Trần Hữu Dũng

Về khái niệm làng :

Xã Đường Lâm là một làng ?

Nguyễn Tùng

Cách đây hơn một năm, nhiều báo đăng tin Cục Di sản văn hoá Việt Nam đã phối hợp với Cục Tài sản văn hoá Nhật Bản và trường đại học nữ Chiêu Hoà (Nhật Bản) tổ chức hội thảo về việc “ bảo vệ làng cổ Đường Lâm ”. Mới đây lại có tin là “ làng Đường Lâm [...], làng cổ đầu tiên VN, chính thức được công bố xếp hạng di tích quốc gia vào ngày 19-5 »[1]. Là người đã từng về Đường Lâm (Sơn Tây) nhiều lần để nghiên cứu, tôi xin góp một vài ý kiến về lối dùng từ thiếu chính xác này hiện nay khá phổ biến ở trong nước.

Theo Bùi Xuân Đính, “ làng là đơn vị tụ cư truyền thống của người nông dân Việt, có địa vực riêng, cơ cấu tổ chức, cơ sở hạ tầng, các tục lệ (về cheo cưới, tang ma, khao vọng) thờ cúng riêng, tâm lý tính cách riêng và cả “thổ ngữ” (tiếng làng) riêng, hoàn chỉnh và tương đối ổn định trong quá trình lịch sử ”. Cho đến đây, nói chung ta có thể đồng ý với tác giả. Nhưng tôi cho là tác giả đã lầm khi viết thêm : “ làng có bộ máy quản lý tức hội đồng kỳ mục (từ 1921 trở đi là hội đồng tộc biểu) ”[2], vì như thế là ông đã lẫn lộn làng với xã (hoặc thôn) như là đơn vị hành chính cơ sở.

Trước hết tưởng nên giới thiệu sơ qua các thuật ngữ (tất cả đều là từ Hán Việt) được dùng để chỉ đơn vị hành chính cơ sở ở Việt Nam thời xưa như ta tìm thấy trong *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi [3] và nhất là trong *Các trấn tổng xã danh bị lãm* [4] (CTTXDBL) : khi đọc tác phẩm này, được viết vào khoảng các năm 1810-1813, ta không thể không ngạc nhiên trước số lượng rất lớn của chúng, nên cần định nghĩa cũng như bình luận.

Phường chỉ một làng ở đô thị hay một làng mà phân đông dân chúng cùng làm một nghề (thủ công hay buôn bán). Phường còn được dùng để chỉ một hội ngành nghề.

Phường thủy cơ (hay *thủy cơ*) chỉ làng ở trên sông. Vào những năm 1930, theo Pierre Gourou, một làng thuộc loại hình này “ chỉ gồm toàn thuyền hay bè ; dân làng sống bằng nghề đánh cá hay vận tải ” (1965 : 437-442).

Phường tứ chiếng là làng gồm toàn dân *tứ chiếng*, tức là những người đến từ nhiều nơi nên gốc gác không rõ. Hai thành ngữ *trai tứ chiếng* và *gái giang hồ* thường sòng đôi nhau với nghĩa rất xấu.

Giáo phường là làng gồm những gia đình làm nghề ca hát, đàn địch.

Trang chỉ các làng thời xưa vốn là điền trang, trang trại do các ông hoàng, bà chúa, các gia đình quý tộc hay quan lớn lập ra.

Trại chỉ các làng lúc đầu gồm vài nhà, lều thô sơ để ở tạm do nhu cầu lao động. Chẳng hạn vào đầu thế kỷ XIX, Mông Phụ (Đường Lâm, Sơn Tây) có xóm Trại là nơi nhiều gia đình nông dân đến ở để đi làm ruộng cho gần ; hơn một thế kỷ sau, xóm này thành làng Phụ Khang.

Sở : nguyên thuỷ xưa đây là các sở đồn điền mà đường như Lê Thánh Tông là vị vua đầu tiên đã cho lập vào năm 1481 để phát triển nông nghiệp (*Đại Việt sử ký toàn thư* [5] 1968,III: 276).

Châu : làng được lập trên vùng đất bồi ở ven sông.

Vạn : làng chài. *Vạn* còn chỉ tập hợp những người cùng làm chung một nghề như *vạn buôn, vạn xe, vạn cấy*...

Giáp : vào đầu thế kỷ XIX, từ này rất ít khi được dùng để chỉ đơn vị hành chính cơ sở, ngoại trừ ở Thanh Hoá và nhất là ở Nghệ An

Phố : trong từ điển của Alexandre de Rhodes xuất bản năm 1651, từ này chỉ một “ con đường có các cửa hàng buôn bán ” (de Rhodes, 1991: 602)[6]. Hiện nay ở các đô thị miền Bắc, các con đường vẫn được gọi là phố (*phố Huế, phố Bà Triệu*...), khác với cách gọi ở miền Nam (*đường, đại lộ*). Trong tiếng Hán dùng ở Trung Quốc, *phố (pù)* chỉ có nghĩa là “cửa hàng”. Trong CTTXDBL, ta thấy các tỉnh miền núi Bắc Bộ có rất nhiều phố : 5 ở An Quảng, 6 ở Tuyên Quang, 20 ở Cao Bằng, 40 ở Lạng Sơn. Điều đó chứng tỏ là vào đầu thế kỷ XIX, trao đổi hàng hoá bằng đường bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc được thực hiện chủ yếu thông qua Cao Bằng và nhất là Lạng Sơn. Ở hai tỉnh này, còn có nhiều *thị* (chợ) và *quán* được ghi như là các đơn vị hành chính cơ sở. Điều đáng ghi nhận là các tỉnh đồng bằng bao quanh phủ Hoài Đức (thuộc tỉnh Hà Nội sẽ được lập vào năm 1831) chỉ có một phố duy nhất là Tân Hội (nằm trên địa phận của xã Đường Lâm ngày nay).

Ở các tỉnh miền núi, bản làng của các dân tộc ít người thường được gọi là *sách* hay *động*. Ngoài ra còn thấy có nhiều từ khác như *lũng, xưởng, mỏ, bến, chòm* [7] cũng được dùng để chỉ xã thôn.

Ở Nghệ An và Thanh Hoá, ta còn gặp các từ khác nữa: *nậu* (làng do một nhóm thợ hay lái buôn lập ra), *tích* (làng của những làm muối ?) [8], *đội* (làng do một đội lính lập ra ?), *tộc* (làng chỉ do những người cùng một tộc lập ra ?), *lãng* (làng có nhiệm vụ bảo vệ, tu bổ một làng vua ?) và nhất là *giáp*. Cuối cùng, trong *Đại Nam thực lục* [9], ta thấy trong số các làng do Nguyễn Công Trứ lập ra vào năm 1838, có 14 *lý* và 27 *ấp*. *Lý* là từ đã được Lý Bản dùng vào năm 1419 ở Đại Việt trong thời Minh thuộc, gồm khoảng 110 hộ có lý trưởng và giáp thủ đứng đầu (ĐVSKTT, IV: 8) . Còn *ấp* thì đã xuất hiện trong các thành ngữ *thái ấp, thang mộc ấp, thực ấp* chỉ các điền trang mà các vua Lý, Trần ban cho các vương hầu. Ở Nam Bộ, *ấp* thường được dùng để chỉ các làng.

Nhưng hai từ được dùng nhiều nhất là *thôn* và đặc biệt là *xã* (hơn 90 %). Trên nguyên tắc, ít ra cho đến cuối thế kỷ XIX, *xã* chỉ một làng lớn và *thôn* chỉ một làng nhỏ. Nhưng

vì một xã có thể được chia thành hai hay nhiều thôn, nên thường có sự lẫn lộn giữa *thôn* = xã nhỏ và *thôn* = đơn vị địa vực bên trong xã. Từ đầu thế kỷ XX, việc dùng từ *xã* để chỉ tất cả các đơn vị hành chính cơ sở trở nên phổ biến [10]. Một điều nên lưu ý là trong tiếng Hán dùng ở Trung Quốc thời xưa, từ *xã* không chỉ đơn vị hành chính cơ sở như ở Việt Nam. Đây là một cách dùng sáng tạo của người Việt, cũng giống như việc dùng từ *tổng* với nghĩa tương tự từ *canton* trong tiếng Pháp: nghĩa này cũng không có trong tiếng Trung Quốc.

Trước 1945, nếu phải dùng từ *xã* hoặc *thôn* trong các quan hệ chính thức với quan lại, thì trong cuộc sống hằng ngày, người Việt thường dùng từ *làng* vì nó có thêm một chút gì thân thương, tình cảm hay "cảm xúc" (émotionnel) [11] nếu nói như nhà dân tộc học Nguyễn Từ Chi. Chẳng hạn, các xã Kim Sơn, Chân Táo, Linh Qui, Giao Tự, Giao Tất, Phú Thị, Tô Khê của tổng Kim Sơn (Gia Lâm, Bắc Ninh) cũng được gọi, theo thứ tự, là *làng* Then, *làng* Táo, *làng* Vui, *làng* Chè, *làng* Keo, *làng* Sủi, *làng* To [12]. Các làng này đều là "nhất xã nhất thôn": đây là loại hình phổ biến nhất, chiếm đến 74% các xã ở Bắc Ninh [13] (xem bảng đính kèm). Nhưng khi xã được chia thành hai hay nhiều thôn, thì sự lẫn lộn có thể xảy ra, vì làng lắm khi vừa chỉ xã và vừa chỉ cả các thôn nằm bên trong của xã. Sau đây là một số bảng chứng rút ra từ công trình nghiên cứu của Nguyễn Văn Huyền:

- Xã Bồ Hạ (Yên Thế, Bắc Giang) gồm có bốn thôn là Bồ Hạ hay làng Dinh, Bồ Sơn hay Bo Non, làng Đông hay Đông Kênh, làng Thị hay Bo Chợ [14].

- Xã Thuý Cầu (Lạng Giang, Bắc Giang), dù chỉ có 185 dân, lại gồm đến 11 thôn: Đông Bài, Đông Bằng, Đông Cây, Đông Hội, Đông Khanh, Đông Nội, làng Sanh, làng Ngoài, làng Sai, làng Trong, làng Thị [15].

Số thôn trong xã (%)

tỉnh/huyện	số xã	xã 1 thôn	xã 2 thôn	xã 3 thôn	xã >3 thôn
t. Bắc Ninh ¹	728	74,18%	14,00%	8,10%	5,52%
h. Cẩm Giàng	85	58,70%	23,50%	9,41%	8,23%

1. Theo Bùi Xuân Đính, sdd., tr. 103

Như thế, *làng* chỉ đơn vị cư trú cơ sở mà người dân quen gắn bó về tình cảm: đó có thể là một xã (nếu không chia thành thôn) hoặc một thôn nằm trong xã. Trong trường hợp sau, các thôn thường có đình, miếu (nhiều khi cả chùa)... và một số tập tục riêng, nên có được một bản sắc riêng.

Ngoài ra, cũng nên nói là, theo nghĩa rộng, *làng* còn được dùng cho các tập thể hay cộng đồng như trong các thành ngữ *làng văn*, *làng thơ*, *làng chơi*, *làng bẹp* (những người nghiện thuốc phiện).

Như ta biết, sau 1945, chính quyền cách mạng đã lập ra *xã* (mới), tương đương với *tổng* thời xưa vì gồm nhiều *xã* (cũ) nay đều được gọi là *thôn*. Chẳng hạn xã Đường Lâm là hoá thân của tổng Cam Thịnh: nó gồm 8 thôn trong đó

Cam Thịnh, Cam Lâm, Đoài Giáp, Đông Sàng, Mông Phụ và Phụ Khang là những làng cổ. Còn hai làng Hà Tân và Hưng Thịnh vốn là xóm cũ của Đông Sàng và Cam Thịnh; chúng được biến thành thôn cách đây khoảng ba hay bốn mươi năm thôi. Như vậy, ta không thể dùng từ *làng* để chỉ xã Đường Lâm mà để chỉ 8 thôn nằm bên trong xã này.

Tương cũng nên nói thêm rằng, do việc chính quyền cách mạng lập ra *xã* mới, khi gặp từ *xã*, lắm khi ta không biết đó là *xã* (cũ) trước 1945 (thành phần của tổng) hay là *xã* hiện nay (gồm nhiều thôn hay làng) [16]! Để tránh lẫn lộn, phải chăng nên gọi *xã* mới là *tổng* như trước Cách mạng tháng Tám?

Thời xưa, ở đồng bằng Bắc Bộ, rất nhiều tổng mang tên của một làng thành viên (gọi là làng đầu tổng). Thực tiễn đó hiện nay vẫn còn nhưng rất hiếm (như Tả Thanh Oai và Đông Ngạc, hai thôn nổi tiếng nay thuộc thành phố Hà Nội). Trong trường hợp này, ta lại không thể dùng từ *làng* để gọi cả xã lẫn thôn - thành viên có cùng tên.

Nguyễn Tùng

[1] Tuổi Trẻ 20/05/2006.

[2] Bùi Xuân Đính, "Bàn thêm về mối quan hệ giữa làng và xã qua qui mô cấp xã thời phong kiến", trong Đinh Xuân Lâm, Dương Lan Hải (chủ biên), *Nghiên cứu Việt Nam, một số vấn đề lịch sử kinh tế - xã hội - văn hoá*, Hà Nội, nxb Thế Giới, 1998, tr. 97.

[3] Xem Nguyễn Trãi toàn tập, Hà Nội, nxb Khoa học Xã hội, 1976, tr. 209-246.

[4] Quyển sách này được dịch và xuất bản dưới tên mới: *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (thuộc các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở ra)* do Dương Thị The và Phạm Thị Thoa dịch, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1981. Từ đây sẽ viết tắt thành CTTXDBL.

[5] Từ đây sẽ viết tắt thành ĐVSKTT.

[6] Được chụp lại và được Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt và Thái Nguyên dịch sang tiếng Việt.

[7] Ví dụ: *lũng* Lũng Lai (châu Thượng Lãng, Cao Bằng), *xuồng* Nam Luân (châu Bạch Thông, Thái Nguyên), *mỏ* Vũ Lăng (huyện Vũ Nghi, Thái Nguyên), *bến* Cầu Vù (huyện Phúc Yên, Tuyên Quang), *chòm* Hồng Nương (huyện Phúc Yên, Tuyên Quang).

[8] Ví dụ: *nậu* Bàng Vạn (Thanh Chương, Nghệ An), ngày nay vẫn còn thành ngữ *đầu nậu*; *tích* Ly Hà, *tích* Ngân Tượng (Kỳ Hoa, Nghệ An); *đội* Cồn Cát, *đội* Phan Long (Thanh Hà, Nghệ An); *tộc* Hoàng Nghĩa (Hưng Nguyên, Nghệ An); *làng* Chú Lai (Yên Định, Thanh Hoá).

[9] Từ đây sẽ viết tắt thành ĐNTL (1970, IX: 123)

[10] Xem Nguyễn Văn Huyền, *Địa lý hành chính Kinh Bắc. Tableau de géographie administrative d'une province vietnamienne: Le Bắc Ninh (ou Kinh Bắc)*. Hà Nội: nxb Văn Hoá; 1996. Ngô Vi Liên, *Nomenclature des communes du Tonkin [Tên làng xã ở Bắc Kỳ]*, Hà Nội, Lê Văn Tân, 1928.

[11] Nguyễn Từ Chi, "Le làng traditionnel au Bắc Bộ, sa structure organisationnelle, ses problèmes" [*Làng truyền thống ở Bắc Bộ, cơ cấu tổ chức và các vấn đề*], trong *Le village traditionnel au Vietnam [Làng truyền thống Việt Nam]*, Hà Nội, nxb Thế Giới, 1993, tr. 55.

[12] Nguyễn Văn Huyền, sdd, tr. 13.

[13] Theo số liệu của Bùi Xuân Đính, sdd, tr. 103.

[14] Nguyễn Văn Huyền, sdd, tr. 150.

[15] Nguyễn Văn Huyền, sdd, tr. 134.

[16] Xem Nguyễn Tùng, "Du canton à la commune: territoire et identité" [*Từ tổng đến xã: bản sắc và lãnh thổ*], trong Nguyễn Tùng (chủ biên), *Mông Phụ, un village du delta du fleuve Rouge (Việt Nam) [Mông Phụ, một làng ở đồng bằng sông Hồng (Việt Nam)]*, Paris, L'Harmattan, 1999.

Bệnh truyền nhiễm trong lịch sử con người

Nguyễn Đức Hiệp

Đầu thế kỷ 20 đã xảy ra hai nạn dịch lớn, đầu mùa năm 1913 và dịch cúm Tây Ban Nha năm 1918. Cúm Tây Ban Nha vào Úc sau khi các binh lính từ Âu châu trở về sau đệ nhất thế chiến đã lây nhiễm tới dân chúng. Ở thời điểm cao của bệnh cúm, có đến 36% dân số bị nhiễm (trong đó 1,4% tử vong). Ở Sydney, chính phủ tiểu bang New South Wales đã ra lệnh đóng cửa các rạp hát công cộng, dân phải mang khẩu trang trên các phương tiện chuyên chở công cộng và các công sở; đóng cửa trường học, quán bia, lễ nhà thờ, cấm tổ chức đua ngựa. Sau dịch cúm Tây Ban Nha còn 2 dịch cúm lớn lan rộng trên thế giới là cúm năm 1957 và 1968, nhưng hệ quả không khốc liệt như dịch cúm 1918. Đây chính là bài học đáng sợ về dịch tễ, khiến cho ngày nay các nhà chuyên môn và cơ quan y tế ở nhiều nước trên thế giới lo ngại dịch cúm gia cầm lan qua người và trở thành cúm truyền nhiễm giết người nhanh chóng.

Virút cúm

Các virút cúm được chia ra ba loại: loại A, B và C. Virút loại A, ảnh hưởng đến gà, vịt, heo, cá voi, cũng như con người là loại nguy hiểm nhất. Virút loại A được chia thành nhóm dựa vào 2 loại proteins: haemagglutinin (HA) và neuraminidase (NA) ở chung quanh bề mặt của virút. Các khoa học gia đã tìm ra 16 loại HA (H1-H16) và 9 loại NA (N1-N6). Nghĩa là có tất cả 144 tập hợp các loại virút cúm A, nhưng, theo hiểu biết hiện nay, chỉ có 3 loại tập hợp (H1N1, H1N2, H3N2) là truyền nhiễm giữa con người.

Cúm gia cầm thuộc loại virút H5N1, các nhà khoa học lo ngại nó sẽ gia nhập danh sách virút truyền nhiễm giữa con người. Loại cúm gia cầm này xuất hiện lần đầu năm 1997 ở Hong Kong, giết chết cả ngàn gà và 6 người nạn nhân. Sau khi chính quyền thiêu hủy hơn 1,5 triệu gà, nạn dịch chấm dứt. Tuy thế virút gia cầm H5N1 vẫn còn lưu hành. Cuối năm 2003, hai con hổ và hai con beo ở sở thú Thái Lan chết vì nhiễm cúm gia cầm sau khi ăn thịt gà sống mang virút do sở thú cung cấp. Sau đó không lâu ở một trại nuôi hổ, hơn 30 con bị nhiễm và truyền bệnh, buộc chính quyền với sự trợ giúp của tổ chức Y tế thế giới WHO phải phong tỏa biệt lập trại và khử virút toàn diện qua việc giết các con đang bệnh, chôn trong hố. Như vậy là cúm gia cầm hiện nay khi nhảy sang hổ (và các thú cùng họ như mèo, beo, sư tử...) có thể trực tiếp truyền nhiễm từ hổ sang hổ.

Tháng 2 năm 2004, một người đàn ông chết vì cúm gia cầm ở Hong Kong; sau đó vào tháng 1/2004 dịch cúm gia cầm xảy ra, giết chết gà ở Nam Hàn, Việt Nam, Nhật, Thái Lan. Cuối tháng 2/2004, tổng cộng có 28 người bị nhiễm cúm H5N1 trong đó chỉ có 7 người sống sót. Cúm gia cầm nhanh chóng lan qua Cambodia, Lào và Indonesia. Qua các loài chim thiên di, dịch cúm gia cầm đã lan đi nhanh chóng. Cuối

năm 2005 cúm đã lan qua Thổ Nhĩ Kỳ, và mới đây trong hai tháng 1-2/2006 lan qua Nigeria (Phi Châu), Bungary, Pháp.

Cúm gia cầm H5N1 có thể thành nạn dịch chết người như cúm Tây Ban Nha 1918 ?

Năm 1995, nhà khoa học Taubenberger thuộc khoa bệnh lý phân tử thuộc Viện Bệnh lý quân đội (Mỹ) có ý tưởng tìm ra lại virút Tây Ban Nha để nghiên cứu, ông hy vọng là virút 1918 sẽ cho thấy những thay đổi di truyền làm sự truyền nhiễm từ người sang người xảy ra được, từ đó giúp tìm ra biện pháp ngăn chặn nạn dịch trước khi nó phát tán. Đây là công trình nghiên cứu khoa học hết sức quan trọng để tìm ra virút nguy hiểm và phương pháp làm chúng hết hiệu lực. Năm 1918, virút chưa được khoa học khám phá. Làm sao các nhà khoa học ngày nay có thể tìm ra lại virút Tây Ban Nha và kiến tạo lại cấu trúc di truyền của nó?

Ông Taubenberger nhớ lại là viện nơi ông đang làm việc có một kho chứa các tế bào lấy từ khám nghiệm tử thi, thiết lập dưới thời tổng thống A. Lincoln, người đã ra lệnh là mỗi khi một bác sĩ quân y chẩn bệnh và lấy các mô tế bào, thì một mẫu tế bào đó cũng phải được gửi tới và chứa tại Viện Bệnh lý quân đội. Ông tìm được mô tế bào từ 2 người lính đã chết trong dịch cúm 1918, mẫu mô phổi của họ ngâm với formalin nằm trong các khối sáp. Các mô tế bào phổi này chưa ai đụng đến đã gần 80 năm, tuy vậy trong đó virút đã bị gãy và xuống cấp, chỉ còn lại vài phân tử virút. May mắn hơn, ông lại có thêm một mô thứ ba, từ một người đàn bà đã chết ở vùng lạnh Alaska khi cúm lan đến làng của bà, giết chết 72 người lớn chỉ còn lại 5 người sống sót. Tất cả nạn nhân đều được chôn ở một mộ tập thể dưới tầng đất bị đóng băng vĩnh cửu (permafrost). Ông John Holtin, nhà bệnh lý học đã về hưu, khi nghe biết công trình ông Taubenberger đang nghiên cứu, đã tự bỏ tiền ra từ San Francisco nơi ông ở đến tận mộ chôn ở Alaska và với sự chấp thuận của làng này, lấy mẫu tế bào phổi còn đông lạnh gửi đến ông Taubenberger. Nhóm ông Taubenberger trong gần 10 năm đã lấy và cấu tạo lại các gen (*gene, gène*) của virút Tây Ban Nha. Họ đã công bố dãy di truyền của 8 gen virút trên các tạp chí khoa học *Nature* và *Science* (6).

Virút cúm Tây Ban Nha thuộc một loại biến thể của virút H1N1. Công trình nghiên cứu mới nhất hiện nay (1) cho biết là virút Tây Ban Nha đã từ chim nhảy qua người. Hệ di truyền của virút Tây Ban Nha đã được giải mã (sequence) cho thấy là hệ di truyền của virút cúm gia cầm hiện nay ở Á châu có những thay đổi di truyền rất giống virút Tây Ban Nha đã gây truyền nhiễm chết người rất nhanh chóng. Chỉ đổi một vài protein đặc biệt trên hệ protein của virút là chuyển virút thành virút giết người. Virút Tây Ban Nha rất khác với virút cúm thường là nó nhiễm vào các tế bào ở tận sâu trong phổi và các tế bào phổi chung quanh các bao chứa không khí, mà thông thường không bị tấn công ở các virút cúm thường. Trong phòng thí nghiệm, khác với virút thường, virút Tây Ban Nha và virút gia cầm phát trên người hiện nay giết chết chuột khi chúng bị nhiễm. Tuy vậy hiện nay virút cúm gà chưa truyền nhiễm được từ người sang người.

Tháng 8, năm 2005, ông Tumpey và các đồng nghiệp ở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Center of Disease Control) đã dùng thông tin từ các gen mà ông Taubenberger đã công bố để cấu tạo lại virút 1918 (7). Rồi họ cho nhiễm virút đó vào chuột và vào mô phổi của người để xem điều gì sẽ xảy ra.

Các nhà khoa học đã hết sức cẩn thận, dùng phòng thí nghiệm đặc biệt để tự bảo vệ và phòng ngừa sự phát tán của virút 1918 được cấu tạo lại. Họ đặt câu hỏi là : nếu họ thay một số gen trong 8 gen cấu tạo lại của virút 1918 với gen của virút cúm thông thường hiện nay, liệu virút 1918 sẽ còn gây chết người ? Họ thay gen hemagglutini trong virút 1918 với gen hemagglutini của virút cúm gần đây nhất trên người, kết quả bất ngờ là virút 1918 được cấu tạo lại không còn phát sinh ở phổi chuột và giết chuột nữa, và chúng không thể bám vào mô tế bào phổi của người. Quan trọng nhất là protein trên gen hemagglutini của virút 1918 chết người chỉ khác protein của cúm gia cầm ở hai amino acids. Điều này cho thấy sự nguy hiểm khôn lường của virút cúm gia cầm hiện nay nếu gen hemagglutini trên virút gia cầm biến dạng, qua đột biến hay trao đổi gen với các virút cúm khác trên người, để trở thành gen hemagglutini có trong virút 1918.

Các bệnh truyền nhiễm từ thú vật qua người

Jared Diamond cho thấy rằng khi con người thuần hóa thú vật thành gia súc, sự tiếp xúc gần gũi này đã gây ra nhiều bệnh truyền nhiễm do vi khuẩn hay virút từ thú vật thích ứng với môi trường mới ở người (4). Đậu mùa và lao phổi là do vi khuẩn từ bò lan sang người, rồi truyền từ người sang người. Bệnh AIDS do virút bắt đầu từ khi biến thái nhảy sang người, bệnh sốt rét do sinh vật protozoa *Falciparum malaria* gây ra bắt nguồn từ protozoa tương tự ở chim.

Khảo sát các bệnh từ thú sang người cho thấy có bốn giai đoạn tiến hóa của các virút và vi khuẩn gây bệnh cho người (4). *Giai đoạn đầu* ta có thể thấy là các bệnh mà hiện nay thỉnh thoảng ta bị nhiễm trực tiếp từ gia súc như bệnh sốt từ vết cào của mèo, sốt leptospirosis từ heo, chó, mèo, sốt psittacosis từ gà và chim két. Những vi khuẩn này vẫn còn ở trạng thái tiến hóa ban đầu, chúng chưa trực tiếp truyền từ người này sang người kia. *Giai đoạn thứ hai*, vi khuẩn tiến hóa đến mức chúng có thể trực tiếp truyền nhiễm giữa người và gây ra bệnh dịch truyền nhiễm. Tuy nhiên sau đó một số các bệnh dịch truyền nhiễm này biến đi ; do các lý do như bệnh bị y học hiện đại chặn đứng, hoặc chấm dứt khi nhóm người đã bị nhiễm được miễn nhiễm hay đã chết hết. Thí dụ như vào năm 1959 ở Đông Phi, một bệnh sốt chưa bao giờ được biết đến gọi là sốt Ônyong-nyong đã lan nhiễm vài triệu người. Bệnh này có thể bắt nguồn từ virút ở khí và truyền qua người từ muỗi. Do bệnh nhân hồi phục nhanh và trở thành miễn nhiễm nên bệnh mới này biến mất nhanh chóng. *Giai đoạn thứ ba* là vi sinh vật từ thú đã có mặt trong loài người và chưa biến mất, có thể tái phát truyền nhiễm rất nhanh không biết lúc nào. Như sốt Lassa giết người chắc hẳn gây ra bởi virút từ chuột, đã phát tán rất nhanh ở Nigeria năm 1969 đến nỗi chỉ cần có một trường hợp bệnh nhân nhập viện là các bệnh viện phải đóng cửa. *Giai đoạn tiến hóa sau cùng* là các bệnh truyền nhiễm đã xảy ra ở người nhiều lần và vẫn còn đó, chúng đã thiết lập chắc chắn trong xã hội người.

Đôi phó và phòng ngừa bệnh cúm gà

Một nghiên cứu mới nhất đăng trên tạp chí Viện Hàn Lâm Khoa Học ở Mỹ, sau khi phân tích di truyền các loại virút H5N1 từ gia cầm và chim ở Trung Quốc, cho thấy là virút đã có mặt và phát tán ở Nam Trung Quốc từ cả một thập niên trước đây (5). Vì vậy có thể đoán chắc rằng Nam Trung Quốc là nơi khởi thủy, phát sinh ra bệnh cúm gia cầm H5N1.

Các nhà khoa học cũng cho thấy là các loài chim thiên di đã đóng một vai trò quan trọng trong sự truyền bá và phát tán virút gia cầm trên thế giới. Ở Nam Trung Quốc, nhiều gia cầm khỏe mạnh đã được miễn nhiễm nhưng vẫn còn mang virút. Đây là vấn nạn lớn phải giải quyết để khỏi lan ra các gia cầm chưa bị bệnh ở những nơi khác. Sau khi phân tích dãy di truyền của các loại virút H5N1 trên chim trời và gà ở đầm lầy Hong Kong, ở hồ Hồ Dương miền đông Trung Quốc và các chợ gà vịt ở Nam Trung Quốc ; các nhà nghiên cứu đã cho thấy là : gia cầm từ Nam Trung Quốc đã nhiễm vịt trời đầu năm 2005, vịt trời mang virút đến hồ Hồ Dương ở Đông Trung Quốc, rồi đến hồ Thanh Hải cách đó hơn 1700 km ở miền Tây Trung Quốc, giết chết rất nhiều chim ở khu trú ẩn được bảo vệ này. Từ hồ Thanh Hải, virút truyền đến Nga và các nước khác ở Trung Đông, Mông Cổ và Âu Châu.

Từ Nam Trung Quốc, đã có nhiều đợt truyền nhiễm qua nước láng giềng Việt Nam và xa hơn (Indonesia). Tại các nơi ấy virút thiết lập khu cư trú mới, làm khó khăn thêm cho biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn cúm gia cầm nhảy sang người. Vì thế muốn ngăn chặn và kiểm soát dịch cúm, cần phải phong tỏa nguồn dịch ở Nam Trung Quốc trước nhất.

Ở Saigon và nhiều tỉnh, tôi để ý thấy có nhiều bích chương, biểu ngữ thông báo cho dân chúng biết về hiểm họa dịch cúm gia cầm có thể lan sang người và cách đề phòng ; từ những thông tin cơ bản như nấu chín kỹ thịt gà, đến cảnh báo dịch cúm H5N1 khi lan qua người và truyền nhiễm sẽ có thể giết đến 2 triệu người ở Việt Nam, phương tiện vận tải chở gia cầm phải tránh giờ lưu thông cao điểm và có đường đi nhất định. Phải nói là ở Việt nam có sự thực hiện tích cực ngăn chặn dịch cúm gia cầm. Tổ Chức Y tế thế giới (World Health Organisation) đã đánh giá cao thành quả của Việt Nam trong sự đối phó với dịch cúm gia cầm và xem Việt nam là một mô hình cho các nước phát triển thực hiện theo.

Cũng theo công trình nghiên cứu đề cập ở trên (5), phân tích di truyền của các họ virút cho thấy có nhiều loại khác nhau trong chim trời và gia cầm, trong khi phân tích virút trước đây trên người bị nhiễm chỉ cho thấy hai loại khác nhau. Thuốc phòng ngừa và chữa bệnh cho một loại virút có thể ít hay không hiệu nghiệm với loại virút khác. Các nhà nghiên cứu đề nghị chế tạo và dự trữ trước một số các loại thuốc khác nhau để sẵn sàng khi có dịch lan truyền trên thế giới trên con người.

Nguyễn Đức Hiệp

Tham khảo

- (1) Dobson, A., What links bats to emerging infectious diseases, *Science*, 28 Oct 2005, Vol 310, p. 628-629
- (2) Normile, D., Are wild birds to blame, *Science*, 21 Oct 2005, Vol 310, p. 426-428.
- (3) Butler, D., Wartime tactic doubles power of scarce bird-flu drug, *Nature*, Nov 2005, Vol 438/3, p. 6.
- (4) Diamond, J., *Guns, germs and steel*, Vintage, London, 2005.
- (5) H. Chen, G. J. D. Smith et al., Establishment of multiple sublineages of H5N1 influenza virus in Asia: Implications for pandemic control, *Proceeding of the National Academy of Sciences*, 2006, 103: 2845-2850.
- (6) Taubenberger, JK, et al., Characterization of the 1918 influenza virus polymerase genes, *Nature* 2005; 437:889-93.
- (7) Tumpey, TM, Characterization of the reconstructed 1918 Spanish influenza pandemic virus, *Science* 2005;310:77-80.

Xem tranh cổ Trung Quốc



[Hứa Đạo Ninh, *Phong cảnh mùa Đông*
(tranh thời nhà Tống, thế kỷ XI)

Văn Ngọc

Nhìn ngắm những bức tranh thủy mặc trong nền hội hoạ cổ điển Trung Quốc, nhất là những bức tranh phong cảnh thời nhà Tống, nhà Nguyên, hay nhà Minh, với những cảnh thần tiên, thoát tục, núi non hùng vĩ, con người tiêu dao nhàn tản trong thiên nhiên bao la, ta không khỏi nghĩ đến **Đạo** của Lão tử, và thuyết **Vô vi** của Trang Tử. Đôi khi, cái không khí trầm mặc của những bức hoạ cũng không khỏi làm cho ta nghĩ đến cái tinh thần của **Thiên đạo**.

Mặt khác, cái đẹp trang trọng, cổ kính, rất tế nhị, mà cũng rất hoành tráng của chúng, không khỏi chinh phục con mắt thẩm mỹ của ta.

Tuy nhiên, sự cảm thụ thẩm mỹ ấy đôi khi cũng bị giới hạn, vì ta không nắm bắt được hết những cái tinh tế của các tác phẩm về mặt nghệ thuật, cũng như về mặt nội dung tư tưởng.

Đôi khi, ta tự hỏi, không biết cảnh đó là cảnh thật, hay chỉ là tưởng tượng? Và nếu là thật, thì đứng ở đâu mà người hoạ sĩ có thể vẽ được những cảnh tượng bao la, rộng lớn như thế? Trong cái cõi mênh mông ấy, con người, một sinh vật còn con, với tầm nhìn giới hạn của mình, làm sao mà có thể nhìn thấy được hết cả các ngọn núi gần, xa, tầng tầng lớp lớp nối tiếp nhau?

Thực ra, những điều bí ẩn, tinh tế, mà ta muốn biết về những bức hoạ cổ này không chỉ có thế.

Bí ẩn lớn nhất có lẽ là những tư tưởng triết lý ở đằng sau chúng.

Mà điều này, kỳ lạ thay, lại thấy được nói đến trong **Kinh Dịch** (còn được gọi là **Chu Dịch**), một cuốn sách ra đời cách đây đã trên 2000 năm, và thông thường chỉ được dùng nhiều cho việc bói toán!

Ngay cả trong **6 quy tắc căn bản** của hội hoạ cổ điển Trung Quốc cũng không thấy nói đến những điều đó.

Vậy mà 6 quy tắc này đã là một cái kim chỉ nam cho hội hoạ cổ điển Trung Quốc trong suốt 1500 năm.

6 quy tắc căn bản đó, có tên gọi là **Lục pháp**, được soạn thành văn bởi Tạ Hách, một hoạ sĩ thời Nam Bắc triều (thế kỷ thứ VI). Đó là những khái niệm khá trừu tượng, phức tạp, đôi khi trùng lặp, bắt đầu là các quy tắc ít nhiều liên quan đến những tư tưởng triết học cổ đại Trung quốc: *khí, ý, thân*; rồi đến các quy tắc về *hình, tượng*, về *cách dùng bút, mực và màu sắc*; cuối cùng, là quy tắc về *cách bố trí sự vật trong không gian*.

Về ba quy tắc đầu, là những quy tắc đặc thù của hội hoạ cổ điển Trung Quốc, chúng ta đã có dịp nói đến khi bàn về khái niệm **nhịp điệu** trong hội hoạ phương Tây.

Nhịp điệu trong ngôn ngữ nghệ thuật phương Tây, mặc dầu chỉ giới hạn ở một nội dung cụ thể, là thể hiện cái *cấu trúc và cái bản chất* của sự vật, nói lên *sự sống* của nó, hoặc cái *động cơ*, cái *hàm ý* chứa ẩn trong nó, tuy cũng gần với hai khái niệm *khí* và *thân*, song, trong khi khái niệm **nhịp điệu** có gốc rễ từ sự quan sát và nhận thức khoa học, thì các khái niệm *khí, ý* và *thân* lại có một nội dung triết lý cao siêu, mặc dầu vẫn xuất phát từ con người và lấy sinh mệnh con người làm gốc.

Có thể nói rằng, phần lớn những quy tắc kể trên của nghệ thuật cổ điển Trung Quốc có gốc rễ từ những tư tưởng triết học cổ đại, từ quan niệm về **Đạo**, về **vũ trụ**, về **âm-dương**, về **sự đối lập hài hoà của sự vật và của các cặp phạm trù** như cương nhu, sáng tối, v.v., về **sinh mệnh của vũ trụ và con người**. Những tư tưởng triết lý này, cùng với một số tư tưởng về nghệ thuật và về văn học, may mắn thay, đã được ghi lại ở trong Kinh Dịch.

Kinh Dịch và những tư tưởng về nghệ thuật

Xuất hiện vào nửa đầu thời Chiến quốc (476-221 tr.C.N.) và được tiếp tục vào các thời Tần-Hán (thế kỷ III tr.C.N.), Kinh Dịch là một tác phẩm của nhiều tác giả. Tư tưởng trong Kinh Dịch dung hoà cả tư tưởng của Khổng tử, Lão tử và Âm dương gia, và thường được dùng trong việc bói toán. Tuy nhiên, nó có cái độc đáo là đã triển khai nhiều tư tưởng triết học có trước nó, hoặc của chính nó, liên quan đến nghệ thuật và văn chương.

Kinh dịch lấy tiền đề là: "*Trời và người tương thông, sự thống nhất giữa con người với tự nhiên, sự sinh trưởng biến hoá của trời đất muôn vật trong giới tự nhiên đều tương quan, tương ứng với sinh mệnh con người [...]* **Toàn thể vũ trụ là một chỉnh thể sinh mệnh. Biến hoá, phát triển là bản chất của sự sống; thống nhất hài hoà là điều kiện để đảm bảo cho sự sống được phát triển thuận lợi.**" (Lưu Cương Kỳ và Phạm Minh Hoa, **Chu Dịch và mỹ học** – Hoàng Văn Lâu dịch, NXB Văn hoá Thông tin, 2002).

Những tư tưởng trên, cùng với những tư tưởng về sự đối lập hài hoà của sự vật, về thuyết âm dương, sau này đã được các hoạ sĩ và các nhà mỹ học Trung quốc phát triển ngày một cụ thể và phong phú thêm:

"*Mọi sự vật trong thiên hạ, tất cả đều không ngoài âm, dương. Lấy ánh sáng mà bàn: sáng là dương, tối là âm; lấy*

ngôi nhà mà bàn, bên ngoài là dương, bên trong là âm ; lấy vật thể mà bàn, cao là dương, thấp là âm ; lấy đắp vun mà bàn, chỗ nhô lên là dương, chỗ thụt xuống là âm... Vì có âm, có dương, nên nét bút có hư, có thực." (Đinh Cao, **Tả chân bí quyết**).

Đường Chí Khế đời Minh, cho rằng :

" Vẽ sông núi, quan trọng nhất là phải vẽ được tính tình của sông núi, vẽ được tính tình của nó, thì vẽ được cái thế nhấp nhô ôm bọc của núi, như nhậy như ngôi, như cúi ngẩng, như buộc chân, tự nhiên tình của núi là tình của ta, mà hạ bút không đuối. Cũng vẽ được cái thế sóng trào cuộn cuộn, như hoa vãn như kỳ lân, như mây cuốn, như nộ dâng, như mặt quý, tự nhiên tình sông nước là tình ta, mà hạ bút không cứng nhắc." (Đường Chí Khế, **Hội sự vi ngôn**).

Khái niệm " Ý " trong 6 quy tắc nói trên, cũng là một khái niệm có tính chất triết lý, mà nguồn gốc cũng là ở Kinh Dịch. Hội họa cổ điển của người Trung Hoa, thực chất là một sự theo đuổi siêu hình, chứ không phải là một sự mô phỏng hay tái hiện giản đơn sự vật bên ngoài. Ngay từ thời Ngụy-Tân, Nam Bắc triều (thế kỷ IV-VI), các họa sĩ và các nhà mỹ học đã nhận thức được điều này. Người họa sĩ cổ điển không chỉ thể hiện hình tượng của sự vật, mà chủ yếu là cái hàm ẩn trong hình tượng, khiến cho hình tượng tràn đầy sức sống. Thể hiện sự **biến hoá của vạn vật chưa đủ**, mà còn phải thể hiện được cả cái **tâm linh và sinh mệnh** của vũ trụ.

Trong những quy tắc có tính chất kỹ thuật, quy tắc về cách thể hiện sự vật trong không gian, vừa có tính chất kỹ thuật, lại vừa dựa trên những tư tưởng triết lý về vũ trụ của Đạo giáo và của Kinh Dịch. Đó là một quy tắc quan trọng hàng đầu, vì không biết nó, thì không thể nào tiếp cận được cái đẹp của những phong cảnh hùng vĩ, những không gian vô tận trên các bức họa cổ.



Thậm Chu (1427-1509), *Thác và suối trong núi* (tranh thời nhà Minh)

Quy tắc này, trong nghệ thuật cổ điển Trung Quốc, mặc dầu về mặt kỹ thuật có tiền lệ xa xôi từ những nền văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, nhưng lại có những mặt tinh tế và sáng tạo riêng của nó. Điều chắc chắn, là ít ra cái mặt kỹ thuật của nó, đã có một ảnh hưởng sâu đậm lên nhiều nền nghệ thuật ở phương Đông, đặc biệt là những nền nghệ thuật đã chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn hoá Trung Hoa : Hàn quốc, Nhật Bản, Việt Nam, và một số dân tộc ít người ở Đông Á và Đông Nam Á. Ngay cả nền tiểu họa Ấn Độ và Ba Tư, cũng mang đậm dấu tích của

ảnh hưởng này.

Trong hội họa cổ điển Trung Quốc, nói chung, các họa sĩ không bao giờ dùng phép phối cảnh, như ở phương Tây, từ thời kỳ Phục Hưng trở đi. Sự vật thường được dàn trải ra, theo chiều cao, gần thì ở bên dưới, xa thì ở bên trên, còn kích thước thì tùy theo tầm quan trọng của đối tượng (địa vị xã hội, ngôi thứ của các nhân vật), hoặc tùy theo chủ đề, trọng tâm. Trong tranh phong cảnh, nguyên tắc đó lại càng được tôn trọng hơn nữa, và cách bố cục gần, xa, cũng có những mặt tinh tế hơn : gần và xa hoà quyện với nhau và tất cả được đưa lên phía trước một cách hài hoà, tự nhiên.

Có thể ngay từ xưa, người ta đã thấy được những hạn chế của phép phối cảnh, bởi nhìn từ một điểm bất động, thì con mắt của con người chỉ có thể nhìn thấy rõ một vùng không gian rất hẹp mà thôi. Muốn nhìn rộng ra, thì con mắt phải hướng về nhiều phía, song do thân thể người quan sát đứng yên một chỗ, sự vật không thể nào được nhìn một cách bao quát và **chính diện** được.

Điều đáng chú ý, là cách trình bày sự vật một cách **chính diện**, đã được người xưa khám phá ra ngay từ thượng cổ Ai Cập, mặc dầu những dấu tích còn để lại khá hiếm hoi. Điều chắc chắn, là nó đã được sử dụng trên một bức phù điêu, vào thời vua Amenemhat I (1991-1785 tr. C.N.). Sau này, thi thoảng, trong lịch sử nghệ thuật Ai Cập, nó cũng còn xuất hiện một vài lần nữa, nhưng dường như trong một thời gian dài, người ta không mấy quan tâm đến phương pháp này. Phải chờ đến hơn 1500 năm sau mới thấy trong nghệ thuật cổ đại Trung Quốc xuất hiện phương pháp vẽ này, một cách phổ biến, với ở đằng sau cả một triết lý làm chỗ dựa lý thuyết cho nó. Cũng như, phải chờ đến gần 4000 năm sau, hội họa hiện đại ở phương Tây mới " khám phá " ra cách diễn đạt này (Cézanne, Braque, và trường phái lập thể).



Ai Cập, *Bàn hoa quả trên phù điêu* (thời vua Amenemhat I, 1991-1785 tr. C.N) : một phần hoa quả được trình bày một cách chính diện ở bên trên mâm quả.



Cézanne, *Cerises et pêches* (1883-1887) : đĩa cerises được vẽ dựng lên để nhìn thấy hết từng quả một.

Quan niệm về vũ trụ và không gian trong Kinh Dịch

Trong Kinh Dịch, phương pháp quan sát vũ trụ vạn vật được gọi là " *phương thức quan sát hoành tráng*", có tính vận động, nhằm nắm toàn bộ vũ trụ, lý do là vì vũ trụ,

trời đất, cực rộng và cực lớn, lại biến hoá với thời gian, nên không thể quan sát từ một điểm thị giác cố định. Phương pháp này đã có một ảnh hưởng quyết định đến cách bố cục không gian trong hội hoạ cổ điển Trung Quốc. “ [...] Con mắt của hoạ sĩ không tập trung vào một tiêu điểm thấu thị từ góc độ cố định, mà lưu động quan sát trên dưới, bốn phương, xa đến gần, nắm vững tiết tấu âm dương đóng mở, cao thấp nhấp nhô của toàn cảnh.” (Tông Bạch Hoa, **Nghệ cảnh**, NXB Bắc Kinh, 1987). Trong lịch sử hội hoạ Trung Quốc, về cách bố trí sự vật và sáng tạo không gian trên một bức tranh, có 3 phương pháp :

1. Thứ nhất, là phương pháp thấu thị tiêu điểm
2. Thứ hai, là phương pháp “chim ngó” (cúi nhìn), hay phương pháp “lấy lớn quan sát nhỏ”
3. Thứ ba, là phương pháp thấu thị tán điểm

Với phương pháp thứ nhất do Tông Bính đề xướng, hình ảnh phong cảnh nhìn thấy trước mắt, hay tưởng tượng, được thu nhỏ lại trên bức hoạ, nhưng tuyến nhìn của người

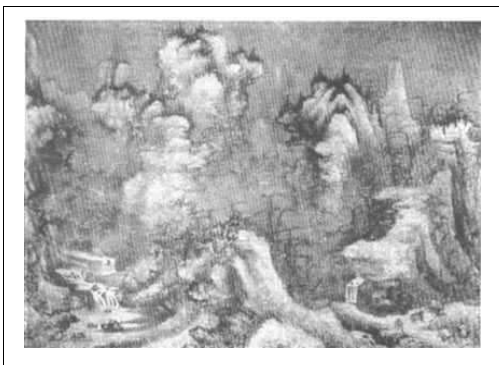


Cảnh núi sông, tranh lụa thời nhà Minh.

quan sát không tập trung vào một tiêu điểm cố định như trong phép vẽ phối cảnh của hội hoạ phương Tây, khiến cho không gian bức hoạ giống như một không gian hình mũi dùi.

Phương pháp “chim nhòm” được Thẩm Quát, một nhà khoa học thời Bắc Tống (960-1127) nói đến trong tác phẩm **Mộng Khê Bút Đàm** như sau :

“ Phép vẽ núi sông, phần lớn là lấy lớn xem nhỏ (dĩ đại quan tiểu), như người xem núi giả vậy. Nếu dùng phép vẽ như núi thật, từ dưới nhìn lên, chỉ có thể thấy được một lớp núi, đâu có thể nhìn hết được lớp lớp núi non, lại không thấy được suối khe trong đó. Lại như



Quách Hy (1020-1090), *Cảnh núi mùa Đông*, tranh lụa thời nhà Tống (trích đoạn)

nhà cửa, cũng không thấy sân trong và sự vật ở ngõ trong. Nếu như ta đứng ở đằng đông, thì phía tây núi phải là viễn cảnh, nếu ta đứng ở đằng tây, thì phía đông núi lại phải là viễn

cảnh. Như thế thì làm sao thành bức hoạ ? ” (Thẩm Quát, **Mộng Khê Bút Đàm**)

Lấy lớn xem nhỏ, có nghĩa là nhìn từ chỗ lớn để nắm cái toàn thể, nhưng trong vũ trụ, lớn nhất không gì bằng trời đất, do đó “dĩ đại quan tiểu” cũng có nghĩa là xuất phát từ trời đất để quan sát, hay đặt sự vật cụ thể vào bối cảnh rộng lớn của trời đất để quan sát.

Phương pháp thấu thị tán điểm cho phép lấy hướng thị giác từ trên xuống dưới, từ trước đến sau, từ gần đến xa, căn cứ vào tình huống khác nhau mà vận dụng linh hoạt, vừa không có một điểm nhìn cố định, vừa không có một tiêu điểm cố định. Nhìn chung, phương thức quan sát sự vật của hoạ gia Trung Quốc là sự *quan sát ứng chiếu toàn phương vị* ; không gian mà họ ý thức được là một không gian vô hạn, luôn vận động biến hoá, và bố cục mà họ sử dụng là một bố cục động ; hơn nữa, họ coi trọng tính thống nhất của các yếu tố đối lập (tư tưởng của Kinh Dịch) :

“ Núi sông, các vật cụ thể, có phản có chính, có nghiêng có lệch, có tụ có tán, có gần có xa, có trong có ngoài, có hư có thực, có đứt có liền, có tầng lớp, có phong trí, có phiêu diêu, đây là nét lớn của cuộc sống. Cho nên núi sông vạn vật dằng cái thiêng liêng cho con người, con người nắm lấy cái quyền nuôi dưỡng sự sống ấy. Nếu không như thế, làm sao khiến cho dưới ngời bút lại có thai có cốt, có khai có hợp, có thể có dụng, có hình có thể, có cứng có lập, có quỳ có nhảy, có xung lên mây, có thể bàng bạc, có cheo leo, có gập ghềnh, có hiểm có yếu... tất cả đều linh thiêng và đủ thân dị.” (Thạch Đào, **Khổ qua hoà thượng hoạ ngữ lục**).

Xem như vậy, không gian trong các bức hoạ phong cảnh cổ điển Trung Quốc không phải là không gian thị giác, mà là không gian hư cấu, trong đó vai trò của bố cục chiếm một địa vị quan trọng, dựa trên một nền phong tư tưởng triết lý và mỹ học của Kinh Dịch về vũ trụ và con người, về sinh mệnh, nhằm thể hiện sức sống dồi dào của trời đất muôn vật và loài người, trên cơ sở tình và vật giao hoà lẫn nhau, con người và thiên nhiên thống nhất.

Văn Ngọc

Ngây Như Phông

Truyện ngắn

Đào Vũ Hoài

Buổi sáng hôm ấy trời xanh xám vắng từ một mùa thu tái mét, bà ta hăm hở chân ngỗng tuồng cửa vào *Galerie Linh Miêu*. Cô phụ tá xinh xắn trang trí nhìn người đàn bà. Khoan ! Bạn đọc chớ vội bờ ngỡ bởi thái độ của cô ta. Thường ngày cô ta là một cô gái dịu dàng, bật thiệp. Gương mặt cô ta cân phân vừa vặn, không bộ phận nào nổi bật hay kém cỏi hơn bộ phận nào... Nói của đáng tội, nhìn cô người ta sẽ để ý ngay đôi mắt : ánh mắt cô ta buồn cảm cách lòng người như sương sớm mặt nước Hồ Tây; lại thêm dáng đi chiều thủy (cô ta soi bóng mình ở đáy hoai niệm bông bênh) nên phận cô ta đáng dênh. Cô ta còn trẻ lắm, nhưng đã sớm đậm mạc với mấy thứ linh kinh trong cuộc sống ví như chức quyền, danh vọng, sắc đẹp... Những người đứng tuổi, đã trải đời, chép miệng bảo đúng thôi, những thứ đấy hão huyền. Nhưng trông dáng cô đổ về phía trước trên sinh lộ gập ghềnh người ta cứ xót xa làm sao ấy. Có lẽ trong thâm tâm họ mặc thuận cho tuổi trẻ được diễm phúc tin vào thực chất của hão huyền : đấy như một bí quyết đối mặt cái chết nham nhở. Viên vòng lăm thay. Phải. Không kíp thì chầy rầm rồi thanh xuân. Y rằng. Mãn khai cuồng dại. Cứ. Nhưng, ôi chao, cùng quần biết đường bao. Đành là thế. Về già chợt lãnh ngộ rằng còn lại mỗi sự lãnh ngộ là niềm an ủi lớn lao. Thôi thì đấy là chuyện trà dư tửu hậu của những người đứng tuổi đã trải đời ; cô ta chắc cũng chẳng mấy may quan tâm.

Thật thì cuộc sống cô ta lạng lẽ xoay quanh nền nghệ thuật kim cổ như chong chóng xoay quanh cái trục. Thế nên từ dạo còn miệt mài giới bóng ước nguyện đem thịnh sắc cho nhân loại ở Cao Đẳng Mỹ Thuật, cô đã là phụ tá đắc lực, cùng là tình nhân của nhà điêu khắc trong câu chuyện chúng ta. Hẳn tin cậy cô ta hoàn toàn vì cô luôn nghiêm túc, và bằng cả tấm lòng trung hậu thực thi mọi công tác được giao phó không chút đắn đo. Thông lệ thì cô ấy được hân tìn nhiệm những việc chả liên quan tí tị gì đến nghệ thuật điêu khắc, như việc lo cà-phê sáng cho hân chẳng hạn. Nhưng, có hề gì. Cô ta còn rất trẻ, và cô ta tên Phụng.

Mà người đàn bà xông xộc bước vào cửa buổi sáng xanh tái ấy rõ ràng là một nhân vật mang phong cách thời đại. Vẫn vũ theo gót bà ta là áng nước hoa xa xỉ - cái lối xa xỉ xăm xía nhắc người ta phải cẩn trọng : ở nơi bà ta toát ra ám hiệu của sức mạnh ngoại tệ, của địa vị và định luật đào thải trong trời đất. Bà ta mỉm cười độ lượng với cỏi con người đầy phần uất, vô hình dạng và tẻ nhạt ta gọi quần chúng (dáng bộ loảng quảng chân ngỗng kia chẳng qua là ngẫu nhiên sinh thành; bà ta hằng tự phụ, gặp thời mới rõ trời sinh tính). Nói thế chứ bạn đọc cứ phải nom thật kỹ, từ một góc độ ánh sáng nào đó may bạn có thể nhận ra : bên dưới nét tuyệt luân mê hồn của thể lực còn như thoáng nhả nha chút phác lậu xanh rì.

Đáp lại thái độ trang trí của cô phụ tá, bà ta khuếch nhiên soi mói lên thảng ngày phẳng lì rù trên ngực cô gái, mặc thị bãi bỏ mọi khuôn sáo phiền phức. Mới hay cô gái quá nhạy cảm, co rúm lại như cheo. Nhưng nhà điêu khắc của chúng ta con người đậm nhả, hân diễm tinh như không : đất Hà Thành

tên tuổi hần lầy lũng, choáng ngợp hết thấy những tùn mùn nhỏ nhen của xã hội đương thời. Đời chỉ đáng một cái nhún vai rất ư *à la mode*. Vâng, hần là một nghệ sĩ. Hần mỉm cười lịch thiệp, nghiêng mình nghênh tiếp khách đến chơi nhà:

- Thưa bà...?

- Tôi muốn đặt hàng. Một tượng Di Lặc nhờ nhờ thế này, gồ đàn hương.

Nhà điêu khắc hào sảng nhếch mép cười khẩy :

- Có lẽ...

- Tôi không muốn mua hàng chợ; của ấy nền thủ công nghệ nước ta sản xuất hàng loạt.

- Nhưng khéo léo tinh xảo không kém.

- Hàng chợ linh thiêng nổi gì ! Ông cứ tạc cho tôi một tượng với tất cả lòng thành của ông; tôi sẽ trả công xứng đáng, ông không phải bận tâm. Nghệ sĩ các ông tin có thánh thần chứ phỏng ?

- Chuyện đấy thì...

- Tốt ! Đây, tôi để lại món tiền; gọi tiền bảo chứng hay tiền bả tiền vĩ cũng được. Tiền cả. Tuần sau nhé !

Một luồng gió cun cút theo tiền chân người đàn bà ra đến cửa. Cô phụ tá xinh xắn ngó quanh chung hững, quên mình nầy giờ vẫn trút cổ dạt vào tường. Nhà điêu khắc nóng mặt liếc cô phụ tá xinh xắn đăm bực đọc. Người đàn bà nói năng xám xát khi nầy quả đã chặt sả của hần ám thị lẫn cảm ứng; bữa ăn sáng lộn ngó lộn tiêu sôi cả dạ dày. Xưa nay hần được tiếng khắc hạch, trong sáng tạo cũng như khi xử thế. Thế mà...

Nhà điêu khắc của chúng ta thật ra tuổi đời mới hình ba mươi, tuy lắm kẻ xấu miệng bảo hần gờng quá sớm sinh tật. Hần có vợ, hai con, một cô nhân tình (là cô Phụng đấy), hai chiếc *scooters* mới toanh, nhà phố Hoàng Diệu, *galerie* phố Tràng Tiền, và một bày mèo bảy con cả thầy. Mèo, một nổi đam mê đừng hỏi hần nguyên do bởi vì đâu. Sờ mộ những họa phẩm của Fujita Tsuguharu (tự Léonard) từ thuở còn bé tí, hần cất công siêu tập tranh in mô bản treo đầy nhà; chỉ toàn những mèo là mèo : mèo vờn chuột, mèo vờn mèo, mèo ăn ngủ đi đứng, mèo ốm ờ, mèo thần thơ, mèo kêu meo meo... Hần nựng tình nhân, gọi *miu* của anh; về nhà vợ mắng như chó, hần tức lắm. Đúng vậy, hần nể vợ một phép. Bạn bè hần ai cũng biết, kẻ thù hần không ai là không bắt thóp nắm tây cả rồi. Nhưng, có hề gì. Hần nhún vai cường ngành nổi tiếng Hà Thành.

Nhà điêu khắc lưỡng lự nhìn cụ Ben cười ý nhị trên mặt giấy bạc: bặt hồ mỏ gà hơn đít trâu chuyện thường bữa, ngạo mạn như ông Baudelaire đem lăm hóa vàng mới biết ai hay dở. Phải rồi. Có thể. Và thế là hần tay chàng tay búa ngày đêm tạc những nét vĩnh cửu lên thớ gỗ thơm. Hần ở luôn *atelier* không về nhà (vợ hần đã quen với những cơn ngây phiêu mộng xuất trần của chồng; hơn nữa, chị ta còn có cuộc sống riêng tư nem chả chứ không muốn thua kém chị em bạn). Cô phụ tá ra vào ngày ba bận lo cơm nước cho nhà điêu khắc, trông coi cửa hiệu, lau phủi những tác phẩm triển lãm và đánh bóng đáng bộ chán chương *fin de siècle*. Hà Nội những ngày mưa lất phất cô ngó trời sông soái ngủ muộn, kiên nhẫn đợi tài hoa rằm trong lòng nứt mộng. Người nghệ sĩ thì sập sả sáng tạo, chạm đục cho toát cơn sốt căn mệnh, khoét trở cho ra cái uyên nguyên của sắc tượng và nổi u huyền của tín ngưỡng. Tượng thứ nhất, ngấm đi ngấm lại thấy ông Di Lặc cười như mèo, hần khẩng khái đem công trình bỏ làm củi; tượng thứ hai bụng quá phệ, trông người ị ạch một thứ hạnh phúc táo kiết; tượng thứ ba đôi mắt diễm đạt một niềm vui hiêng hiêng, tượng thứ tư hí hửng hơi kém đứng đắn, ông thứ năm trán vồ ương ngành, vị thứ sáu hần lờ tay

manh nhất búa khiến tượng cười sún răng như cu Tí ở nhà vậy. Hấn mắt ăn mắt ngủ, cẩu gấu với cô Phụng, bản thần đang đêm nói chuyện với bóng. Cô Phụng nhìn hấn xót xa nhưng biết làm sao. Nghe hấn rút ruột quần bức, *adagio* bình bịch bịch vập trán đánh nhịp vào vách tường, cô bật khóc. Được dăm hôm như thế hấn bỏ phờ chẳng khác tầm giá kén. Hấn hóc hác thiếu máu hỏi người yêu :

- Cô Phụng này, cô có hạnh phúc không ?

Cô Phụng nhìn hấn thương cảm, ngập ngừng :

- Vâng, có...

- Đối với cô hạnh phúc là thế nào ?

- Em có anh là hạnh phúc của em.

- Cô lại vợ vẫn rồi. Tôi nói chuyện nghiêm trọng. Cô định nghĩa thế nào nụ cười Di Lạc ?

Cô Phụng rụt rè :

- Đó là niềm vui của người lấy đức làm trọng.

- Theo cô, người lấy đức làm trọng là hạng người thế nào ?

- Là người biết hổ thẹn.

- Một người biết hổ thẹn làm sao có thể cười hể hả như ông Di Lạc ?

- Người tầm đức sẽ lấy nụ cười Di Lạc làm đạo.

Hấn búng tay đánh tách :

- Tâm tu tự tịnh ! Thế nhưng... đâu là cùng đích ? Đức độ trong tư tưởng, lời nói, việc làm hay lòng tự mãn bởi đức độ ?

- Hay anh tạm gác công việc sang một bên, nghỉ ngơi cho đầu óc thanh thản, biết đâu... Đê em ra quán bà Minh Đàm gọi phở nhá ?

Hấn nuốt nước bọt, mặt méo xệch vì đói :

- Ừ, phải đấy.

- Hay anh mặc áo, ta cùng đi. Cũng nên thay đổi không khí.

Hấn ngoan ngoãn :

- Ừ, ta đi thôi.

Quán *Phở Đàm* từ lâu đã sầm tưng Di Lạc thờ ở bệ cao nơi góc nhà, hàng thủ công nghệ. Hấn hỏi chủ quán :

- Bà Minh Đàm này, thế bà có hạnh phúc không ?

Bà Minh Đàm ngưng nguây nguýt dài :

- Ô hay, cái nhà bác này khéo là hỏi vợ vẫn.

- Tôi nói chuyện nghiêm chỉnh đấy.

- Vâng, cảm ơn bác, nhà em nhờ phúc đức ông bà để lại nay được sung túc, an lạc.

- Hạnh phúc là sống đời an lạc, sung túc ?

- Thế bác muốn làm sao ? Mắt mắt đói khổ đã nhiều rồi.

Bác xơi phở tái nhá ?

- Vâng, xin bà hai bát.

Hà Nội những ngày âm u rét mướt ăn bát phở nóng mới biết đời vẫn phây phây vô phập phòm. Nhưng nhà điêu khắc còn trần trở bước lữ hành tầm đạo nên ăn thức gì cũng lạt miệng. Hấn lơ đễnh xỉ xụp húp cho qua bữa, mắt liếc quanh. Ở chiếc bàn mé trong gần bếp lửa hấn để mắt thấy ông cụ râu tóc bạc phơ ngồi ăn sành điệu, dùng đũa nhón miếng phở. Hấn để mặc cô Phụng ngồi đấy mon men lại hỏi cụ già :

- Thưa cụ, thế nào là hạnh phúc ?

Ông cụ cười khà chịu đựng, chỉ bát phở :

- Tôi có những hạnh phúc nhỏ nhoi thế này đây.

Trông dáng hấn ủ rũ, ánh mắt nài khẩn, cụ thông thả buông đũa :

- Nhưng để được hưởng cho trọn một niềm vui còn con chi bằng cái bát đã phải hy sinh nhiều. Tôi nói thế phải không nào ?

- Thưa cụ, cháu những tưởng loạn lạc tước đoạt của người ta niềm tin vào hạnh phúc thật sự.

- Ấy thế mà người ta cam chịu cơ cực, chấp nhận hy sinh

bởi họ mơ tưởng đến một ngày mai tươi sáng hơn.

- Bản thân họ có giây phút nào được hạnh phúc ?

- Tôi tin chắc họ ra đi là vì đã chọn lý tưởng cao cả làm hạnh phúc.

Hấn trầm ngâm :

- Hạnh phúc của họ như hạt giống chết đi cho một hạnh phúc tương lai nảy mầm ?

- Phải.

Một thằng ranh chải đầu đỉnh, điệu bộ rất *gấu*, ngồi bàn bên nói chỗ sang :

- Thôi đi, bỏ ả! Khô quá, mặc người xưa về với kẻ quá cố. Đây, ngoài nghĩa trang liệt sĩ kia khỏi những kẻ đã ra đi vì hạnh phúc, đợi đến đêm ra đây mà hỏi, họ giả nhời cho !

Cụ già mỉm cười độ lượng, hui hắt ánh mắt vào lòng. Nhà điêu khắc quay ra hỏi thằng kia :

- Thế anh không tin vào hạnh phúc à ?

Thằng nọ bĩu môi :

- Nay nhá, duy vật biện chứng hấn hỏi, nhá: no com, ám ỏ, sượng cù, thông trơn; đây, hạnh phúc đấy! Suy nghĩ linh tinh làm gì, hã huyền viển vông thì đã có ma ngoài đồng; nói thế có phải không, thưa cụ ?

Cụ già vẫn không nói, chỉ khoan dung mỉm cười.

Cô Phụng rón rén đến sau lưng nhà điêu khắc:

- Anh để cụ xơi.

Hấn giật mình: niềm vui nhỏ nhoi của ông cụ đã nở phình ra. Hấn bối rối xin lỗi cụ già. Ra đến cửa hấn ngoái đầu nhìn lại. Thằng đầu gấu ngồi vắt chân hút thuốc vật. Ông cụ hai mắt lim dim, từ tốn ăn bát phở. Cụ giờ chỉ còn nhâm nhi miếng ngon hoài niệm, hấn nói thầm với cô Phụng như thế. Cô gái mỉm cười sung sướng. Cô biết mình là của hấn, chỉ riêng mình hấn. Trời vào đông lay rây mưa rất mỏng, nhưng cả hai dường không để ý. Đất vẫn vật ngày càng trở trên cơ khí, bắng nhắng bỏ lại nghìn năm rêu phủ, xuôi ngược nghiêng cổ ghé sang một thiên niên kỷ mới toanh. Nhưng cô Phụng vẫn đang mỉm cười sung sướng; cô khoan thai đánh nhịp gót giày trên mọi khái niệm. Không có không gian, và chưa có thời gian. Phở phường lăm những ý thể rạc rai bại hoại, thiếu ngủ bởi đời đánh mất lòng non yếu, và ký vãng vong hoài cõi tỉnh mặc; những linh hồn sắt seo ấy nhìn theo dáng cô thon thả cổ níu lại chút huyền mực suy nhược. Cô Phụng sánh bước bên người yêu chỉ trông thấy phở thấy phường, không thấy mưa sa trên niệm thức thời cuộc. Nhà điêu khắc thì suy nghĩ mông lung lăm. Đôi lúc tự tự giữ chân hấn lại. Cô gái nhẵn nại nhìn hấn ngậy ra giữa via hè. Họ im lặng bên nhau cho đến cuối con đường trong trời lập đông là thả. Bên khuôn viên Viện Bảo Tàng họ vào quán gọi sữa nóng. Hấn hỏi :

- Em có hạnh phúc không, hả Miu ?

Cô gái đỏ mặt hạnh phúc:

- Vâng, có.

- Đối với em hạnh phúc là thế nào ?

- Anh còn phải hỏi.

- Nói đi.

- Em có anh là hạnh phúc của em.

Hấn cười hi hi, ngón Hà Nội run lập cập một ngày xám ngắt. Cô Phụng bật lửa hút thuốc.

- Tượng Di Lạc của anh sẽ phải là kiệt tác.

Hấn nắm lấy tay cô Phụng; hấn thương lăm những ngón tay thuần nòn cô ấy vin lấy đồng bão chưa dứt trời.

- Hàng thủ công nghệ nước ta tinh xảo chán, Miu ả. Mặc mụ ấy !

Đào Vũ Hoài

Vết thương

Truyện ngắn

Nguyễn Ngọc Tư

Tôi nhớ hoài bản sơ yếu lý lịch mà Phúc viết năm em mười hai tuổi. Ở dòng nơi sinh em ghi : dưới gốc bàng. Tôi nhớ về mặt trong vạt của em khi phụng phịu : “Thiệt vậy mà, anh Hai quên rồi sao ?”.

Không, có chết tôi cũng không quên buổi sớm hôm ấy, khi tôi và má nuôi nhìn thấy Phúc ở dưới gốc cây, xung quanh lá khô rơi đầy. Người ta túm em trong bọc vải dầy sương, người em đã tím, em không khóc nữa nhưng dường như đã khóc rất nhiều, môi em khô róc, bọt bọt.

Khuôn mặt nhòe nhoẹt máu, một bên mắt em đã bị chuột gặm nham nhở. Tôi - bây - tuổi khóc điếng, hình dung mình cũng đã từng nằm dưới gốc cây nào đó, cùng kiến, chuột và bóng đêm. Hôm má nuôi ôm tôi lên cũng giống như bây giờ, gói em trong tay, bà hơi trùng trùng, lão đảo, nom em nhỏ nhoi như trái bí, trái bầu nhưng mang sức nặng của một sinh linh.

Chúng tôi mang em về Sương, về ngôi nhà nhỏ chênh vênh trên khu vườn chôn chít những tiểu sành - những hòn máu bị vứt bỏ mà má nuôi tôi nhặt từ bệnh viện. Tôi lẳng lẳng xách dao dọn một khoảng cỏ, chuẩn bị tắm vải và cái quách nhỏ. Nhưng thật lạ lùng, em vẫn sống, tiếc là chỉ còn một mắt. Lần đầu tiên má nuôi tôi tin có kỳ tích trên đời.

Vẫn những buổi chiều lên, vẫn khu vườn hiu hắt, những giọt máu chưa thành hình không đủ để hóa linh hồn, chỉ vật vờ những ngọn khói mỏng xiêu xiêu. Nhưng từ khi có Phúc, có tiếng cười giòn tan vắt vèo trên tầng cây, khói cũng bớt khốc than. Để hình dung ra mình đã lớn như thế nào, tôi nhìn Phúc lớn.

Nhưng khó hi vọng được nhìn thấy mình, vì Phúc khác biệt tôi. Phúc không thêm nhớ mình là đứa bé bị ruồng bỏ đã đành, vết thương - hốc mắt trông phập phồng trên gương mặt, em cũng chẳng để ý. Phúc hay đòi má nuôi tôi kể lại ngày lượm được em, để lấy làm sung sướng, ra vẻ kinh ngạc, ngón ngon : “Vậy mà con sống, ngộ thiệt”. Thời gian đi qua Phúc có vẻ nhẹ nhàng.

Tôi thì không. Tôi thường buồn bã, chờ đợi, ham muốn điều gì đó không rõ ràng. Vài bóng người lạ mặt lảng vảng trong vườn khói của má nuôi tôi cũng làm tôi hi vọng và tuyệt vọng. Chẳng có ai tìm mình.

Có lần bắt gặp một người phụ nữ ngồi than khóc bên cạnh một ngọn khói nhỏ, tôi ôm mấy cục củi ra sân, bừa như điên dại. Ước gì mình cũng hóa khói... Nghe vắng trong nhà tiếng Phúc nói với má : “Anh Hai đang khóc...”. Khi chỉ có hai chúng tôi, Phúc tần ngần hỏi nhỏ : “Có má thương mình không đủ sao anh Hai ?”.

Với Phúc sống là đủ, có người nuôi cư mang là đủ, có một con mắt nhìn đời cũng đủ. Đi đường, thấy bất cứ đám tang nào, em cũng bỏ dép ghé vào, thấp mấy cây nhang, lạy

ba lạy. Thấy tôi ra vẻ ngạc nhiên, em thâm thì : “Biết đâu họ là cha má mình...”.

Em có thể điem nhiên chơi dưới gốc cây bàng năm cũ, vừa ngó nghiêng vừa nói : “Đề em kiểm con chuột hỏi nó coi tha con mắt em đâu ?”. Rồi thấy tôi ngồi đằng xa, muốt mồ hôi, mặt cắm xuống đất, em rón rén lại, chia trái bàng khô ra :
- Anh Hai, coi con mắt em rớt ở đây nè, chà, nó cũ mềm rồi.

Con mắt còn lại lấp lánh ánh cười.

Đó là lần đầu tiên tôi nghĩ ước gì mắt Phúc có cả đôi. Nó sẽ làm cho khuôn mặt em xinh đẹp hơn, cho cái cảm giác chông chênh ở em không còn nữa. Và quan trọng, ở Phúc không còn dấu tích bị bỏ rơi. Của em và của tôi.

Ý nghĩ ấy ngày càng vây lấy tôi như con rắn đói điên cuồng quấn mỗi. Tôi thôi học theo má nuôi làm công việc quét dọn trong bệnh viện. Đồng lương ít ỏi, tôi bỏ bệnh viện đi làm thợ hồ. Nhiều bữa gạch cắt tay đổ máu, thấy em chắc lưỡi hít hà, tôi cười :

- Đứt chút đỉnh nhằm nhò gì. Miễn là có tiền làm mắt giả cho em...

Phúc cúi đầu, đang thoãn thoắt quần vải bó tay tôi bỗng chậm rãi, đắn đo. Tôi lại bỏ việc ở công trường, bởi quần quật bốn tháng trời cũng chưa đủ chi phí cho ca phẫu thuật. Người quen giới thiệu một chỗ bụng bê ở nhà hàng thị xã. Bà chủ tốt bụng hay biểu vào phòng, nhờ đám bóp, cho thêm tiền. Bất gặp cái ánh nhìn rất ướt của bà, lòng tôi lạnh ngắt lạnh ngơ. Tôi chột nhận ra, buột miệng nói “Chết cha...”, mình chỉ nóng bừng khi đứng trước Phúc. Em không còn đơn thuần là đứa em gái nhỏ. Điều đó làm tôi càng nôn nóng. Thật hạnh phúc khi nhìn thẳng vào em, ôm ghì em trong tay mà không bị ám ảnh bởi gốc cây, con chuột...

- Anh làm tháng nữa là đủ tiền...

Má nuôi tôi rầy : “Cái thằng, lải nhải hoài chi chuyện đó”. Phúc không nói gì, ngồi trước thau giặt đồ to tướng, tay vò miết chiếc áo tôi còn vương vết mùi dầu thơm của người chủ nhà hàng. Dường như em lại lặng đi... Tôi không hiểu cái lặng đi đó, không hiểu sao nhắc tới chuyện mắt, Phúc không giấu được buồn.

Phúc lẳng lẳng bỏ đi, không trở lại. Má nuôi tôi nói chính tôi đã đẩy Phúc đi. Tôi chạy ra ngã ba Sương, vô vọng ngó những con đường chạy hun hút đằng phía chân trời.

Những ngọn khói không còn vật vờ than thở nữa, chúng nhận ra làm người cũng chẳng sướng gì khi phải chịu đựng những nỗi đau. Chúng an phận khói... Chúng để mặc tôi rầm rứt với cách trả lời bằng cảm lạnh của Phúc.

Rằng Phúc cũng đau, nhưng em không tránh né bởi quay về hướng nào thì trên mặt em cũng còn vết, nên em tự giãi bày lên đó, để chỗ đau chai sạn. Rằng em tuyệt vọng khi cố gắng kiệt sức mà chỉ thấy khiếm khuyết của mình hằn vết sâu thối trong mắt tôi...

Tôi thường đem củi ra bừa đến khuya, đến kiệt sức, vì nhớ Phúc. Thật kỳ lạ, trong cái nhớ quay quắt đó, tôi không mấy may nghĩ về vết thương, trong tôi long lanh nụ cười trong vạt của Phúc, giọng nói giòn tan của Phúc.

Và mắt của Phúc không bao giờ làm lui cúi nhìn, không nề hà chuyện mình có đủ đôi hay không, mắt em luôn lấp lánh sáng, hay háy nguyệt, ứ đầy những hòn giận, thương yêu... ■

Ma và người

tạp văn

Nguyễn Ngọc Tư

Gởi những ai sợ hãi bóng đêm

Hồi tôi sống với ngoại, lúc sáu, bảy tuổi gì đó, tôi bắt đầu biết sợ... ma. Sợ vì tin rằng có ma trên đời. Để ý thì thấy, lần nào ngoại tôi vấp chân, bà cũng từ tốn nhìn quanh, giọng nửa trách móc, nửa tôn kính: “Mô Phật, ai mà giỡn kỳ, đây bà già này làm chi?”. Không ai trả lời, chỉ có gió rợn sau nhà. Đám giỗ, ngoại bày năm mâm cúng, lúc nâng ba cây nhang nghi ngút khói ngang trán, ngoại lầm râm vái có kinh có kệ có dò có đọc như thể người nào đó đang ngồi chình ình trước mặt. Tàn nhang cong queo, ngoại mừng húm nói bữa nay có ông bà về. Nhưng ngoài tôi ra, trước sân chỉ rụng xuống một vài lá vú sữa rập rờn. Tôi tin có những người nào đó tồn tại quanh mình, trong một thế giới vô hình, dù ngoại không hề dọa ma. Vì vậy, suốt những năm sống với ngoại trong khu vườn gần đồn Chệt, tôi chẳng bao giờ lên ra vườn bởi ghê cái ao trước đây có ông lính cộng hoà say rượu té chết, một mình không dám ra sông vì ngoại kể hồi chiến tranh, sông trôi xơ xác những xác người. Cũng không leo trèo hái trái trên những cây me cổ thụ, loại cây mà ma khoái ở (thì nghe nói vậy). Nửa đêm thoi thóp nghe chim cú kêu bên hè (khôn khô, vì vườn xưa, nhiều cây cao nên chim cú thích ở, đêm nào cũng kêu xa kêu gần). Quảng đó tôi sống tốt dễ sợ, đến nỗi không dám... ăn vụng vì nghĩ mình làm bất cứ chuyện xấu xa nào cũng có kẻ nhìn thấy, ớn muốn chết.

Ma đem lại cho tôi rất nhiều cảm xúc mãnh liệt (điều này hơi giống... tình yêu). Trong sợ hãi có một chút thích thú. Muốn quay đi nhưng cũng rất tò mò, hiếu kỳ. Sợ, nhưng thích xem phim kinh dị, tới đoạn rùng rợn lại che mặt. Người sợ ma nhất luôn có bộ sưu tập nhiều chuyện ma nhất. Và trí tưởng tượng được sử dụng hết cỡ. Những cây tre cọ vào nhau trong đêm giông, tiếng cú kêu, tay chuỗi khô vờ vờ bay trong đêm, vài con bướm lớn màu xám lặng lẽ đậu im lìm trên vách, một góc nhà hơi tối và lạnh lẽo... đều là mối dây liên hệ với... ma. Ngay cả chạy trên đường, tiếng bước chân mình mà tưởng chân ma rượt, báo hại càng chạy càng thấy nó đuổi sát bên mình. Buộc phải sợ, thế giới đó quá bí hiểm, chưa ai được mon men ra biên giới giữa hai cõi hỏi thăm, người đi về cõi đó cũng không trở lại dễ... kể.

Phải sợ, vì người ngoài sáng, ma trong tối. Ma lượn lơ quanh mà mình chẳng thấy, đến lúc chớp mắt, ma lại hiện ra trong những giấc chiêm bao. Tôi, cũng như nhiều người chưa thấy ma bao giờ, nhưng nghe kể chuyện đã thấy ám ảnh, hãi hùng. Người đời thêu dệt hàng ngàn câu chuyện ma khác nhau, nhưng đối tượng chính thì giống hệt, thường là những người phụ nữ xinh đẹp mặc toàn đồ đen hay trắng (có lẽ thế giới đó không chuộng một, chưa nghe ma mặc áo chim cò, áo yếm hoặc váy ngắn), tóc đen dài, và khi muốn làm con người sợ hãi, ma khoe cái lưỡi dài, đỏ lỏm. Ma hay vật vờ than khóc

trên những cây cổ thụ, hay mời người ăn bánh (nhưng khi tỉnh ra thì thấy bánh là bùn). Rất nhiều truyện kể ma đứng bên đường quá giang xe những người đàn ông, rồi biến mất bằng nhiều cách, hoặc đi vào ngôi cổ miếu nào đó, hoặc lặng lẽ tan đi mặc cho anh nọ vẫn nói huyền thuyên đằng trước.

Những câu chuyện ma bắt đầu làm cho tôi thích thú, đơn giản vì tôi hết sợ. Tôi không tin tuyệt đối vào sự huyền bí, nếu có thì ma đâu sao không vắn cổ bọn người xấu đang nhôn nhơ giữa đời kia. Hiểu ra điều đó, tôi tiếc vì mất đi một lý do để mình sống... tử tế. Nghịch lý, là khi tôi tỉnh táo, thấu đáo được một điều gì đó thì đời bỗng buồn hơn.

Bỗng ngỡ ngàng thấy người đáng sợ hơn ma. Chẳng biết được ai là bạn, là thù, ai yêu mình, ai ghét mình, trong khi ma đã tách bạch ở một giới tuyến tối tăm khác. Nói tới ma, biết ngay là giặc. Còn người thì lẫn lộn trắng đen, khó nắm bắt. Ma muôn đời đơn điệu vài chiêu dọa người, người lại nghĩ trăm phương nghìn cách hại nhau. Vậy mới sợ.

Phát hiện ra điều này, tôi buồn suốt một khúc thời gian, ganh tị với kẻ sợ ma rón rén trông buồn cười mà hạnh phúc. Tháng Giêng rồi, tôi đi H. chơi. Nghe nói nhà trọ xây trên nền nghĩa địa cũ, cả đêm hai đứa con gái cùng phòng mở đèn sáng rực, nghe gió rít qua khe cửa sổ, trần trọc chờ... ma. Báo hại tôi ngủ không được. Trăn trở nghe bụng cồn cào, tôi mò ra quầy bar, mua ly sữa nóng. Anh chàng trực quầy cao lớn đang ép nước trái cây. Lúc anh ngẩng lên, tôi giật mình trước nét mặt đẹp, rất nam tính nhưng lạnh tanh, thật ngầu. Lúc ấy tôi bị bội thực những nụ cười giao đãi nên thấy thích anh chàng này, đứng nán nả nói một vài câu chuyện bâng quơ. Tôi kể mình vừa thấy ma. Anh cười. Tôi nói em thấy ma thiệt. Anh lại cười. Tôi nói bạn em cũng thấy ma, nó đang sợ phát khóc trong phòng. Mắt anh ta nhìn tôi có vẻ tần ngần, cuối cùng anh hỏi, con ma ra làm sao. Tôi ngập ngừng, ra bộ vẫn còn hãi hùng lắm, nói chị đó mặc đồ nâu đen, tóc dài, cài nơ đen. Anh ta im lặng, nhìn chăm chăm vào cái máy xay đang kêu tè tè. Anh bỗng ngẩng lên: “Em à, con nhỏ đó hiền lắm”.

Tôi đứng day ly sữa trong tay, cảm động muốn chết. Chẳng ai nói về ma, về nỗi sợ hãi thường trực trong lòng bằng cái giọng ấm áp, bao dung, bình thản, chân thành như vậy. Như thể anh đang nói về một đứa em nhỏ, một người bạn thân, một đồng loại...

Thật đơn giản, lâu nay người ta cứ nghĩ ai đó là kẻ thù trong khi họ cũng có thể làm bạn. Tôi lại tin có ma ở trên đời, nhưng không phải để sợ hãi...

Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn 25-5-06

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept (Vitry-sur-Seine)

Dépôt légal: 178/91* Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà: <http://www.diendan.org> Bài gửi cho báo: phòng

Unicode hay qua email theo quy ước VIQR